

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
THÀNH PHỐ PHAN RANG-THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN



Năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
THÀNH PHỐ PHAN RANG-THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

Ngày 03 tháng 4 năm 2023

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
PHAN RANG - THÁP CHÀM

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Hoài Nam

Lê Ngọc Thạch

Năm 2023

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Mục đích, yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất thành phố	2
2. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố	2
3. Tài liệu, bản đồ lập kế hoạch sử dụng đất.....	4
4. Phương pháp thực hiện.....	5
5. Tổ chức thực hiện.....	6
6. Sản phẩm kế hoạch sử dụng đất và nội dung chính của báo cáo	6
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	7
1.1. Điều kiện tự nhiên	7
1.1.1. Vị trí địa lý	7
1.1.2. Địa hình, địa mạo	7
1.1.3. Khí hậu	8
1.1.4. Thủy văn.....	8
1.1.5. Các nguồn tài nguyên.....	9
1.2. Kinh tế, xã hội	11
1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	11
1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế.....	12
1.2.3. Dân số, lao động.....	13
1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn	14
1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	15
1.3. Tình hình quản lý đất đai.....	21
1.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2022	21
1.3.2. Biến động sử dụng đất năm 2021 so với năm 2022	24
1.3.3. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	26
1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường.....	27
1.4.1. Những lợi thế	27
1.4.2. Những hạn chế	27
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC ...	28
2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	28
2.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất	28
2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất.....	55
2.1.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất	55
2.1.4. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng.....	56
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch SD đất năm 2022	56

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	57
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	58
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	58
3.2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của thành phố.....	60
3.2.1. Mục tiêu phát triển:	60
3.2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu kinh tế - xã hội năm 2023:	60
3.2.3. Định hướng phát triển kinh tế các ngành năm 2023:.....	61
3.3. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2023.	62
3.3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất 2023.....	62
3.3.2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.....	63
3.4. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	64
3.4.1. Đất nông nghiệp	66
3.4.2. Đất phi nông nghiệp	68
3.4.3. Đất chưa sử dụng.....	78
3.5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích năm 2023	78
3.6. Diện tích đất cần thu hồi năm 2023	79
3.7. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2023	79
3.8. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.....	80
3.9. Danh mục các công trình, dự án và số lượng hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất năm kế hoạch 2023.....	81
3.10. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	84
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	84
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	84
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	85
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất đất... ..	86
4.4. Giải pháp về khoa học, công nghệ	87
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	88
I. KẾT LUẬN.....	88
II. KIẾN NGHỊ.....	88

CÁC BIỂU TRONG BÁO CÁO

Biểu 1: Hiện trạng sử dụng đất năm 2022	21
Biểu 2: Biến động đất đai từ năm 2021 đến năm 2022	24
Biểu 3: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2022 đang thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2023.....	29
Biểu 4: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2022 không chuyển tiếp thực hiện trong năm 2023.....	39
Biểu 5: Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021.	42
Biểu 6: Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 27/7/2022.	46
Biểu 7: Danh mục công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/12/2021.	47
Biểu 8: Danh mục công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 22/7/2022.	49
Biểu 9: Danh mục công trình, dự án đã thông qua HĐND tỉnh 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất và chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất.	50
Biểu 10: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	51
Biểu 11: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2022.....	56
Biểu 12: Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho thành phố đến năm 2025.....	58
Biểu 13: Chỉ tiêu các loại đất trong năm kế hoạch 2022 chưa thực hiện chuyển sang năm 2023	62
Biểu 14: Nhu cầu mở rộng các loại đất năm 2023	63
Biểu 15: Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2023.....	63
Biểu 16: Diện tích, cơ cấu kế hoạch sử dụng đất năm 2023	64
Biểu 17: Diện tích các loại đất chuyển mục đích năm 2023.....	78
Biểu 18: Diện tích đất cần thu hồi năm 2023.....	79
Biểu 19: Diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023	79
Biểu 20: Tổng hợp danh mục công trình, dự án năm 2023.....	82
Biểu 21: Tổng hợp số lượng hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất năm kế hoạch 2023.....	83



ĐẶT VẤN ĐỀ

Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm là trung tâm chính trị-kinh tế-văn hóa-khoa học kỹ thuật của tỉnh Ninh Thuận. Thành phố có 15 phường và 01 xã (Thành Hải), tổng diện tích tự nhiên (DTTN) có 7.918,79 ha. Dân số trung bình năm 2021 có 168.806 người, mật độ dân số 2.132người/km². Thành phố có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tổng hợp: Thương mại-dịch vụ, Công nghiệp-xây dựng, Nông nghiệp-Thủy sản.

Luật Đất đai năm 2013 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai (Điều 22); việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của thành phố được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013 (Khoản 3, 4 Điều 40), Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (Khoản 3 Điều 7 và Khoản 4 Điều 9) và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trên địa bàn thành phố có liên quan đến sử dụng đất.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, hàng năm, thành phố phải lập kế hoạch sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trong quý III, sau đó thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt tháng 12; tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt. Cũng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, những công trình, dự án không có trong kế hoạch sử dụng đất được duyệt thì không được phép thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho chuyển mục đích sử dụng đất.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, chỉ đạo của UBND tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thành phố, phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Phân viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp miền Trung **Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Phan Rang-Tháp Chàm** để đảm bảo tính thống nhất về quản lý Nhà nước về đất đai, góp phần quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển các khu dân cư đô thị, nông thôn, các khu dịch vụ, du lịch, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp...



1. Mục đích, yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất thành phố

1.1. Mục đích

- Đề xuất với UBND tỉnh việc phân bổ lại quỹ đất đai phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và thành phố.
- Cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2023 tất cả các dự án, công trình thực hiện trên địa bàn thành phố của các ngành và địa phương.
- Làm căn cứ xây dựng khu đô thị mới, thu hút đầu tư.
- Góp phần quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.
- Làm căn cứ pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, ... theo quy định của pháp luật.

1.2. Yêu cầu

- Điều tra, tổng hợp, cập nhật đầy đủ các công trình, dự án của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn thành phố.
- Xác định vị trí, ranh giới, diện tích các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất; khu vực dự kiến nhà nước thu hồi đất trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố.

2. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố

- Luật Đất đai, ngày 29/11/2013; Luật Thủy lợi, ngày 19/6/2017; Luật Quy hoạch, ngày 24/11/2017; Luật Trồng trọt, ngày 19/11/2018; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến Quy hoạch, ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 22/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;
- Kết luận số 81/KL/TW, ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị (Khóa XII) về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030.
- Các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 06/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; và các Thông tư hướng dẫn có liên quan; Số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Số 62/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Số 37/2019/NĐ-CP, ngày 07/5/2019 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Số 148/2020/NĐ-CP, ngày 18/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;



- Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2015/TT-BTNMT, ngày 27/01/2015 về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Số 01/2017/TT-BTNMT, ngày 09/02/2017 về quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục-đào tạo, cơ sở thể dục thể thao; Số 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 3 về phê duyệt danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 3 về phê duyệt danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Nghị quyết số 58./NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 10 về phê duyệt Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 10 về phê duyệt Danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 2944/2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các tuyến đường giao thông trong quy hoạch phát triển ngành Giao thông Vận tải tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quy hoạch các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 ban hành Quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Phan Rang-Tháp Chàm đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt khu vực phát triển đô thị đến năm 2020 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;



- Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất tỉnh 5 năm 2021-2025 cho các huyện, thành phố;

- Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

- Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận;

- Chỉ thị số 16/CT-UBND, ngày 29/6/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Công văn số 1079/UBND-KTTH ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Kế hoạch số 4944/KH-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Kế hoạch triển khai thực hiện các khu đô thị mới, khu dân cư trong năm 2022-2023 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh;

- Tờ trình số 4992/TTr-STNMT ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận;

- Công văn số 2668/UBND-TH ngày 31/7/2022 của UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về việc giao nhiệm vụ thực hiện công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

3. Tài liệu, bản đồ lập kế hoạch sử dụng đất

- Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Dự thảo).

- Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 tỉnh Ninh Thuận (Dự thảo).

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2020, 2021 và 2022 TP. Phan Rang-Tháp Chàm.

- Quy hoạch phát triển vùng ven biển tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Phan Rang-Tháp Chàm đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Các đồ án quy hoạch phân khu và các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) được phê duyệt trên địa bàn thành phố.

- Bản đồ khu vực phát triển đô thị đến năm 2020 và những năm tiếp theo trên



địa bàn tỉnh Ninh Thuận với nội dung.

- Tài liệu Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025.
- Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Du lịch tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
- Quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các tuyến đường giao thông trong quy hoạch phát triển ngành Giao thông Vận tải tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030.
- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thích ứng biến đổi khí hậu
- Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Ninh Thuận.
- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng khu CN Thành Hải mở rộng.
- Thống kê đất đai năm 2020.
- Niên giám thống kê thành phố năm 2021, 2022 (dự thảo).
- Văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2023 của các ngành, lĩnh vực, của các cấp trên địa bàn thành phố.
- Khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

4. Phương pháp thực hiện

Áp dụng một số phương pháp sau trong việc thực hiện dự án.

4.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu: gồm các phương pháp sau:

a. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Đây là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022; thu thập tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Khảo sát thực địa tại cấp phường-xã để xác định khoanh vẽ lên bản đồ địa chính vị trí, ranh giới, hiện trạng sử dụng đất của các thửa đất sẽ chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023.

b. Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có: Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập được tiến hành phân loại, chọn lọc, kế thừa các tài liệu đã được phê duyệt và các công trình, dự án đang triển khai năm 2022 chưa xong và thực hiện tiếp năm 2023; các công trình, dự án mới sẽ triển khai năm 2023.

4.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu: Chọn một số dự án lớn nằm trong phương án QH, KHSD đất đã được phê duyệt để điều tra về kết quả đã thực hiện hoặc tại sao chưa được thực hiện để rút ra các nguyên nhân làm tốt hoặc làm chậm tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất và giải pháp khắc phục...

4.3. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ: Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán, phân tích theo các bảng, biểu kết hợp với phần thuyết minh. Bản đồ được xây dựng bằng sử dụng phần mềm như Microstation, MapInfor,...



4.4. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành phân nhóm, thống kê diện tích các công trình, dự án đã thực hiện theo kế hoạch; chưa thực hiện, hoặc đang thực hiện dở dang; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện phương án KHSD đất. So sánh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện năm trước (năm 2022) với chỉ tiêu phương án KHSD đất đã được phê duyệt.

4.5. Phương pháp minh họa trên bản đồ

Đây là phương pháp đặc thù của công tác lập kế hoạch sử dụng đất. Các loại đất chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2023 được thể hiện trên bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố, tỷ lệ 1/10.000 thể hiện cụ thể các yếu tố về vị trí phân bố, ranh giới sử dụng đất, diện tích, hiện trạng sử dụng đất,... Phương pháp minh họa bằng bản đồ có sử dụng các phần mềm chuyên dụng làm bản đồ (như Microstation, Mapinfor,...).

5. Tổ chức thực hiện

- Chủ dự án: UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.
- Đại diện chủ dự án: Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.
- Cơ quan tư vấn thực hiện: Phân viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp miền Trung - Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (*Bộ nông nghiệp và PT Nông thôn*).
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban, ngành và UBND các phường-xã trực thuộc thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.

6. Sản phẩm kế hoạch sử dụng đất và nội dung chính của báo cáo

6.1. Các sản phẩm

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, kèm theo các bảng biểu, phụ biểu tính toán, bản đồ thu nhỏ.
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 toàn thành phố, tỷ lệ 1/10.000.
- Đĩa CD copy báo cáo thuyết minh, bảng biểu và bản đồ KHSD đất đã số hóa.

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, các sản phẩm trên được lưu tại: UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và Phòng Tài nguyên và Môi trường.

6.2. Nội dung chính của báo cáo

- Đặt vấn đề.
- Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.
- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.
- Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023.
- Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất
- Kết luận và kiến nghị.



I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm có vị trí địa lý như sau:

- Vĩ độ Bắc: Từ 11⁰31'32" (cực Nam) đến 11⁰40'08" (cực Bắc).
- Kinh độ đông: Từ 108⁰54'50" (cực Tây) đến 109⁰03'26" (cực Đông).

Ranh giới thành phố tiếp giáp với:

Phía Bắc giáp huyện Bác Ái và huyện Ninh Hải.

Phía Nam giáp huyện Ninh Phước.

Phía Tây giáp huyện Ninh Sơn.

Phía Đông giáp biển Đông.

Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm là trung tâm của tỉnh Ninh Thuận; có đường QL1 đi qua và QL27 đi Lâm Đồng nối với vùng Tây nguyên, với bờ biển dài khoảng 8 km rất thuận lợi cho phát triển du lịch. Thành phố cách TP.Nha Trang 110 km về phía Bắc, cách TP Hồ Chí Minh 350 km về phía Nam, cách TP Đà Lạt 110 km về phía Tây; gần cảng biển Ba Ngòi và sân bay quốc tế Cam Ranh (55 km). Vì vậy, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm giữ vai trò trung tâm cho phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của tỉnh Ninh Thuận và có vị trí quan trọng trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình thành phố Phan Rang-Tháp Chàm khá bằng phẳng. Ngoài khu vực sân bay Thành Sơn thuộc phường Đô Vinh có một số đồi thấp cao hơn 100m, tất cả các phường-xã còn lại đều thuộc vùng đồng bằng, độ cao trung bình 3-5 m so với mặt nước biển. Địa hình thấp dần từ Tây sang Đông, từ Bắc vào Nam và đổ ra sông Cái.

Toàn thành phố chia làm 3 dạng địa hình chính:

- Dạng đồi thấp: Diện tích 2.134 ha, chiếm 26,95% tổng DTTN; phân bố ở phường Đô Vinh, độ cao 15 - 182 m; độ dốc nền địa hình 10 - 30%. Khu vực này sử dụng vào mục đích quân sự.

- Dạng bằng phẳng: Diện tích 2.618,79 ha, chiếm 33,07% tổng DTTN; bao gồm khu vực đất phù sa ven sông và các chân ruộng cao, có độ cao 3-15 m; độ dốc nền địa hình 1-3%. Khu vực này chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp (trồng cây hàng năm, cây lâu năm, ...); đất phi nông nghiệp: đất ở đô thị, nông thôn, đất xây dựng phát triển các khu đô thị,...

- Dạng thấp trũng: Diện tích khoảng 3.166 ha, chiếm 39,98% tổng DTTN; gồm các chân ruộng trũng, có độ cao dưới 2,5 m; chạy dọc theo kênh Bắc (đập Nha Trinh); kênh Chà Là, kênh Tân Hội, mương ông Cố,... và thấp trũng cục bộ ở các phường-xã; thường bị ngập nước trong mùa mưa. Vùng này chủ yếu là trồng lúa.

Địa hình bằng phẳng, thấp nên rất thuận lợi cho việc khai thác tiềm năng đất đai vào sản xuất nông nghiệp; nhưng khi chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp thì phải đầu tư san nền để tránh ngập úng...



1.1.3. Khí hậu

Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm nằm trong vùng khô hạn nhất cả nước, có nền khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, với các đặc trưng là khô nóng, gió nhiều, lượng bốc hơi lớn. Theo tài liệu phân vùng khí hậu tỉnh Ninh Thuận, thành phố nằm trong tiểu vùng III.1 có đặc điểm:

- Toàn thành phố có nền nhiệt độ cao quanh năm. Nhiệt độ trung bình năm 28°C (cao nhất là $33,6^{\circ}\text{C}$, thấp nhất là $23,2^{\circ}\text{C}$).

- Nắng: Thành phố nằm ở vĩ độ thấp, quanh năm có thời gian chiếu sáng dài. Hơn nữa, suốt cả mùa khô kéo dài tới 8-9 tháng, trời thường ít hoặc quang mây, cho nên ở Phan Rang-Tháp Chàm trung bình hàng năm có tới 3.000-3.300 giờ/năm.

- Tổng nhiệt năm 9.500-10.000 $^{\circ}\text{C}$, cho phép canh tác nhiều vụ/năm, nhưng gây ra bốc hơi nước nhanh. Vì vậy cây trồng phải được tưới nước và bố trí sử dụng đất phải chú ý đến những cây trồng chịu hạn cho các vùng đất không chủ động nước tưới.

- Độ ẩm tương đối trung bình năm 70%.

- Chỉ số ẩm ướt trung bình năm dao động từ 0,3 - 0,5.

- Lượng bốc hơi nước trung bình năm từ 1.650 mm - 1.850 mm.

- Khí hậu chia làm hai mùa rõ: mùa mưa đến muộn (từ tháng 8 đến tháng 11, nhưng chủ yếu tập trung từ tháng 9 đến tháng 11), lượng mưa trung bình hàng năm từ 600-650 mm/năm, số ngày mưa trung bình từ 40-45 ngày/năm; mùa khô từ tháng 12 đến tháng 7 năm sau.

- Chế độ gió, bão: Hướng gió chính là gió Đông bắc và Tây nam, tốc độ gió trung bình 2,7m/s có gió khá mạnh, nhất là vào mùa khô. Vì vậy trên đất canh tác nông nghiệp và vùng ven biển cần trồng các băng rừng chắn gió. Bão ít xảy ra, khoảng 5 năm mới có 1 lần nhưng bão không lớn (dưới cấp 10).

Khí hậu khô nóng, số ngày nắng cao, tổng nhiệt độ trong năm lớn rất thuận lợi cho việc đầu tư thâm canh, tăng vụ, chăn nuôi gia súc. Số ngày nắng cao cũng là thuận lợi cho nhiều ngành kinh tế khác như: thương mại - dịch vụ, du lịch, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, giao thông - vận tải,... và phơi sấy nông sản. Trong những năm tới khi các hồ chứa đầu nguồn sông Cái (*hồ Sông Cái-Tân Mỹ, hồ Sông Than,...*) xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng thì các hạn chế của khí hậu thời tiết sẽ cơ bản được khắc phục.

1.1.4. Thủy văn

- Hệ thống sông ngòi

Sông ngòi tỉnh Ninh Thuận phân bố khá đều trong tỉnh. Tổng diện tích lưu vực các sông chính là 3.600 km^2 với tổng chiều dài 430 km gồm 2 hệ thống sông chính là: Hệ thống sông Cái Phan Rang và các sông khác ngoài sông Cái Phan Rang.

Sông Cái Phan Rang bắt đầu từ sườn Đông của dãy núi Gia Rích (cao 1.923 m ở giáp tỉnh Lâm Đồng chảy theo hướng Bắc -> Nam đổ ra biển Đông tại vịnh Phan Rang. Sông có chiều dài 119 km, tổng diện tích lưu vực sông 3.000 km^2 (có 2.550 km^2 nằm trong địa giới tỉnh Ninh Thuận), chiếm tới 83% diện tích lưu vực



sông toàn tỉnh. Đoạn chảy qua TP Phan Rang-Tháp Chàm gọi là sông Dinh có chiều dài 16 km. Sông Cái bao quanh ranh giới phía Nam thành phố. Trên sông Cái đã xây dựng hệ thống đập Nha Trinh - Lâm Cẩm. Kênh Bắc, kênh Chà Là, mương Bầu, mương Ngòi, mương Cát,... thuộc hệ thống Nha Trinh- Lâm Cẩm và các kênh cấp 2, 3 đã phủ kín các vùng trồng lúa, nhô trên địa bàn thành phố.

- Thủy triều

Thủy triều ở biển TP Phan Rang-Tháp Chàm mang tính chất nhật triều không đều. Biển có thủy triều thấp, biên độ giao động từ 1,88 - 2,20 m. Dọc theo bờ biển Phan Rang - Tháp Chàm chủ yếu là đất cát trắng, vàng có địa hình khá cao nên ít bị ảnh hưởng của sóng và thủy triều. Ven cửa biển sông Cái chủ yếu là đất mặn, kiềm và đã khai thác làm hồ nuôi tôm. Khả năng xâm nhập mặn có xu hướng ngày càng vào sâu, nhất là các năm khô hạn, nước mặn xâm nhập sâu vào nội địa đã ảnh hưởng đến việc sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ven sông Cái vùng từ cửa biển đến cầu qua QL1.

Vào mùa mưa lớn hàng năm hoặc những năm có bão, TP Phan Rang-Tháp Chàm thường chịu ảnh hưởng của lũ lụt trên sông Cái. Trong những năm tới việc đầu tư xây dựng nâng cấp đê bờ Bắc sông Cái cùng với việc xây dựng các hồ chứa nước vùng thượng lưu như hồ chứa Cho Mo, hồ Tân Mỹ - Sông Cái, hồ chứa Sông Than, ... thì ngập lụt sẽ ít ảnh hưởng đến TP Phan Rang-Tháp Chàm...

1.1.5. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo kết quả dự án điều tra bổ sung, chỉnh lý xây dựng bản đồ đất tỉnh Ninh Thuận, toàn thành phố có 5 nhóm đất/09 loại đất như sau (*không kể nhóm đất không điều tra: đất quốc phòng, sông suối,..*):

*** Nhóm đất cát biển (C)- (Còn cát trắng).**

- Diện tích 461 ha, chiếm 5,82% tổng diện tích tự nhiên toàn thành phố.
- Phân bố: Ở các phường ven biển như Văn Hải, Mỹ Hải, Mỹ Đông, Đông Hải.

*** Nhóm đất mặn (M)**

- Diện tích: 148 ha; chiếm 1,87 diện tích tự nhiên toàn thành phố.
- Phân bố: Nhóm đất mặn phân bố ở các địa hình thấp trũng, vùn thấp, vùn ven biển và cửa sông gần biển. Tập trung nhiều ở phường Văn Hải, Mỹ Hải, phường Mỹ Đông, phường Đông Hải.

*** Nhóm đất phù sa (P)**

- Diện tích: 3.936 ha, chiếm 49,70% diện tích toàn thành phố.
- Phân bố: dọc theo sông Cái Phan Rang tại địa bàn các phường Đô Vinh, Bảo An, Phước Mỹ, Phủ Hà, Đạo Long, Tân Tài và phường Thanh Sơn, Đài Sơn, xã Thành Hải và một phần diện tích ở phường Văn Hải, Mỹ Hải.

*** Nhóm đất xám và bạc màu (X)**

- Diện tích: 476 ha, chiếm: 6,01 % diện tích toàn thành phố.
- Phân bố: tập trung ở xã Thành Hải và phường Đô Vinh. Phân bố trên nhiều dạng địa hình khác nhau từ dạng bằng thấp ven hợp thủy, các bậc thềm khá bằng phẳng.



*** Nhóm đất đỏ và xám nâu vùng bán khô hạn (Fk và Xk)**

- Diện tích: 448 ha, chiếm 5,66% diện tích toàn thành phố.
- Phân bố: tập trung ở phường Đô Vinh và xã Thành Hải.

*** Nhóm đất không điều tra (Đất quân sự, sông suối, đất có mặt nước chuyên dùng):** Diện tích 2.449,79 ha, chiếm 30,94% diện tích toàn thành phố.

b. Tài nguyên nước

*** Nước mặt:** là nguồn nước chính cung cấp cho sản xuất và phần lớn cho sinh hoạt của thành phố hiện tại cũng như tương lai. Thành phố chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy văn sông Cái. Trên sông Cái có 2 đập chính là đập Nha Trinh và đập Lâm Cẩm. Hệ thống dẫn nước xả của nhà máy thủy điện Đa Nhim có lưu lượng trung bình 47 m³/giây, mùa kiệt giảm xuống chỉ còn 7- 8 m³/giây.

Hệ thống sông Cái và hệ thống sông suối độc lập ngoài hệ thống sông Cái là 2 hệ thống cung cấp nguồn nước mặt, đảm bảo tưới cho hầu hết diện tích đất nông nghiệp của thành phố, trong đó có khoảng 1.400 ha được tưới tự chảy. Đồng thời cung cấp nguồn nước cho các hệ thống xử lý nước sạch sinh hoạt.

Hệ thống cấp nước của nhà máy nước Phan Rang và Tháp Chàm đã được đầu tư nâng cấp hiện đại với công suất 52.000 m³/ngày, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cung cấp nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn thành phố. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đang được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

*** Nước ngầm:** Theo các tài liệu nghiên cứu về nước ngầm trên địa bàn toàn tỉnh cho thấy: ở Ninh Thuận tài nguyên nước ngầm không phong phú. Trong tỉnh tồn tại 8 tầng, phức hệ và đới chứa nước. Những đơn vị chứa nước có diện tích phân bố rộng thì đất đá lại có tính thấm kém và bề dày chứa nước lại mỏng. Những đơn vị chứa nước phong phú lại có diện tích phân bố hẹp, chủ yếu ở đồng bằng Phan Rang. Trong tỉnh chỉ có 2 tầng chứa nước có thể đáp ứng nhu cầu cung cấp nước ngọt vừa và nhỏ đó là tầng chứa nước lỗ hổng trầm tích Holocen (phía Bắc và ven sông Cái Phan Rang) và Pleistocen - Holocen (khu vực quanh thị trấn Phước Dân, độ sâu khoảng 20 m). Về chất lượng nước của các tầng chứa nước lại biến đổi rất phức tạp cho nên ngay trong một đơn vị chứa nước, thành phần nước ngọt và nước mặn cũng phân bố xen kẽ nhau.

Như vậy, so với toàn tỉnh thì nguồn nước ngầm ở TP. Phan Rang-Tháp Chàm là phong phú nhất. Hiện nay, việc khai thác nước ngầm cho sinh hoạt và sản xuất còn ở mức hạn chế như đào và khoan giếng.

c. Tài nguyên biển

Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm có bờ biển dài khoảng 8 km, bờ biển có độ dốc thấp, mực nước nông, bãi cát rộng, nước biển trong xanh... Bãi biển Bình Sơn-Ninh Chữ được đánh giá là một trong những bãi tắm đẹp của cả nước và rất thuận lợi cho phát triển du lịch.

Bờ biển và cảnh quan thiên nhiên của thành phố có nhiều thuận lợi để phát triển du lịch, đặc biệt khu vực biển Ninh Chữ. Trên suốt chiều dài bờ biển có thể xây dựng nhiều khu du lịch sinh thái, resort, khách sạn nghỉ dưỡng. Từ các khu du lịch ven biển, có thể phát triển nhiều tuyến du lịch đi trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là



tuyển đi Nha Trang, Đà Lạt, TP.Hồ Chí Minh.

Vùng biển của thành phố nằm trong vùng nước trời, được đánh giá là một trong những ngư trường lớn của cả nước nên rất phong phú về chủng loại thủy hải sản có giá trị kinh tế cao, là nơi tập trung các lực lượng khai thác thủy sản của tỉnh. Theo đánh giá của Tổng cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và PTNT, ngư trường biển tỉnh Ninh Thuận có tổng trữ lượng cá tôm khoảng 120.000 tấn, hàng năm có thể khai thác 50.000-60.000 tấn. Chủng loại hải sản phong phú, nhiều loại có giá trị kinh tế cao như: tôm hùm, mực, cá thu, cá mú, cá bè, cá hồng..., đặc biệt là cá cơm chế biến xuất khẩu. Năm 2022, sản lượng khai thác hải sản của thành phố đạt 12.916 tấn, tăng 2% so cùng kỳ.

Cảng cá Đông Hải cung ứng các dịch vụ hậu cần cho khai thác, thu mua, chế biến và cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến hải sản.

Tuyến đường ven biển nối liền từ điểm đầu phía Bắc đến phía Nam tỉnh (kết nối với khu công nghiệp Cà Ná), tạo điều kiện cho thành phố thu hút các nhà đầu tư phát triển kinh tế biển, du lịch, dịch vụ và xây dựng khu đô thị...

d. Tài nguyên khoáng sản, vật liệu xây dựng

Theo các tài liệu nghiên cứu về tài nguyên khoáng sản, vật liệu xây dựng tỉnh Ninh Thuận, trên địa bàn thành phố chủ yếu là cát xây dựng trên sông Cái, có trữ lượng khoảng 1,5 triệu m³...

1.2. Kinh tế, xã hội

1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế

Theo cáo cáo của UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, tốc độ tăng trưởng đạt 11,7% (KH 11-12%).

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng: Thương mại - dịch vụ chiếm 60,9% (KH 62-63%), công nghiệp - xây dựng chiếm 32,3% (KH 29-30%), nông nghiệp - thủy sản chiếm 6,8% (KH 6-7%).

- Thu nhập bình quân đầu người (giá trị tăng thêm (VA)/người/năm) đạt 97,4 triệu đồng/người/năm, đạt 83,9% kế hoạch (KH trên 116 triệu đồng/người/năm).

- Thu ngân sách thành phố 741,36 tỷ đồng, đạt 125,4% kế hoạch (KH 590,835 tỷ đồng); trong đó thu cân đối theo phân cấp là 385,63/260 tỷ đồng, đạt 148,32% kế hoạch. Chi ngân sách thành phố ước 684,8 tỷ đồng, đạt 115,9% kế hoạch (KH 590,835 tỷ đồng).

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 4.030,8 tỷ đồng, đạt 100,77% kế hoạch (KH 4.000 tỷ đồng/năm).

b. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng: Tỷ trọng công nghiệp- xây dựng và thương mại-dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn.

Tỷ trọng trong tổng giá trị sản xuất của khu vực thương mại-dịch vụ giảm



từ 61,3% năm 2021 xuống 60,9% năm 2022; công nghiệp-xây dựng tăng từ 31,2% năm 2021 lên 32,3% năm 2022 và nông nghiệp, thủy sản giảm từ 7,5% năm 2021 xuống 6,8% năm 2022.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

1.2.2.1. Khu vực kinh tế Nông nghiệp

Giá trị sản xuất đạt 1.455,2 tỷ đồng, tăng 3,9% so cùng kỳ, đạt 98,9% kế hoạch; thực hiện giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp trên 307,8 triệu đồng/ha/năm (KH 294 triệu/ha/năm).

- Nông nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng đạt 4.055,7ha (*Trong đó: Diện tích cây hàng năm 3.678,6 ha; cây lâu năm 377,1 ha*), đạt 98,6% kế hoạch, tăng 3,6% so cùng kỳ; giá các mặt hàng lương thực giảm 8,09% do giá lúa giảm. Công tác đảm bảo nguồn nước tưới và phòng chống dịch bệnh cây trồng được đảm bảo; tổ chức nạo vét khơi thông, hệ thống kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Về chăn nuôi: Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chăn nuôi, kinh doanh gia súc, gia cầm, đảm bảo khâu lưu thông và nguồn gốc sản phẩm vệ sinh an toàn thực phẩm cung cấp cho thị trường; phòng, chống dịch bệnh và tổ chức tiêm phòng, nhất là các loại dịch bệnh nguy hiểm như dịch cúm gia cầm, tai xanh heo, lở mồm long móng, Hiện nay, việc giết mổ được thực hiện tập trung, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, giúp người tiêu dùng rất yên tâm về chất lượng thịt hơi.

- Thủy sản: Tình hình khai thác hải sản tương đối ổn định với tổng sản lượng khai thác các loại hải sản đạt 12.916 tấn, tăng 2% so cùng kỳ. Năng lực tàu thuyền đảm bảo hoạt động khai thác hải sản trên biển (*Thành phố hiện có 396 chiếc/94.946 CV (390 chiếc khai thác biển và 06 chiếc dịch vụ); công suất bình quân 239,76 CV/chiếc. Trong đó: phường Đông Hải có 313 chiếc/64.997 CV; phường Mỹ Đông có 81 chiếc/29.079 CV; phường Mỹ Hải có 02 chiếc/870 CV*). Về nuôi trồng thủy sản thực hiện khoảng 20 ha tôm thẻ; đã thu hoạch 13 ha, năng suất bình quân đạt 12,4 tấn/ha. Ngành khai thác, đánh bắt thủy sản ngày càng gặp nhiều khó khăn do thời tiết không ổn định và phải từng bước tuân thủ chặt chẽ theo Luật pháp quốc tế.

- Khoa học - Công nghệ trong nông nghiệp: Tiếp tục phối hợp thực hiện đề tài nghiên cứu xây dựng quy trình quản lý tổng hợp bệnh hại (IDM) trên cây Nha đam (Aloe vera) và đề tài “Tuyển chọn và phục tráng giống tỏi Phan Rang.

1.2.2.2. Khu vực kinh tế Công nghiệp (công nghiệp-xây dựng)

Giá trị sản xuất đạt 9.816,9 tỷ đồng, tăng 13,3% so cùng kỳ, đạt 102,1% kế hoạch, trong đó:

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp đạt 6.358,5 tỷ đồng, tăng 21,1% so cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng khá do có thêm đơn vị mới sản xuất ngành sản phẩm may mặc công nghiệp. Bên cạnh đó cùng kỳ năm 2021, thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên toàn tỉnh nên các cơ sở công nghiệp của địa phương phải tạm ngừng hoặc cắt giảm sản lượng sản xuất.



Các sản phẩm chủ yếu là: Chế biến hạt điều nhân đạt 3.800 tấn, giảm 11,7% so cùng kỳ; nước TP tăng 3,2%; điện TP tăng 16,2%; CB thủy sản đạt 11.000 tấn các loại, tăng 24,1%; SP Bia lon SX dự kiến đạt 38 triệu lít, tăng 1,6%; SX đường đạt 9.151 tấn, tăng 4,5%; may mặc CN đạt 3.500 nghìn sản phẩm, tăng 64,1% ; Thạch nha đam đạt 12.000 tấn, tăng 13,8%; Nước uống từ yến đạt 2,1 triệu lít, tăng 178,3%

- Giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt 3.458,5 tỷ đồng, tăng 1,2% so cùng kỳ. Nhìn chung giá trị sản xuất xây dựng thực hiện tăng chủ yếu từ các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn và do nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở tăng so với cùng kỳ năm trước. Năm 2022, tiếp tục triển khai, đẩy nhanh tiến độ các công trình trên địa bàn như: công trình Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (giai đoạn 2), Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi, khu đô thị biển Bình Sơn (khu K2), dự án Sunbay Park Hotel & Resort, khu đô thị mới Phú Hà, khu dân cư Tháp Chàm... Tuy nhiên do giá nhân công, giá một số vật liệu xây dựng tăng mạnh trong thời gian qua làm chậm tiến độ các dự án đang và sắp khởi công.

Nhìn chung, ngành công nghiệp-xây dựng duy trì tăng trưởng, mở rộng sản xuất, kinh doanh; nhiều công trình, dự án tiếp tục khởi công.

1.2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

- Giá trị sản xuất đạt 7.630,3 tỷ đồng, tăng 11,2% so cùng kỳ, đạt 99,1% kế hoạch. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 25.852,4 tỷ đồng, tăng 27,2% so cùng kỳ. Chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,36% so bình quân cùng kỳ năm trước. Việc tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, giải trí trong điều kiện bình thường mới đã góp phần làm cho doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2022 đạt cao so với cùng kỳ.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 22.324,4 tỷ đồng, chiếm 86,4%, tăng 23%; Dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 2.398,2 tỷ đồng, chiếm 9,3%, tăng 66,7%; Dịch vụ khác đạt 1.129,8 tỷ đồng, chiếm 4,4%, tăng 52,9%.

- Xuất, nhập khẩu: Kim ngạch xuất khẩu đạt 106,9 triệu USD, tăng 4,8% so cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu đạt 74,0 triệu USD, tăng 24,9% so cùng kỳ, chủ yếu nhập khẩu thủy sản phục vụ sản xuất.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gồm: Thủy sản đạt 92,3 triệu USD, tăng 33,0% so cùng kỳ; nhân điều đạt 13,0 triệu USD, giảm 60,0% so với năm 2021.

Tuy nhiên, giá cả nhiều loại thực phẩm, hàng hóa đồng loạt tăng cao theo giá xăng dầu đã tác động đến nền kinh tế.

1.2.3. Dân số, lao động

- Tổng dân số trung bình năm 2021 toàn thành phố có 168.806 người. Trong đó: dân số nông thôn 9.950 người, chiếm 5,89% tổng dân số toàn thành phố; dân số thành thị có 158.856 người, chiếm 94,11% tổng dân số toàn thành phố. Quy mô dân số và mật độ dân số có sự chênh lệch rất lớn giữa các phường; trong đó phường Kinh Dinh có mật độ dân số cao nhất là 16.379 người/km², tiếp theo đến là phường phường Mỹ Hương 9.800 người/km², phường Đông Hải 8.866 người/km², phường



Thanh Sơn 8.261 người/km², phường Phủ Hà 7.647 người/km²; phường có mật độ dân số thấp là Đô Vinh, có 456 người/km². Các xã, phường khác có mật độ dân số dao động từ trên 1.078 người/km² đến 5.596 người/km².

- Dân số nam có 84.809 người, chiếm 50,24% tổng dân số và dân số nữ có 83.997 người, chiếm 49,76% tổng dân số. Toàn thành phố có 44.399 hộ.

- Lực lượng lao động năm 2021 có 152.665 người, chiếm 90,44% tổng dân số thành phố.

- Theo báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2023 của UBND thành phố, Ngành lao động đã triển khai kịp thời các chính sách về an sinh xã hội, lao động việc làm, giải quyết việc làm cho 4.574/4.000 lao động, đạt 114,35% kế hoạch.

Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 1,3%/ 1,58% (có 819 hộ, giảm 136 hộ còn 683 hộ, giảm 0,28%) đạt 186% KH; Tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 3,11%/ 3,59% (có 1.864 hộ, giảm 224 hộ còn 1.640 hộ, giảm 0,48%) đạt 240% KH.

Thu nhập bình quân đầu người (giá trị tăng thêm (VA)/người/năm) đạt 97,4 triệu đồng/người/năm.

1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

a. Thực trạng phát triển đô thị

- Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của tỉnh Ninh Thuận. Những năm qua Đảng bộ và nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm đã nỗ lực phấn đấu xây dựng thành phố đạt cơ bản các tiêu chí của đô thị loại II: Đến năm 2022, đạt được 52/59 tiêu chí, với tổng điểm 84,72/100 điểm.

- Năm 2022, thành phố có 15 phường/16 đơn vị hành chính (còn xã Thành Hải). Tổng DTTN toàn thành phố có 7.918,79 ha, chiếm 2,4% DTTN toàn tỉnh; trong đó đất đô thị có 6.995,87 ha (chiếm 88,35% DTTN toàn thành phố). Dân số đô thị có 158.856 người, chiếm 94,11% dân số toàn thành phố. Những năm gần đây tốc độ đô thị hoá diễn ra tương đối nhanh, tập trung khu vực đường 16/4 kéo dài ra biển Ninh Chữ và khu vực Tháp Chàm gồm mở rộng khu dân cư, xây dựng các cơ quan Nhà nước, công viên cây xanh, xây dựng khu du lịch ven biển Bình Sơn, khu đô thị ven biển...

- Chương trình phát triển đô thị thành phố, giai đoạn 2016-2021; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thành phố, nâng cao chất lượng các tiêu chí đô thị: các công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật tiếp tục được quan tâm, đẩy nhanh tiến độ, nhất là các dự án khu đô thị, đường giao thông.

- Tỷ lệ đường chính tại thành phố được chiếu sáng đạt 100%, hệ thống chiếu sáng các ngõ hẻm đạt trên 60%.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt toàn thành phố có nhà máy với công suất 52.000m³/ngđ, trung bình người dân nội thành được cấp khoảng 132 lít/người/ngđ. Năm 2022, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 99,5%. Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 99%. Đất cây xanh đô thị, đạt 9,5m²/người.



- Thành phố đầu tư, xây dựng nhà máy xử lý nước thải có công suất 5.000m³/ngày phục vụ thu gom và xử lý nước thải nhân dân thành phố và các doanh nghiệp.

b. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

Đến nay, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm còn 01 xã (Thành Hải). Xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Với điều kiện kinh tế, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã như nhà máy bia Sài Gòn-Ninh Thuận đang hoạt động và đang xây dựng giai đoạn 2, Khu công nghiệp Thành Hải... đây cũng là cơ hội và yếu tố quan trọng tạo đà phát triển của xã.

- Tổng diện tích tự nhiên có 922,92 ha, chiếm 11,65% tổng DTTN toàn thành phố. Dân số nông thôn năm 2021 có 9.950 người, chiếm 5,89% tổng dân số toàn thành phố. Mật độ dân số nông thôn là 1.078người/km².

- Các khu dân cư nông thôn mới hiện nay hầu hết phát triển theo hướng tập trung tạo thành các điểm dân cư lớn tại khu trung tâm xã và dọc theo các trục đường giao lớn, đường liên xã - phường và liên thôn nên việc đáp ứng các nhu cầu về điện, nước, giáo dục, y tế,... có nhiều thuận lợi. Tuy nhiên, phần lớn các khu dân cư nông thôn cũ phát triển theo hướng tự phát nên nhà ở phân bố không hợp lý, sử dụng đất lãng phí, vấn đề ô nhiễm môi trường do phát triển chăn nuôi gia súc, chất thải sinh hoạt là không thể tránh khỏi. Về lâu dài, cần phải thực hiện chỉnh trang các khu dân cư nông thôn hiện có và theo các đề án quy hoạch chi tiết xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt.

1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

1.2.5.1. Giao thông

Trong những năm qua được sự quan tâm của Trung ương và Tỉnh đầu tư nhiều công trình giao thông có quy mô lớn góp phần phát triển đầu mối giao thông liên vùng và tạo điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của thành phố; các tuyến quốc lộ qua thành phố đã được nâng cấp như tuyến tránh QL1 (dài 10 km), xây mới tuyến tránh QL27 (dài 7,2 km) đi TP Đà Lạt, mở rộng đường đôi phía Bắc vào thành phố (dài 2,5 km). Đồng thời các tuyến TL702, 703, 704 được nâng cấp mở rộng nối liền thành phố với các huyện tạo điều kiện giao thông thuận lợi cho phát triển liên vùng trong tỉnh; gắn với các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ là hệ thống các trục đường phố chính nối với các trục đường quy hoạch, các khu đô thị mới, khu dân cư chỉnh trang, khu thương mại, du lịch như tuyến đường Hải Thượng Lãn Ông, Trần Phú - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Thị Minh Khai, đường 21/8.

Công tác chỉnh trang đô thị, thành phố đã tập trung đầu tư mạng lưới giao thông nội thị, theo chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng đầu tư”, các tuyến đường giao thông nội thành đã được bê tông hóa đạt trên 75%.

Năm 2022, thành phố đã đầu tư sửa chữa và xây dựng các tuyến đường giao thông như: Đầu tư XDCT đường đôi vào TP (đoạn phía Nam); san nền và đường GT nội bộ KCN Thành Hải; nâng cấp, cải tạo QL27 các đoạn còn lại; đường Lương Thế Vinh-Phước Mỹ; Đường vào KTT trường Chính trị tỉnh; hẻm 150, đường vào Trụ sở CAT(đường Phan Bội Châu...

Các các loại hình giao thông chính:



***. Đường sắt:**

- Tuyến đường sắt thống nhất khổ 1 m chạy qua thành phố có chiều dài 8,6 km, hiện đang khai thác các tuyến hành khách, hàng hoá Bắc-Nam và các tàu địa phương. Chất lượng tuyến đường sắt qua địa bàn vào loại tốt, tuy nhiên vào mùa mưa lũ có nguy cơ xói lở nền đường. Một số đoạn qua khu dân cư bị lấn chiếm, chưa giải toả được chủ yếu nằm khu vực Tháp Chàm. Trên tuyến có nhiều đường ngang, có cả đường ngang trong khu vực ga.

- Tuyến đường sắt Tháp Chàm đi Đà Lạt, đoạn đi qua đô thị dài 2 km. Tuyến này hiện nay chỉ còn nền và cầu đường sắt, một số đoạn hiện nay đã bị lấn chiếm.

- Ga Tháp Chàm là ga hành khách - hàng hoá mang tính chất đầu mối khu vực Nam Trung bộ nhưng có quy mô nhỏ, dài 800 m, rộng 150 m. Tổng diện tích ga khoảng 4,11 ha.

***. Đường bộ:**

- QL1 (*đường Lê Duẩn*): Hiện đã được đầu tư, nâng cấp, đoạn qua trung tâm thành phố có chiều dài 6,7 km (toàn tuyến dài 10 km), mặt đường bê tông nhựa rộng 20 m, đây là tuyến giao thông huyết mạch của thành phố, là đầu mối liên kết thành phố với các tỉnh trong khu vực và các trung tâm kinh tế của cả nước.

- QL27 (*đường 21/8*): Được xây dựng từ trước năm 1975, đoạn qua thành phố có vai trò đường chính đô thị dài 7,2 km; mặt đường nhựa rộng 10,5 m, nền đường rộng 12 m.

- Tỉnh lộ 702, 703, 704: Là các tuyến đường đối ngoại có liên quan đến đô thị, trong đó TL702 và 703 là đường cấp IV-ĐB, mặt đường nhựa rộng 7 m, nền đường rộng 8-9m; tuyến TL704 là đường cấp III-ĐB, mặt đường nhựa rộng 9 m, nền đường rộng 10-12m.

- Bến xe liên tỉnh: Đã được xây dựng nằm ở phía Tây QL1, diện tích 3,0 ha.

- Giao thông nội thị: Chủ yếu dựa trên 2 trục QL1 và QL27. Các tuyến đường đô thị xây dựng chưa hoàn thiện, mặt cắt nhỏ, chất lượng xấu, tuyến ngắn, hè đường bị lấn chiếm.

***. Đường biển:**

Điều kiện tự nhiên vùng biển của thành phố không cho phép xây dựng cảng nước sâu mà chỉ xây dựng được cảng cá Đông Hải nằm ở cửa sông Cái Phan Rang. Diện tích cảng 1,64 ha, bến cập tàu dài 265 m. Công suất tàu loại 90 CV năm 2015 có 181 chiếc tăng 75 chiếc so với năm 2010. Khu vực cảng đã được xây dựng kè biển kiên cố, đảm bảo tốt hoạt động của cảng.

***. Đường hàng không:**

Sân bay Thành Sơn là sân bay quân sự nằm ở phía Tây bắc thành phố, cách Tháp Chàm 3 km, cách trung tâm thành phố khoảng 8 km, có hướng bay Đông bắc-Tây nam, không cắt qua trung tâm thành phố. Đây là sân bay hạng IV, có chiều dài đường băng 3,5 km.

Tổng diện tích đất giao thông toàn thành phố có 555,28 ha.



1.2.5.2. Thủy lợi

a. Công trình thủy lợi

Trên sông Cái cách biển 15 km có đập Nha Trinh và tại vị trí Tháp Chàm có đập Lâm Cẩm, lấy nước tưới cho đất sản xuất nông nghiệp của thành phố, huyện Ninh Hải, Ninh Phước và cấp nước sinh hoạt cho TP. Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đập Nha Trinh: Dài 326 km, mặt đập cao 15,3 m, tưới cho 630 ha, lấy nước vào 2 kênh chính: kênh Bắc và kênh Nam. Hệ thống kênh này cung cấp nước tưới và nước cho dân sinh kênh Nam và bù nước cho kênh Tháp Chàm, kênh Nam xuống đến QL1 chia thành 2 nhánh Nam 1 và Nam 2.

- Đập Lâm Cẩm: Dài 265 m, cao độ mặt đập 7,5 m, rộng 2 m, cách đập Nha Trinh 10 km về phía hạ du, đập lấy nước vào 2 kênh Tân Hội và Tân Tài, chiều dài 2 kênh khoảng 20 km tưới cho khoảng 3.000 ha đất nông nghiệp trong khu vực.

- Công trình chống lũ: Tuyến đê Phan Rang đã được đầu tư xây dựng, nâng cấp và sửa chữa, cao độ đê 6,2 m (chống lũ với tần suất 1%), chiều rộng mặt đê 7 m kết hợp đường giao thông đô thị. Mực nước báo động được quy định: cấp 1 = 2,3 m, cấp 2 = 3,5 m, cấp 3 = 4,5 m.

Từ năm 2017, trên địa bàn thành phố đã xây dựng đập hạ lưu sông Dinh, các nhà tránh bão, lũ tại các phường Đông Hải, Mỹ Hải, Tân Tài, Đạo Long và Phủ Hà, nâng cấp bờ đê Bắc sông Dinh để đảm bảo tránh bão lũ cho nhân dân khi mùa mưa đến. Đập hạ lưu sông Dinh tạo thành hồ nước ngọt có dung tích khoảng 3,5 triệu m³ phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho dân cư dọc 2 bờ sông.

b. Cấp nước sinh hoạt

Hệ thống cấp nước của thành phố đã được đầu tư nâng công suất từ 12.000 m³/ngày đêm lên 52.000 m³/ngày đêm (*có nhiệm vụ cấp nước cho cả các khu vực lân cận thuộc huyện Ninh Phước, Ninh Hải...*), bảo đảm cấp nước sinh hoạt cho dân cư nội thị đạt mức 132 lít/người/ngđ.đêm (*vượt so với tiêu chí từ 100-110 lít/người/ngày đêm*) và phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế, tỷ lệ cấp nước sinh hoạt đạt 99%.

Năm 2022, trên địa bàn thành phố đầu tư xây dựng Hồ điều hòa trung tâm; tuyến kênh Tân Tài 6; XDNC kênh TT5 và XD trạm bơm PS04, kênh Đông nam, Tân Tài (TT1), kênh Tân Tài 4-TT4, Nâng cấp kênh Chà Là.

Diện tích đất thủy lợi đang sử dụng là 133,03 ha.

1.2.5.3. Công trình năng lượng

Thành phố được sử dụng nguồn điện thuộc hệ thống điện quốc gia thông qua 2 trạm biến áp trung gian, chủ yếu là trạm biến áp Tháp Chàm qua đường dây 110 kV Đa Nhim - Tháp Chàm dài 41,6 km và một phần trạm biến áp Ninh Hải. Trạm biến áp Tháp Chàm ngoài việc cấp điện cho thành phố còn là nguồn cấp nhiều khu vực thuộc các huyện Ninh Phước, Ninh Sơn và Ninh Hải.

- Tỷ lệ đường chính tại thành phố được chiếu sáng đạt 100%, hệ thống chiếu sáng các ngõ hẻm đạt 60%. Năm 2022, trên địa bàn thành phố đầu tư xây dựng đường điện 110kV 174 Tháp Chàm 2.

Diện tích đất các công trình năng lượng sử dụng 0,05 ha (*xây dựng trạm biến áp, hành lang an toàn lưới điện cao áp...*)...



1.2.5.4. Bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình

Mạng lưới bưu chính viễn thông trên địa bàn thành phố phát triển tốt. Toàn thành phố có 100% xã, phường được trang bị điện thoại; có 01 bưu cục trung tâm; các xã, phường đều có bưu điện văn hoá xã và phát triển đến địa bàn các khu dân cư. Thông tin liên lạc luôn thông suốt 24/24 giờ kể cả trong mùa mưa bão.

- Mạng thông tin di động: Phủ sóng khắp địa bàn thành phố.
- Mạng Internet: Phát triển đến tất cả các xã, phường và các khu dân cư các phường.
- Phát thanh, truyền hình: Các xã, phường đều được phủ sóng phát thanh, truyền hình.
- Diện tích đất các công trình bưu chính viễn thông sử dụng 1,43 ha.

1.2.5.5. Cơ sở văn hoá

- Tập trung triển khai kế hoạch tuyên truyền về các sự kiện chính trị của địa phương, đất nước; Duy trì có hiệu quả các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao, truyền thanh và trang thông tin điện tử thành phố. Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, gia đình được triển khai thường xuyên; thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; triển khai thực hiện “Đổi mới nếp sống văn hóa, văn minh đô thị” tình giai đoạn 2021-2025; triển khai Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021- 2025.

- Trên địa bàn Thành phố có nhiều công trình kiến trúc, di tích văn hóa lịch sử được công nhận và trùng tu tôn tạo như cấp Quốc gia có 05 cơ sở (tháp Poklong Giarai-Đô Vinh; đình làng Tấn Lộc-Tấn Tài; đình Văn Sơn-Văn Hải; miếu xóm bánh-Đài Sơn, chùa Ông-Kinh Dinh), cấp Tỉnh có 08 cơ sở (đền pô Tháp Chàm, đình Nhơn Hội-Đô Vinh; Cây Me-Bảo An, ngôi nhà số 30 Nguyễn Du-Bảo An; lăng ông Hải Chử, đình Tây Giang-Đông Hải; đình Nhơn Sơn - Văn Hải)... Được UBND thành phố quản lý, trùng tu, tôn tạo và sửa chữa.

- Thành phố đã tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động của ngành văn hóa thông tin: xây dựng và đưa vào sử dụng trụ sở làm việc trung tâm văn hóa-thể thao và truyền thanh thành phố; đầu tư hệ thống truyền thanh không dây ở các phường, xã. Năm 2022, triển khai các hoạt động mừng Đảng-Mừng Xuân Nhâm Dần 2022; kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; công tác giao quân năm 2022; kỷ niệm 15 năm thành lập thành phố; 30 năm tái lập tỉnh Ninh Thuận và 47 năm ngày giải phóng Ninh Thuận, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước....

- Tổng diện tích đất cơ sở văn hoá sử dụng 17,61 ha. Diện tích bình quân $1,04m^2/người$ (Định mức là $0,09-0,13 m^2/người$ tại 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

1.2.5.6. Cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Lĩnh vực y tế ngày càng được xã hội hóa, các cơ sở khám chữa bệnh của thành phần y tế tư nhân đã góp phần vào công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho



nhân dân được tốt hơn. Bệnh viện đa khoa tỉnh được đầu tư trên địa bàn thành phố với quy mô 1000 giường bệnh, góp phần đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

- Triển khai kế hoạch thực hiện công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân; thực hiện đầy đủ các chương trình mục tiêu về y tế. Năm 2022, Khám, chữa bệnh cho 160.376 lượt, tăng 12,7% so cùng kỳ, trong đó: Phòng khám Phan Rang 114.720 lượt; phòng khám Tháp Chàm 19.577 lượt; Trạm Y tế xã, phường 26.079 lượt.

- Cơ sở vật chất phục vụ cho ngành y tế được quan tâm đầu tư nâng cấp. Trên địa bàn thành phố có 02 phòng khám Đa khoa khu vực, 01 Bệnh xá quân đội, 01 Trung tâm y tế dự phòng, trung tâm phòng chống sốt rét,...

- Công tác y tế - dân số - kế hoạch hoá gia đình đạt kết quả tích cực; coi trọng công tác truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số - kế hoạch hóa gia đình, góp phần nâng cao nhận thức nhân dân tham gia thực hiện áp dụng các biện pháp tránh thai.

*** Công tác phòng, chống dịch Covid-19:** Thường xuyên cập nhật, ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai cho các đơn vị ứng phó kịp thời tình hình dịch, thực hiện nghiêm các quy định của Bộ Y tế, sàng lọc và phân luồng khám chữa bệnh theo quy định; tập trung triển khai các kế hoạch, phương án kiểm tra, theo dõi chặt chẽ từng địa phương thực hiện nghiêm phòng chống dịch Covid-19. Tổng số F0 điều trị tại nhà năm 2022 là 9.866 người. Trong đó: Số chuyển viện: 38 chuyển BV, số hoàn thành điều trị: 10.695. Số F0 được cấp mã số 1.037 (Trong đó: 869 ca mới; 168 ca cấp bổ sung năm 2021. Công tác tiêm phòng vắc xin Covid-19 được chỉ đạo quyết liệt, tổ chức tiêm liều nhắc lại lần 2 (mũi thứ 4) cho người từ 18 tuổi trở lên, mũi 2 cho trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi và tiêm cho trẻ từ 05 đến dưới 12 tuổi.

- Tổng diện tích đất cơ sở y tế sử dụng 18,50 ha, 100% xã-phường đã có đất cơ sở y tế, bình quân 1,10m²/người, cao hơn so với định mức (Định mức 0,48-0,70 m²/người).

1.2.5.7. Cơ sở giáo dục - đào tạo

Sự nghiệp giáo dục-đào tạo phát triển khá toàn diện cả về quy mô và chất lượng dạy và học. Hệ thống trường lớp tiếp tục được đầu tư nâng cấp, xây mới đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh nhất là vùng biển nông thôn. Các phường, xã đều có ít nhất 01 trường tiểu học.

Thành phố có 15 cơ sở đạt chuẩn kiểm định chất lượng GD cấp độ I: Mầm non: 07/11 trường (MN 16/4, MG Phước Mỹ, MG Văn Hải, MN Đô Vinh, MG Vành Khuyên, MG Bảo An, và MG Mỹ Đông); Tiểu học: 07/29 trường (TH Đô Vinh 1, TH Đô Vinh 3, TH Mỹ Hương, TH Bảo An 2, TH Đạo Long, TH Tấn Tài 3 và TH Kinh Dinh); THCS: 01/10 trường THCS Trần Phú. Có 01 cơ sở đạt chuẩn kiểm định chất lượng GD cấp độ II (MN Sơn Ca).

Năm 2022, số trường, học sinh, giáo viên toàn thành phố như sau:



- Cấp MN 146 CS (công lập 10; tư thực 136), tổng 9.510 cháu/ 507 lớp, nhóm. Cấp TH 26 trường với 17.450 hs/544 lớp, tăng 162 hs/ 06 lớp. Cấp THCS 07 trường và 02 trường liên cấp 10.667 hs/263 lớp, tăng 599 hs và 09 lớp. Học 2 buổi/ngày là 7.406 hs/235 lớp, tăng 2.095 hs/61 lớp so với năm học trước.

- Tổng số CBQL 99 người; tổng số GV 1.363 người (MN 177, TH 715, THCS 471); Nhân viên 130 người (MN 19, TH 66, THCS 45).

- Đến nay, đã có 16/16 phường, xã được UBND tỉnh công nhận đạt PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi đạt tỷ lệ 100%; toàn thành phố có 16/16 xã, phường duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở.

- Đào tạo nghề: Thành phố các cơ sở đào tạo như Trung tâm giới thiệu việc làm, Trung tâm Giáo dục thường xuyên hướng nghiệp, Trường Cao đẳng nghề, các Trung tâm dạy nghề, trường Trung cấp y tế, trường dạy nghề dân lập,... Năm 2022, giới thiệu việc làm mới cho 4.574/4.000 lao động, đạt 114,35% kế hoạch.

Tổng diện tích đất cơ sở giáo dục-đào tạo sử dụng 65,71 ha.

1.2.5.8. Cơ sở thể dục-thể thao

- Hoạt động thể dục thể thao phát triển đạt mức trung bình của đô thị. Thành phố thường xuyên tổ chức các hội thi thể dục thể thao trong các cơ quan, đơn vị, trường học; tham gia các hội thi thể dục thể thao do tỉnh tổ chức đạt nhiều thành tích.

- Trên địa bàn thành phố có 10 điểm vui chơi giải trí dành cho trẻ em; trên 100 câu lạc bộ và điểm thể dục thể thao với các loại hình như sân bóng đá mini, tennis, cầu lông, bóng bàn... tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, góp phần phát triển phong trào rèn luyện, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Diện tích đất thể dục-thể thao thành phố có 13,40 ha, bình quân 0,79m²/người, thấp so với định mức (*định mức 1,25-1,51 m²/người*).

1.2.5.9. Cơ sở nghiên cứu khoa học

Trên địa bàn thành phố có 02 cơ sở của trường Đại học Thủy lợi tại phường Văn Hải; từ năm 2011 đã nâng cấp thành Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung và địa phương tham gia nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển sản xuất và đời sống nhân dân thuộc các lĩnh vực: Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản, Y tế, ...

Tổng diện tích đất cơ sở nghiên cứu khoa học sử dụng 1,91 ha, chiếm 0,02% tổng DTTN thành phố, phân bố ở phường Tấn Tài.

1.2.5.10. Cơ sở về dịch vụ xã hội

Cơ sở dịch vụ xã hội như nhà tình thương,... tập trung ở phường Thanh Sơn. Tổng diện tích đất sử dụng 0,61 ha.

1.2.5.11. Chợ

Đến năm 2022, thành phố có 17 chợ, gồm: 01 chợ hạng I; 01 chợ đầu mối, 05 chợ hạng II và 10 chợ hạng III. Hoạt động phân phối phát triển mạnh nhiều cửa hàng, cơ sở của các tổng công ty, tổng đại lý và nhà phân phối lớn phát triển nhanh



nên hàng hóa phong phú đa dạng về chủng loại, giá cả, chất lượng hàng hóa được kiểm soát đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

Ngoài các chợ trên, trên địa bàn thành phố còn có siêu thị Co.opMark Thanh Hà, đã giải phòng mặt bằng chợ Tấn Tài để thu hút đầu tư.

Tổng diện tích đất chợ toàn thành phố đang sử dụng 7,41 ha, chiếm 0,09% tổng DTTN toàn thành phố. Năm 2022, thành phố còn 02 phường chưa có chợ (Mỹ Hương, Đạo Long) hoặc có phường đã có nhưng diện tích quá hẹp 300-1.000 m²/chợ, chưa đủ diện tích đạt tiêu chí chợ loại III (3.000 m²/chợ cấp xã, phường).

1.3. Tình hình quản lý đất đai

1.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2022

Biểu 1: Hiện trạng sử dụng đất năm 2022

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)		7.918,79	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.173,13	40,07
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.304,11	16,47
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.303,63</i>	<i>16,46</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	868,94	10,97
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	918,96	11,60
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	71,95	0,91
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	9,17	0,12
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.686,23	59,18
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2.172,69	27,44
2.2	Đất an ninh	CAN	20,30	0,26
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	52,82	0,67
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	26,55	0,34
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	80,01	1,01
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	84,29	1,06
2.7	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	19,36	0,24
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	941,72	11,89
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>555,28</i>	<i>7,01</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>134,03</i>	<i>1,69</i>
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>17,61</i>	<i>0,22</i>
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>18,50</i>	<i>0,23</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>65,71</i>	<i>0,83</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>13,40</i>	<i>0,17</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,05</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn, thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,43</i>	<i>0,02</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>10,07</i>	<i>0,13</i>



Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,20	0,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	24,37	0,31
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	91,14	1,15
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	1,91	0,02
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	0,61	0,01
-	Đất chợ	DCH	7,41	0,09
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,23	0,03
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	33,35	0,42
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	86,07	1,09
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	857,74	10,83
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,68	0,30
2.14	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,72	0,08
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	8,69	0,11
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	241,37	3,05
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	20,43	0,26
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	8,21	0,10
3	Đất chưa sử dụng	CSD	59,43	0,75

Nguồn: Thống kê đất đai năm 2021 của thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và cập nhật các công trình, dự án, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích SD đất năm 2022

a. Đất nông nghiệp: Năm 2022, thành phố có 3.173,13 ha, chiếm 40,07% tổng DTTN, hầu hết đất nông nghiệp đã được giao cho các hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức sử dụng. Đây là cơ sở để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản... phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, góp phần đảm bảo an ninh lương thực. Đây mạnh phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung: Nho, táo, măng tây, nha đam... Trong đó:

- Đất trồng lúa (*chủ yếu là đất chuyên trồng lúa nước, có 1.303,63 /1.304,11 ha đất trồng lúa*). Phân bố nhiều ở các phường-xã Thành Hải (457,22 ha), Đô Vinh (359,17ha), Văn Hải (186,52 ha), Phước Mỹ (99,34 ha)... phường Phủ Hà có diện tích đất trồng lúa ít (1,26 ha). Các phường Kinh Dinh, Mỹ Hương, Thanh Sơn và Đông Hải không còn diện tích đất trồng lúa, do xây dựng, phát triển đô thị.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Có 868,94 ha, chiếm 10,97 % tổng DTTN. Phân bố ở hầu hết các xã, phường trên địa bàn thành phố. Tập trung ở các phường Văn Hải (226,56 ha), Mỹ Bình (112,67 ha)... Đất trồng cây hàng năm chủ yếu là đất trồng rau, đậu, nha đam, măng tây, hoa cây cảnh...

- Đất trồng cây lâu năm: Có 918,96 ha, chiếm 11,60% tổng DTTN. Phân bố ở 15/16 xã, phường (*phường Kinh Dinh không còn đất trồng cây lâu năm tập trung, đất trồng cây lâu năm chỉ còn ở trong vườn của hộ gia đình, sử dụng kết hợp với đất ở*). Diện tích đất trồng cây lâu năm tập trung ở các phường Văn Hải (273,27 ha), Đô Vinh (128,06 ha), Phước Mỹ (123,03 ha)...

- Đất nuôi trồng thủy sản: Có 71,95 ha, chiếm 0,91% DTTN. Phân bố chủ yếu ở phường Mỹ Đông (36,58 ha) và Đông Hải (17,12 ha), các xã-phường khác có diện



tích nhỏ-chủ yếu là ao hồ gia đình. Các phường Mỹ Hương, Kinh Dinh, Tấn Tài, Thanh Sơn, Đài Sơn không có đất nuôi trồng thủy sản.

- Đất nông nghiệp khác: Có 9,17 ha, chiếm 0,12% DTTN. Phân bố chủ yếu ở phường Văn Hải, Đô Vinh và xã Thành Hải...

b. Đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp năm 2022: Có 4.686,23 ha, chiếm 59,18 % DTTN. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Có 2.172,69 ha, chiếm 27,44 % tổng DTTN. Phân bố chủ yếu ở các Mỹ Bình và phường Đô Vinh (*chủ yếu là sân bay Thành Sơn và các cơ quan của BCHQS tỉnh*).

- Đất an ninh: Có 20,30 ha, chiếm 0,26 % tổng DTTN. Phân bố ở tất cả các phường (*xã Thành Hải chưa có đất an ninh*). Chủ yếu là các công trình của ngành công an nằm trên địa bàn thành phố.

- Đất khu công nghiệp: Có 52,82 ha, chiếm 0,67 % tổng DTTN. Phân bố ở xã Thành Hải (*Khu công nghiệp Thành Hải*).

- Đất cụm công nghiệp: Có 26,55 ha, chiếm 0,34 % tổng DTTN. Phân bố ở phường Đô Vinh (*Cụm công nghiệp Tháp Chàm*).

- Đất thương mại, dịch vụ: Có 80,01 ha, chiếm 1,01% tổng DTTN. Đất thương mại dịch vụ của thành phố chủ yếu là các khu du lịch, phân bố ở Văn Hải, Mỹ Bình... Các cửa hàng xăng dầu, cơ sở thương mại dịch vụ còn lại có diện tích nhỏ phân bố chủ yếu ở các phường-xã có QL1, các tuyến đường tỉnh và đường trục chính đi qua.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Có 84,29 ha, chiếm 1,06% tổng DTTN... Chủ yếu là các cơ sở chế biến thủy hải sản...

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: Có 19,36 ha, chiếm 0,24 % tổng DTTN, phân bố ở phường Phước Mỹ, Đô Vinh.

- Đất phát triển hạ tầng: Có 941,72 ha, chiếm 11,89 % tổng DTTN. Phân bố ở tất cả các xã, phường. Trong đó: đất cơ sở văn hoá có 17,61 ha, đất cơ sở y tế có 18,50 ha, đất cơ sở giáo dục-đào tạo có 65,71 ha và đất cơ sở thể dục, thể thao có 13,40 ha, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa (91,14 ha). Diện tích còn lại chủ yếu là đất giao thông (555,28 ha), đất thủy lợi (134,03 ha)....

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Có 2,23 ha, chiếm 0,03 % tổng DTTN, phân bố ở tất cả các xã, phường. Chủ yếu là diện tích đất xây dựng nhà văn hóa các thôn, tổ dân phố.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Có 33,35 ha, chiếm 0,42 % tổng DTTN, phân bố chủ yếu ở phường Mỹ Bình (*công viên ven biển*), Thanh Sơn và công viên cây xanh, khu vui chơi thiếu nhi ở các phường.

- Đất ở tại nông thôn: Có 86,07 ha, chiếm 1,09% tổng DTTN. Phân bố ở xã Thành Hải.

- Đất ở tại đô thị: Có 857,74 ha, chiếm 10,83% tổng DTTN. Phân bố ở tất cả các phường.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Có 23,68 ha, chiếm 0,30 % tổng DTTN. Phân



bố ở tất cả các xã, phường. Chủ yếu là diện tích xây dựng trụ sở các cơ quan nhà nước của tỉnh, thành phố và trụ sở UBND các xã, phường.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 6,72 ha, chiếm 0,08 % tổng DTTN, chủ yếu là trụ sở cơ quan các tổ chức sự nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Có 20,43 ha, chiếm 0,26 % tổng DTTN, chủ yếu là các hồ điều hòa trên địa bàn thành phố.

- Đất phi nông nghiệp khác: Có 8,21 ha, chiếm 0,10 % tổng DTTN.

c. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2022 còn 59,43 ha, chiếm 0,75 % tổng DTTN. Phân bố chủ yếu ở Đô Vinh, Văn Hải... Diện tích đất chưa sử dụng còn lại sẽ tiếp tục được đầu tư khai thác những vùng thuận lợi vào mục đích phi nông nghiệp trong những năm tới.

1.3.2. Biến động sử dụng đất năm 2021 so với năm 2022

Theo kết thống kê năm 2021 và thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022, tình hình biến động đất đai của thành phố năm 2022 so với năm 2021 qua biểu sau:

Biểu 2: Biến động đất đai từ năm 2021 đến năm 2022

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích năm 2021	Diện tích hiện trạng năm 2022	So sánh Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		7.918,79	7.918,79	
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.175,79	3.173,13	-2,66
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.304,79	1.304,11	-0,68
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.304,31</i>	<i>1.303,63</i>	<i>-0,68</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	869,99	868,94	-1,05
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	919,56	918,96	-0,60
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	72,28	71,95	-0,33
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	9,17	9,17	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.683,57	4.686,23	2,66
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2.172,69	2.172,69	-
2.2	Đất an ninh	CAN	20,3	20,3	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	52,82	52,82	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	26,55	26,55	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	80,01	80,01	-
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	84,29	84,29	-
2.7	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	19,36	19,36	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	941,72	941,72	-
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>555,28</i>	<i>555,28</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>134,03</i>	<i>134,03</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>17,61</i>	<i>17,61</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>18,5</i>	<i>18,5</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>65,71</i>	<i>65,71</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>13,4</i>	<i>13,4</i>	<i>-</i>



Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích năm 2021	Diện tích hiện trạng năm 2022	So sánh Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,05	0,05	-
-	Đất công trình bưu chính viễn, thông	DBV	1,43	1,43	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	10,07	10,07	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,2	0,2	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	24,37	24,37	-
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	91,14	91,14	-
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	1,91	1,91	-
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	0,61	0,61	-
-	Đất chợ	DCH	7,41	7,41	-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,23	2,23	-
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	33,35	33,35	-
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	85,39	86,07	0,68
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	855,76	857,74	1,98
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,68	23,68	-
2.14	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,72	6,72	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	8,69	8,69	-
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	241,37	241,37	-
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	20,43	20,43	-
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	8,21	8,21	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	59,43	59,43	-

Nguồn: Diện tích năm 2022 tổng hợp từ thống kê đất đai năm 2021 và các công trình, dự án, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích trong năm 2022.

a. Biến động đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2022 có 3.171,13 ha, giảm 2,66ha so với năm 2021. Do chuyển sang đất ở (Năm 2022, thực hiện chuyển mục đích 130 thửa đất, với diện tích 2,66 ha).

Bên cạnh đó, thu hồi đất thực hiện các dự án: Khu đô thị biển Bình Sơn - Ninh Chữ (K2), Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố PR-TC, Xây dựng kè bờ Nam Sông Dinh, Đầu tư xây dựng công trình đường vào khu tập thể trường Chính trị, Xây dựng cầu Sông Quao, Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 27 các đoạn còn lại trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Xây dựng mới trạm bơm tăng áp số 02 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển, Đường Lương Thế Vinh, Doanh trại cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Thuận/Quân khu 5: ha, tại phường Phước Mỹ và Đô Vinh 6,50 ha; Doanh trại Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Ninh Thuận 4,0 ha, tại phường Mỹ Bình...

Các dự án đã thu hồi ở trên, chưa ban hành quyết định giao đất cho các chủ sử dụng đất.

- Diện tích đất trồng lúa giảm 0,68ha so với năm 2021. Do chuyển sang đất ở.

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm 1,05ha so với năm 2021. Do chuyển sang đất ở.



- Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm 0,60ha so với năm 2021. Do chuyển sang đất ở.

- Đất nuôi trồng thủy sản giảm 0,33ha so với năm 2021. Do chuyển sang đất ở tại phường Đông Hải.

- Đất trồng nông nghiệp khác: Không biến động.

b. Biến động đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp năm 2022 có 4.686,23 ha, tăng 2,66ha so với năm 2021. Do các hộ gia đình, cá nhân chuyển đất nông nghiệp sang đất ở. Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: Tăng 0,68ha so với năm 2021, do nhân dân mở rộng đất ở.

- Đất ở tại đô thị: Tăng 1,98ha so với năm 2021, do mở rộng đất ở tại các phường để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất...

Ngoài ra, thực hiện thu hồi đất xây dựng khu đô thị biển Bình Sơn-Ninh Chữ, Khu đô thị mới Bờ Sông Dinh, Khu đô thị mới Phủ Hà, Khu dân cư Bắc đường 16 tháng 4 (từ trục D6 - D7).... Do chưa có quyết định giao đất, chưa thống kê vào hiện trạng sử dụng đất.

Các loại đất khác không biến động.

c. Biến động đất chưa sử dụng

Tổng diện tích đất chưa sử dụng năm 2022 còn 59,43 ha (Không biến động so với năm 2021).

1.3.3. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố, cũng như kế hoạch sử dụng đất từ năm 2017 đến năm 2022 được UBND tỉnh phê duyệt; UBND thành phố đã tổ chức công bố, công khai điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn UBND các phường-xã; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết về quy trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Các địa phương đã thực hiện nghiêm túc thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt; việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất tuân thủ đúng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn thành phố sau khi điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt đến nay thực hiện tốt; không có trường hợp sử dụng đất sai quy hoạch được duyệt.

- Việc thực hiện tốt điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của thành phố phát triển, đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, tăng nguồn thu từ đất, từng bước đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố vào nền nếp.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường

1.4.1. Những lợi thế

Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm đã được tỉnh xác định là Trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - khoa học kỹ thuật, cho nên được tỉnh tập trung đầu tư xây dựng khu đô thị mới, công nghiệp và dịch vụ.

- Thành phố có vị trí thuận lợi về phát triển giao thông, đặc biệt gần sân bay quốc tế Cam Ranh, có các trục giao thông kết nối với các vùng miền của các huyện trong tỉnh, các tỉnh trong khu vực Nam Trung Bộ và cả nước (*Quốc lộ 1A, Quốc lộ 27, Đường sắt Bắc-Nam...*) là điều kiện thuận lợi để Phan Rang - Tháp Chàm tham gia hội nhập kinh tế vùng Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

- Tiềm năng về biển và đất đai phát triển đô thị, trên cơ sở quy hoạch dải ven biển của tỉnh, thành phố có điều kiện liên kết với các huyện ven biển và các thành phố lân cận, phát triển kinh tế biển và du lịch; tài nguyên về đất ven biển là yếu tố lợi thế của thành phố trong đầu tư phát triển đô thị.

- Thành phố có lợi thế về phát triển du lịch, bao gồm: Du lịch biển, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa các dân tộc. Trên địa bàn thành phố có những công trình văn hóa, di tích lịch sử, lễ hội,... như Tháp Poklong-Giarai, Trung tâm văn hóa Chăm, Chùa Ông, Đình Văn Sơn, Tấn Lộc,... sẽ góp phần tạo nên điểm nhấn cho phát triển du lịch văn hóa của địa phương.

- Nguồn nguyên liệu thủy sản, nông-lâm nghiệp (*từ các huyện phía Tây thành phố*) của tỉnh khá dồi dào, có thể cung cấp cho thành phố phát triển các ngành công nghiệp chế biến, các ngành nghề thủ công, mỹ nghệ.

- Điều kiện khí hậu nắng nóng kéo dài rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp canh tác nhiều vụ/năm; thâm canh tăng năng suất cây trồng khi có nước tưới chủ động.

- Môi trường đất, nước, không khí của thành phố còn khá trong lành; tuy có nơi có dấu hiệu ô nhiễm môi trường nhưng ở phạm vi hẹp và mức độ nhẹ; dễ xử lý (ô nhiễm rác thải,... tại khu vực ven biển thuộc phường Đông Hải).

1.4.2. Những hạn chế

- Thành phố nằm ở vị trí xa các trung tâm kinh tế lớn của khu vực, nền kinh tế quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh trên thị trường yếu. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém và thiếu đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng đô thị: Hệ thống đường giao thông, thoát nước, cấp điện, cây xanh, công trình xử lý rác thải - nước thải...

- Hệ thống đào tạo nghề chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của thành phố, chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương thấp.

- Thu nhập, mức sống của người dân còn thấp, dẫn đến tích lũy, đầu tư thấp.

- Khí hậu khô nóng kéo dài, lượng mưa thấp, lượng nước bốc hơi cao nên cây trồng thường bị hạn hán, ảnh hưởng lớn đến việc thâm canh tăng vụ cây trồng.

- Nguồn nước ngầm ít và nhiều vùng bị nhiễm mặn; khả năng khai thác sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt gặp nhiều khó khăn.

- Môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh chưa được cải thiện nhiều, năng lực cạnh tranh còn thấp đã cản trở quá trình thu hút đầu tư vào tỉnh và thành phố; năm 2021, chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh xếp ở mức trung bình. Việc thành lập



văn phòng phát triển kinh tế (EDO) của tỉnh để đơn giản thủ tục hành chính trong thu hút đầu tư đã làm cho môi trường đầu tư của tỉnh được cải thiện hơn.

- Tình trạng đầu tư còn phân tán, thiếu đồng bộ, tiến độ đầu tư chậm nên hiệu quả đầu tư không cao, chậm đưa đất vào sử dụng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

2.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, thành phố đã được lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 28/6/2022; Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường trình phê duyệt tại Tờ trình số 4992/TTr-STNMT ngày 31 tháng 10 năm 2022. Đây là một trong những căn cứ pháp lý và cơ sở quan trọng để tỉnh và thành phố thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, phục vụ tăng trưởng kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh của thành phố. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố như sau:

a. Đánh giá kết quả thực hiện theo công trình, dự án (Công trình, dự án năm 2022 đã thực hiện, chuyển tiếp sang năm 2023 và loại bỏ ra ngoài kế hoạch sử dụng đất năm 2023).

a.1. Đánh giá kết quả thực hiện theo tổng số công trình, dự án năm kế hoạch 2022 đã được phê duyệt:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố có 135 công trình.

- Đang thực hiện 31 công trình (đạt 22,96% về số lượng dự án). Trong số 30 công trình này, có nhiều công trình đã thu hồi đất đạt 100% diện tích như: Doanh trại Cơ quan bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Doanh trại Sở chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Thuận, Đường Lương Thế Vinh, Đường vào khu tập thể trường Chính trị tỉnh, Đường đôi phía Nam vào thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Tuyến đường Trần Nhân Tông (đoạn nối giữa tuyến đường Phan Bội Châu đến Trụ sở Công an tỉnh Ninh Thuận), Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tháp Chàm công suất 52.000 m³/ngày đêm lên 120.000 m³/ngày đêm, Cầu qua Sông Quao liên xã Phước Thuận – An Hải (từ thôn Phước Lợi đi qua thôn Long Bình), Trạm bơm tăng áp cấp nước phục vụ sản xuất cho KCN Du Long, Công trình phân pha dây dẫn đường dây 110KV 174 Tháp Chàm 2 - 171 Tháp Chàm.... Hiện nay, chưa có quyết định giao đất, cần chuyển tiếp sang năm 2023 để thực hiện các bước còn lại của thủ tục đất đai trước khi ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất...

- Chưa thực hiện, và chuyển sang năm 2023: 58 công trình (chiếm 42,96% về số lượng công trình). Các dự án chưa triển khai, hiện nay đang làm các thủ tục đo đạc bản đồ địa chính, chuẩn bị thu hồi đất...

- Đề nghị không chuyển tiếp thực hiện trong năm 2023: 46 công trình (chiếm 34,08% về số lượng dự án):

Chi tiết qua biểu sau:



Biểu 3: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2022 đang thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2023

Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích đã TH, CMD SD đất (ha)	Diện tích thực hiện năm 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I.	Công trình, dự án đang thực hiện		177,01	136,76	78,72		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Thành Hải	Công An tỉnh	0,12	0,12		Thành Hải	
2	Doanh trại Cơ quan bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Bộ CH QS tỉnh	7,03	7,03		Đô Vinh, Phước Mỹ	Thực hiện theo Khoản 1 Điều 61 Luật Đất đai 2013; Có bổ sung 5.200m ² theo Công văn số 2952/UBND-KTTH ngày 17/6/2021 của UBND tỉnh.
3	Xây dựng doanh trại Sở chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Thuận	Bộ CH Bộ đội biên phòng tỉnh	4,00	4,00		Mỹ Bình	Thực hiện theo Khoản 1 Điều 61 Luật Đất đai 2013
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố PR-TC		50,28	48,18	2,10	Các phường	
5	Hoàn chỉnh trồng cây xanh khu quần thể Tượng đài, Bảo tàng thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	0,363		0,36	Mỹ Bình	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
6	Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tháp Chàm công suất 52.000 m ³ /ngày đêm lên 120.000 m ³ /ngày đêm	Công ty CP cấp nước Ninh Thuận	0,66		0,66	Đô Vinh	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
7	Trạm bơm tăng áp cấp nước phục vụ sản xuất cho KCN Du Long	Công ty CP cấp nước Ninh Thuận	0,95		0,95	Phước Mỹ	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
8	Khu dân cư tái định cư thành phố (Khu TĐC Bệnh viện) mở rộng	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	4,20	2,03	2,17	Văn Hải	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh



Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích đã TH, CMD SD đất (ha)	Diện tích thực hiện năm 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
9	Khu đô thị mới Phủ Hà	Kêu gọi đầu tư	7,07	2,17	4,90	Phủ Hà	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
10	Khu dân cư Bắc đường 16 tháng 4 (từ trục D6 - D7)	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	2,00		2,00	Mỹ Bình	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
11	Dự án nâng cấp Trạm xử lý nước thải, san nền và đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thành Hải	BQLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	22,15	21,82	0,33	Thành Hải, Văn Hải	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
12	Khu đô thị mới Bờ Sông Dinh	Kêu gọi đầu tư	38,47		38,47	Phủ Hà, Mỹ Hương	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
13	Khu đô thị Mỹ Phước	Kêu gọi đầu tư	10,25		10,25	Mỹ Bình	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
14	Khu đô thị biển Bình Sơn-Ninh Chữ (Khu K2)	Công ty Cổ phần Thành Đông Ninh Thuận	54,09	49,09	5,00	Mỹ Bình	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
15	Khu dân cư Chí Lành	Công ty TNHH MTV Chí Lành	2,20	2,05	0,15	Thành Hải	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
16	Trường Mẫu giáo Phú Thọ (gđ1)	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	0,14		0,14	Đông Hải	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh
17	Trường Mẫu giáo Phú Thọ (gđ2)	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	0,19		0,19	Đông Hải	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh
18	ĐA Trường tiểu học Phú Thọ (hạng mục đường vào trường)	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	0,10		0,10	Đông Hải	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh



Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích đã TH, CMD SD đất (ha)	Diện tích thực hiện năm 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
19	Đường Lương Thế Vinh	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	0,23		0,23	Phước Mỹ	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh
20	Đường vào khu tập thể trường Chính trị tỉnh	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	0,05		0,05	Phước Mỹ	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh;
21	Đường đôi phía Nam vào thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	BQLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	3,37		3,37	Đạo Long	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh;
22	Tuyến đường Trần Nhân Tông (đoạn nối giữa tuyến đường Phan Bội Châu đến Trụ sở Công an tỉnh Ninh Thuận)	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN	4,89		4,89	P. Mỹ Bình	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh;
23	Cầu qua Sông Quao liên xã Phước Thuận-An Hải (từ thôn Phước Lợi đi qua thôn Long Bình)	BQLDA ĐTXD huyện Ninh Phước	0,064		0,06	Đạo Long	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 263/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND huyện Ninh Phước (Điều chỉnh diện tích đất lúa từ 0,064ha thành 0ha; điều chỉnh diện tích đất khác từ 0ha thành 0,064ha theo kết quả rà soát hiện trạng thực tế)
24	Công trình phân pha dây dẫn đường dây 110KV 174 Tháp Chàm 2 - 171 Tháp Chàm	Tổng công ty Điện lực miền Nam	0,15	0,15	0,00	Đô Vinh, Thành Hải	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh



Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích đã TH, CMD SD đất (ha)	Diện tích thực hiện năm 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
25	Hạng mục tuyến kè bảo vệ bờ Nam sông Dinh và tuyến đường gom nông thôn thuộc dự án đập hạ lưu sông Dinh	Chi cục Thủy lợi	1,27		1,27	Đạo Long	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh
26	Đường dây 110kV Đa Nhim-Sông Pha-Ninh Sơn Tháp Chàm	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	0,06		0,06	TP Phan Rang - Tháp Chàm	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh
27	Khu dân cư Tháp Chàm 1 (Diện tích còn lại)		0,38		0,38	Đô Vinh	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh;
28	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 27 các đoạn còn lại trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	0,63		0,63	Đô Vinh	NQ 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2020
29	Cột thu lôi chống sét thôn xóm Chiểu, xã Thành Hải	Chi Cục Thủy lợi	0,0025		0,0025	Thành Hải	NQ số 42/NQ-HĐND ngày 17/5/2021 của HĐND tỉnh
30	Cột thu lôi chống sét khu phố 6, phường Đạo Long	Chi Cục Thủy lợi	0,0025		0,0025	Đạo Long	NQ số 42/NQ-HĐND ngày 17/5/2021 của HĐND tỉnh
31	Nhà nghiệp vụ Bộ Công an	Công An tỉnh	0,12	0,12		Mỹ Bình	
II	Công trình, dự án chưa thực hiện		461,27		148,53		
1	Công viên bến xe Bắc thành phố	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	0,08		0,08	Thanh Sơn	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
2	Thu hồi diện tích đất còn lại sau khi thực hiện dự án K1 để xây dựng công trình công cộng.	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	0,007		0,007	Thanh Sơn	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dịch vụ văn hóa quần thể tượng đài - quảng trường - nhà bảo tàng tỉnh Ninh Thuận	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	0,03		0,030	Tân Tài	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh



Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích đã TH, CMD SD đất (ha)	Diện tích thực hiện năm 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4	Dự án xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp đường Trần Quang Diệu và phạm vi đường quy hoạch nội bộ	Kêu gọi đầu tư	0,02		0,02	Thanh Sơn	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
5	Chợ đầu mối nông sản Phan Rang	Kêu gọi đầu tư	2,00		2,00	Tân Tài	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
6	Khu đô thị mới bờ bắc Sông Dinh	Kêu gọi đầu tư	14,44		14,44	Phước Mỹ, Bảo An	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
7	Khu đô thị mới Tây Bắc	Kêu gọi đầu tư	91,37		20,00	Thành Hải, Phước Mỹ	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
8	Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K3)	Kêu gọi đầu tư	74,13		20,00	Mỹ Bình	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
9	Khu đô thị mới Mỹ Phước 1	Kêu gọi đầu tư	5,86		5,86	Mỹ Bình	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
10	Trung tâm dịch vụ du lịch Hải Long (Khu du lịch Bình Sơn - Ninh Chữ (Khu C))	CT TNHH Du Lịch Hải Long Phan Rang	4,47		4,47	Mỹ Hải	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
11	Dự án đường N9 thuộc khu quy hoạch dân cư Bắc Trần Phú	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	0,0115		0,0115	Phủ Hà	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
12	Khu đô thị mới Đông Văn Sơn - Bắc Bình Sơn	Kêu gọi đầu tư	192,28		30,00	Văn Hải	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh



Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích đã TH, CMD SD đất (ha)	Diện tích thực hiện năm 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
13	Khu đô thị mới phía Nam đường Phan Đăng Lưu	Kêu gọi đầu tư	39,84		15,00	Phước Mỹ	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
14	Công viên biển Bình Sơn (khu 4,575ha)	kêu gọi đầu tư	4,58		4,58	Mỹ Bình	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh
15	Đường dây 110kV trạm 174 Tháp Chàm-Ninh Phước	Tổng công ty Điện lực miền Nam	0,03		0,03	TP Phan Rang-TC	NQ 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2020
16	Hạ tầng xung quanh Bảo tàng tỉnh	Kêu gọi đầu tư	0,22		0,22	Tân Tài	
17	Dự án nhà ở xã hội khu TĐC cụm công nghiệp Thành Hải	Kêu gọi đầu tư	2,00		2,00	Thành Hải	CV số 2477/UBND-ĐT ngày 30/11/2020 của UBND TP Phan Rang - TC về cập nhật Dự án nhà ở xã hội khu TĐC cụm công nghiệp Thành Hải
18	Trường Mầm non Kim Đồng (Kế hoạch SD đất năm 2022 tên là Trường mầm non tại khu TĐC khu công nghiệp Thành Hải)	Kêu gọi đầu tư	0,678		0,678	Thành Hải	
19	Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K1)	CT Cổ phần Thành Đông Ninh Thuận	0,2328		0,2328	Thanh Sơn, Mỹ Bình	CV số 13/CV-TĐNT, ngày 14/01/2022 của CT Cổ phần Thành Đông Ninh Thuận về Đăng ký nhu cầu SD đất năm 2022
20	Dự án Khu dịch vụ, văn hóa ẩm thực Blue		0,26		0,26	Mỹ Bình	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
21	Khách sạn Thiên Thuận Phước		0,07		0,07	Mỹ Bình	



Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích đã TH, CMD SD đất (ha)	Diện tích thực hiện năm 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
22	Dự án Tổ hợp khách sạn, khu thương mại, căn hộ du lịch Dubai Tower	Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Dubai	2,20		2,20	Mỹ Hải	
23	Khách sạn nhà hàng góc Đông Bắc đường 16/4 và đường D10		0,12		0,12	Mỹ Hải	
24	Khu dân cư Công Ty cổ phần XD Ninh Thuận		0,38		0,38	Thanh Sơn	
25	Trung tâm văn hóa tỉnh (cũ)		1,37		1,37	Thanh Sơn	Theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt
26	Trụ sở Bảo hiểm xã hội tỉnh (cũ)		0,06		0,06	Kinh Dinh	QĐ số 312/QĐ-UBND ngày 04/4/2020 của UBND TP về điều chỉnh cục bộ đồ án QH chỉnh trang phường Kinh Dinh
27	Dự án Khách sạn Hoàng Sơn Long		0,264		0,26	Mỹ Bình	CV số 562/QLĐT ngày 07/11/2022 của Phòng QLĐT thành phố về Ý kiến góp ý KH SD đất năm 2023 TP
28	Trung tâm thương mại Tháp Chàm		1,10		1,10	Đô Vinh	
29	Đất thường mại dịch vụ phường Mỹ Hải		0,40		0,40	Mỹ Hải	
30	Công ty CP Trung Nam		0,70		0,70	Thành Hải	
31	Trường THCS Trần Hưng Đạo (cơ sở cũ)		2,47		2,47	Mỹ Hải	



Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích đã TH, CMD SD đất (ha)	Diện tích thực hiện năm 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
32	Bưu điện văn hóa xã Thành Hải		0,02		0,02	Thành Hải	
33	Bệnh viện phục hồi chức năng (cũ)		0,6847		0,68	Mỹ Bình	
34	Trụ sở Trung tâm sốt rét (cũ)		0,06		0,06	Thanh Sơn	
35	Trụ sở Chi cục Dân số KHHGD		0,0498		0,0498	Tân Tài	
36	Trung tâm Pháp Y		0,0168		0,0168	Kinh Dinh	QĐ số 312/QĐ-UBND ngày 04/4/2020 của UBND TP về điều chỉnh cục bộ đồ án QH chỉnh trang phường Kinh Dinh
37	Trạm y tế phường Đô Vinh		0,05		0,05	Đô Vinh	
38	Trụ sở ngân hàng Agribank chi nhánh Ninh Thuận		0,51		0,51	Mỹ Bình	
39	Trụ ở Kho Bạc tỉnh		0,18		0,18	Thanh Sơn	
40	Khu đất tại đường Nguyễn Văn Cừ (khu đất trước đây dự kiến làm Trụ sở BQL Khu công nghiệp tỉnh)		0,30		0,30	Văn Hải	
41	Mở rộng KDC Phước Mỹ 1		1,70		1,70	Phước Mỹ	
42	Khu đất đổi diện Văn phòng Phát triển kinh tế		0,10		0,10	Mỹ Bình	
43	Trụ sở Đoàn nghệ thuật dân gian Chăm Ninh Thuận		0,05		0,05	Mỹ Hương	



Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích đã TH, CMD SD đất (ha)	Diện tích thực hiện năm 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
44	Bán đấu giá QSD đất trường học (sau nhà thờ Tân Hội, không còn sử dụng)		0,03		0,03	Thành Hải	
45	11 trạm BTS (Đô Vinh 01 trạm, Thanh Sơn 01 trạm, Văn Hải 02 trạm, Mỹ Đông 01 trạm, Mỹ Bình 02 trạm, Đài Sơn 01 trạm, Kinh Dinh 01 trạm, Thanh Sơn 01 trạm và Đông Hải 01 trạm)		0,22		0,22	Các phường	
46	Nhà văn hóa khu phố 5, phường Đạo Long		0,05		0,05	Đạo Long	
47	Khách sạn Gió Biển		0,39		0,39	Đông Hải	
48	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở (hộ gia đình, cá nhân đăng ký)		9,60		9,60	Các xã, phường	
49	Cụm xử lý nước sạch Đông Mỹ Hải	CT TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải	0,46		0,46	Mỹ Đông, Tân Tài	
50	Bệnh viện mắt Việt Phan Rang	Công ty Y Khoa Việt	0,10		0,10	Mỹ Hải	
51	Dự án Mở rộng Bệnh viện Mắt	Sở Y tế	0,05		0,05	Tân Tài	CV số 701/SYT-KHNVTC ngày 22/02/2022 của Sở Y tế
52	Bệnh viện Đa khoa Thái Hòa	Công ty TNHH Dịch vụ phòng khám đa khoa Thái Hòa NT	0,07		0,07	Thanh Sơn	CV số: 974/SKHĐT-EDO ngày 21/3/2022 về đề xuất đầu tư bệnh viện đa khoa Thái Hòa.



Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích đã TH, CMD SD đất (ha)	Diện tích thực hiện năm 2023 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
53	Dự án khách sạn TTM	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ TTM	0,022		0,022	Thanh Sơn	CV số 649/SKHĐT-TH ngày 25/2/2022 về góp ý Kế hoạch SD đất năm 2022 của Thành phố
54	Dự án Nhà hàng vườn xưa	Công ty TNHH Long Vịnh	0,221		0,221	Mỹ Hải	
55	Chung cư thương mại Ninh Thuận Lotus	Công ty TNHH đầu tư dịch vụ du lịch Ninh Thuận	0,49		0,49	Mỹ Hải	
56	Nhà điều hành xe Buýt và bảo dưỡng sửa chữa xe	Kêu gọi đầu tư	0,91		0,91	Đạo Long	
57	Chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp còn lại thuộc DA Khu DL vui chơi giải trí Hoàn Cầu sang đất thương mại dịch vụ	CTCP thương mại - Resort Hoàn Cầu	3,15		3,15	Văn Hải	Văn bản số 3005/2022/CV-HC ngày 30/5/2022 của CTCP thương mại - Resort Hoàn Cầu
58	Trụ sở làm việc Cảnh sát Giao thông và Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Ninh Thuận	CA tỉnh	5,20		5,20	Đô Vinh	Văn bản góp ý ngày 10/3/2023 của Đại tá Huỳnh Tấn Hạnh - UV Ban Thường vụ tỉnh ủy, GĐ Công an tỉnh

Nguồn: Điều tra từ các chủ đầu tư và phòng Tài nguyên và môi trường



* **Công trình, dự án không chuyển tiếp thực hiện trong năm 2023:** 46 công trình. Trong đó: Công trình thuộc vốn trong ngân sách nhà nước, do thiếu vốn và do thực hiện chuyển đổi số, đang xem xét không cần xây dựng; các dự án phát triển khu đô thị chưa kêu gọi được nhà đầu tư hoặc hủy chủ trương thực hiện dự án (*Mở rộng Nhà máy Bê tông Tháp Chàm*)... Cho nên loại bỏ ra ngoài kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố.

Chi tiết qua biểu sau:

Biểu 4: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2022 không chuyển tiếp thực hiện trong năm 2023

Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Khu trung tâm hành chính tập trung	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN	12,00	Mỹ Bình, Thanh Sơn
2	Khu công viên trung tâm đường 16/4	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN	87,10	Mỹ Bình
3	Đường nối từ cao tốc Bắc Nam về thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận	47,30	Các xã, phường
4	Đường giao thông kết nối Đập hạ lưu sông Dinh đến đường Hải Thượng Lãn Ông	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận	4,50	Mỹ Đông, Tấn Tài
5	Trung tâm biểu diễn nghệ thuật tỉnh Ninh Thuận	Sở VHTT và DL	2,28	Mỹ Bình
6	Nâng cấp Đường tỉnh 704 (<i>Tên KH 2022 là Mở rộng Đường tỉnh 704</i>). (BQLDA các công trình giao thông đăng ký năm 2023 tên dự án là Nâng cấp Đường tỉnh 704, quy mô 6,23 ha)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận	6,23	Thành Hải, Văn Hải
7	Khu dân cư Kênh Chà Là	Kêu gọi đầu tư	19,50	Đài Sơn
8	Khu đô thị mới Bắc Trần Phú 2	Kêu gọi đầu tư	18,24	Phủ Hà, Đài Sơn
9	Khu phức hợp dịch vụ thể thao ven biển Đông Hải	Kêu gọi đầu tư	5,28	Đông Hải
10	Khu đô thị mới Tân Hội	Kêu gọi đầu tư	91,10	Thành Hải
11	Khu đô thị Phước Mỹ 2 (Giai đoạn 2)	Kêu gọi đầu tư	41,54	Phước Mỹ
12	Nhà ở xã hội	Kêu gọi đầu tư	11,40	Thành Hải
13	Cải tạo, chỉnh trang khu dân cư Yên Ninh	Doanh nghiệp đăng ký đầu tư	33,60	Đông Hải, Mỹ



Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Đông, Mỹ Hải
14	Khu đô thị mới Tấn Tài	Kêu gọi đầu tư	71,10	Tấn Tài
15	Khu đô thị Phước Mỹ 2 (Giai đoạn 1)	Kêu gọi đầu tư	20,60	Phước Mỹ
16	Khu dân cư bên xe Nam, phường Tấn Tài	Kêu gọi đầu tư	10,25	Tấn Tài,
17	Khu dân cư Bình Sơn	Kêu gọi đầu tư	9,91	Mỹ Bình
18	Khu đô thị mới Đông Nam 1	Kêu gọi đầu tư	99,95	Mỹ Hải, Tấn Tài
19	Khu đô thị mới Đông Nam 2	Kêu gọi đầu tư	41,41	Mỹ Hải, Tấn Tài
20	Khu dân cư chính trang phường Phước Mỹ	Kêu gọi đầu tư	11,53	Phước Mỹ
21	Khu dân cư Chợ nông sản Phan Rang	Kêu gọi đầu tư	5,80	Tấn Tài
22	Khu dân cư Thành Hải 1, xã Thành Hải	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	4,92	Thành Hải
23	Khu dân cư phường Phủ Hà (phía Bắc đường Trần Phú)	Kêu gọi đầu tư	17,92	Phủ Hà
24	Khu Trung tâm hành chính phường Bảo An	Kêu gọi đầu tư	2,70	Bảo An
25	Dự án Sân tập golf (Tổng số 6 ha, đã có mặt nước 4,2 ha)	Kêu gọi đầu tư	1,80	Mỹ Bình
26	Khu phức hợp đô thị sinh thái cao cấp sông Dinh	Kêu gọi đầu tư	8,09	Đông Hải
27	Khu du lịch nghỉ dưỡng	Kêu gọi đầu tư	4,47	Mỹ Hải
28	Các khu đất hoàn vốn dự án BT	Kêu gọi đầu tư	4,90	Mỹ Bình
29	Phát triển hạ tầng khu phố Đông Hải (tên kế hoạch năm 2022 là Dự án khu đô thị mới Đông Hải)	Kêu gọi đầu tư	11,50	Đông Hải
30	Mở rộng khu dân cư Bửu Sơn	Kêu gọi đầu tư	10,50	Phước Mỹ
31	Khu đô thị mới Đông Nam 3	Kêu gọi đầu tư	127,00	M. Hải, Mỹ Đông
32	Khu đô thị hai bên đường đôi phía Nam thành phố	Kêu gọi đầu tư	92,59	Đạo Long
33	Khu vực phát triển đô thị phía Bắc thành phố 1	Kêu gọi đầu tư	85,70	Thành Hải
34	Khu đô thị sinh thái sông Dinh 2 (Khu vực TP Phan Rang-Tháp Chàm)	Kêu gọi đầu tư	120,55	Các phường ven Sông Dinh
35	Dự án mở rộng bệnh viện tỉnh	Sở Y tế	2,50	Văn Hải
36	Mở rộng cụm công nghiệp Tháp Chàm	Sở Công Thương	13,87	Đô Vinh



Số TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích Kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
37	Xây dựng đường gom dọc theo tuyến đường sắt Bắc Nam và các công trình phụ trợ để xóa lồi đi tự mở	Sở GTVT	0,37	Bảo An
38	Nâng cấp Trụ sở UBND phường Kinh Dinh	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	0,294	Kinh Dinh
39	Cửa hàng xăng dầu Cư Ngà		0,10	Đô Vinh
40	Nhà máy Tol Kiến Thành		0,40	Thành Hải
41	Cửa hàng chuyên kinh doanh VLXD Quảng Trung - Ninh Thuận		0,30	Thành Hải
42	Cửa hàng xăng dầu đường lê Duẩn		0,17	Đài Sơn
43	Bán đấu giá QSD đất		0,05	Tân Tài
44	Trung tâm lưu trữ Nhà nước tỉnh Ninh Thuận	Sở Nội vụ	0,47	Mỹ Hải
45	Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Ninh Thuận (gđ 2)	Sở Lao động TBXH	2,32	Văn Hải
46	Mở rộng Nhà máy Bê tông Tháp Chàm	Doanh nghiệp	3,66	Đô Vinh
	Cộng		1.167,76	

Nguồn: Điều tra từ các chủ đầu tư

*** Kết quả thực hiện chuyển mục đích SD đất của hộ gia đình, cá nhân:**
Thực hiện 130/523 thửa, với diện tích 2,66 ha.

a.2. Đánh giá kết quả thực hiện theo công trình, dự án năm kế hoạch 2022 đã được thông qua các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về thu hồi đất:

Kết quả thực hiện các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 22/7/2021.

*** Danh mục công trình, danh mục phải thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn thành phố được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 113/NQ-HĐND gồm 50 công trình, dự án/788,718 ha.**

- Đang thực hiện 22 công trình với diện tích 96,817 ha (đạt 44% về số lượng dự án và 12,32 về diện tích).

- Chưa thực hiện và chuyển sang năm 2023: 07 công trình, với diện tích 188,267 ha (chiếm 14% về số lượng dự án và 23,97% về diện tích).

- Đề nghị bỏ ra ngoài năm kế hoạch 2023: 21 công trình, với diện tích 500,404 ha (chiếm 42,0% về số lượng dự án và 63,71% về diện tích).

Chi tiết qua biểu sau:



Biểu 5: Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021.

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Chủ đầu tư	Ghi chú
I.	Công trình, dự án đang thực hiện	96,817		
1	Trường Mẫu giáo Phú Thọ (giai đoạn 1)	0,14	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	Đã ban hành xong QĐ thu hồi, bồi thường; đang thực hiện các thủ tục liên quan.
2	Trường Mẫu giáo Phú Thọ (giai đoạn 2)	0,19	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	Đã ban hành xong QĐ thu hồi, bồi thường; đang thực hiện các thủ tục liên quan.
3	Trường tiểu học Phú Thọ	0,10	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	Đã ban hành xong QĐ thu hồi, bồi thường; đang thực hiện các thủ tục liên quan.
4	Đường Lương Thế Vinh	0,23	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	Đã ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường.
5	Đường vào khu tập thể trường Chính trị tỉnh	0,05	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	Đang thực hiện áp giá để bồi thường
6	Đường đôi phía Nam vào thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	3,37	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	Đã ban hành xong QĐ thu hồi, bồi thường; đang thực hiện các thủ tục liên quan.
7	Tuyến đường Trần Nhân Tông (đoạn nối giữa tuyến đường Phan Bội Châu đến Trụ sở Công an tỉnh Ninh Thuận)	4,89	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	Đã thực hiện xong
8	Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tháp Chàm công suất 52.000 m ³ /ngày đêm lên 120.000 m ³ /ngày đêm	0,66	Công ty CP cấp nước Ninh Thuận	Đã ban hành Thông báo thu hồi bồi thường, đang thực hiện các thủ tục liên quan
9	Cầu qua Sông Quao liên xã Phước Thuận – An Hải (từ thôn Phước Lợi đi qua thôn Long Bình)	0,064	BQLDA ĐTXD huyện Ninh Phước	Đã ban hành QĐ bồi thường
10	Trạm bơm tăng áp cấp nước phục vụ sản xuất cho KCN Du Long	0,95	Công ty CP cấp nước Ninh Thuận	Đã ban hành QĐ thu hồi, bồi thường; còn lại 01 hộ chưa ban hành, đang thực hiện các thủ tục liên quan.
11	Công trình phân pha dây dẫn đường dây 110KV 174 Tháp	0,15	Tổng công ty Điện lực miền	Đang thực hiện áp giá để bồi thường



Số TT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Chàm 2 - 171 Tháp Chàm		Nam	
12	Hạng mục tuyến kè bảo vệ bờ Nam sông Dinh và tuyến đường gom nông thôn thuộc dự án đập hạ lưu sông Dinh	1,27	Chi cục Thủy lợi	Đã ban hành QĐ thu hồi, bồi thường; còn lại 01 trường hợp thực hiện thủ tục vắng chủ.
13	Đường dây 110kV Đa Nhim-Sông Pha-Ninh Sơn Tháp Chàm	0,06	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Chuẩn bị ban hành quyết định bồi thường
14	Khu dân cư tái định cư thành phố (Khu TĐC Bệnh viện) mở rộng	4,20	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	Đã thẩm định nguồn gốc đất, đang chờ hệ số giá đất để áp giá, bồi thường
15	Khu đô thị mới Phú Hà	7,07	Kêu gọi đầu tư	Đã ban hành thông báo thu hồi đất, đang thực hiện công tác kiểm đếm và các công việc liên quan
16	Khu dân cư Bắc đường 16 tháng 4 (từ trục D6 - D7)	2,00	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	Đã thẩm định nguồn gốc đất, đang chờ hệ số giá đất để áp giá, bồi thường
17	Khu công nghiệp Thành Hải	22,15	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	Đã ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường; còn lại 01 hộ thực thiện thủ tục cưỡng chế về thực hiện kiểm đếm bắt buộc, đang thực hiện các công việc liên quan.
18	Khu đô thị mới Mỹ Phước	10,25	Kêu gọi đầu tư	Chuẩn bị ban hành Thông báo thu hồi đất
19	Hoàn chỉnh trồng cây xanh khu quần thể Tượng đài, Bảo tàng thành phố Phan Rang-TC	0,363	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	Đang thực hiện các thủ tục trích đo, ...
20	Thu hồi diện tích đất còn lại để hoàn thành dự án Khu dân cư Tháp Chàm 1	0,07	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Kiến Thành	Đã thực hiện xong
21	Khu đô thị mới Bờ Sông Dinh	38,47	Công ty CPĐTPTĐT Sông Dinh, Công ty CPTSG VN, Công ty CPĐTXD TSG	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất và đang thực hiện các thủ tục liên quan.
22	Trụ sở làm việc Công an xã Thành Hải	0,12	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	



Số TT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Chủ đầu tư	Ghi chú
II	Công trình, dự án chưa thực hiện chuyển sang năm 2023	188,267		
1	Thu hồi diện tích đất còn lại sau khi thực hiện dự án K1 để xây dựng công trình công cộng.	0,007	UBND thành phố	
2	Công viên bến xe Bắc thành phố	0,08	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	
3	Khu đô thị mới bờ bắc Sông Dinh	14,44	Kêu gọi đầu tư	Điều chỉnh diện tích theo QĐ 1170/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND thành phố
4	Khu đô thị mới Tây Bắc	91,37	Kêu gọi đầu tư	
5	Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K3)	71,93	Kêu gọi đầu tư	Đã điều chỉnh diện tích từ 71,93 thành 74,13 theo NQ số 40/NQ-HĐND ngày 22/7/2022.
6	Công viên biển Bình Sơn	4,58	Kêu gọi đầu tư	
7	Khu đô thị mới Mỹ Phước 1	5,86	Kêu gọi đầu tư	
III	Công trình, dự án năm kế hoạch 2022 đề nghị bỏ ra ngoài năm kế hoạch 2023	500,404		
1	Trung tâm lưu trữ Nhà nước tỉnh Ninh Thuận	0,47	Sở Nội vụ	
2	Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Ninh Thuận (gđ 2)	2,32	Sở Lao động TBXH	
3	Khu hành chính tập trung tỉnh Ninh Thuận	12,00	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	
4	Khu công viên trung tâm thành phố	71,80	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	KHSĐĐ 2022 điều chỉnh thành 87,1 ha
5	Đường giao thông kết nối Đập hạ lưu sông Dinh đến đường Hải Thượng Lãn Ông (Đường nối đập hạ lưu sông Dinh)	4,50	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông	
6	Khu dân cư Kênh Chà Là	38,00	Kêu gọi đầu tư	
7	Khu đô thị mới Bắc Trần Phú 2	21,39	Kêu gọi đầu tư	
8	Khu phức hợp dịch vụ thể thao ven biển Đông Hải	5,28	Kêu gọi đầu tư	



Số TT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Chủ đầu tư	Ghi chú
9	Nâng cấp Trụ sở UBND phường Kinh Dinh	0,294	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	
10	Xây dựng đường gom dọc theo tuyến đường sắt Bắc Nam và các công trình phụ trợ để xóa lồi đi tự mở	0,37	Sở GTVT	
11	Nhà ở xã hội	11,40	kêu gọi đầu tư	
12	Trung tâm biểu diễn nghệ thuật tỉnh Ninh Thuận	2,28	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
13	Cải tạo, chỉnh trang khu dân cư Yên Ninh	33,60	Doanh nghiệp đăng ký đầu tư	
14	Khu đô thị mới Tấn Tài	71,10	Kêu gọi đầu tư	
15	Khu đô thị Tân Hội	91,10	Kêu gọi đầu tư	
16	Khu đô thị Phước Mỹ 2 (giai đoạn 2)	41,54	Kêu gọi đầu tư	
17	Khu dân cư Phước Mỹ 2 (giai đoạn 1)	20,60	Kêu gọi đầu tư	
18	Khu dân cư bến xe Nam, phường Tấn Tài	14,00	Kêu gọi đầu tư	
19	Khu dân cư Bình Sơn	9,30	Kêu gọi đầu tư	
20	Đường nối từ cao tốc Bắc Nam về thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	47,30	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông	
21	Mở rộng Đường tỉnh 704	1,76	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông	

Nguồn: Điều tra từ các chủ đầu tư và Phòng Tài nguyên và MT thành phố

* Danh mục công trình, danh mục phải thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn thành phố được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 40/NQ-HĐND gồm: 17 dự án/523,7 ha (điều chỉnh 02 dự án/84,38 ha; bổ sung 15 dự án/439,32 ha).

- Đang thực hiện 4 công trình với diện tích 60,78 ha (đạt 23,53% về số lượng dự án và 11,61% về diện tích)

- Chưa thực hiện và chuyển sang năm 2023: 06 công trình, với diện tích 278,71 ha (chiếm 35,29% về số lượng dự án và 53,22% về diện tích).

- Đề nghị bỏ ra ngoài năm kế hoạch 2023: 07 công trình, với diện tích 184,206 ha (chiếm 41,18% về số lượng dự án và 35,17% về diện tích).

Chi tiết qua biểu sau:



Biểu 6: Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 27/7/2022.

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Chủ đầu tư
I	Công trình, dự án đang thực hiện	60,78	
1	Trung tâm Dịch vụ Du lịch Hải Long	4,47	Công ty TNHH Du lịch Hải Long - Phan Rang
2	Khu đô thị biển Bình Sơn - Ninh Chữ (Khu K2)	54,09	Công ty CP ĐT Hacom Holdings Chi nhánh Ninh Thuận
3	Khu dân cư Chí Lành	2,20	Công ty TNHH MTV Chí Lành
4	Dự án đường N9 thuộc khu quy hoạch dân cư Bắc Trần Phú	0,02	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN
II	Công trình, dự án chưa thực hiện và chuyển sang năm 2023	278,710	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dịch vụ văn hóa quần thể tượng đài - quảng trường - nhà bảo tàng tỉnh Ninh Thuận	0,03	BQL DA ĐTXD thành phố PRTC
2	Dự án xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp đường Trần Quang Diệu và phạm vi đường quy hoạch nội bộ	0,02	UBND thành phố
3	Chợ đầu mối nông sản Phan Rang	2,00	Công ty TNHH Thương mại, dịch vụ, sửa chữa ô tô Lân Hà
4	Khu đô thị Đông Văn Sơn-Bắc Bình Sơn	192,28	Kêu gọi đầu tư
5	Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K3)	74,13	Kêu gọi đầu tư
6	Khu đô thị Mỹ Phước	10,25	Kêu gọi đầu tư
III	Công trình, dự án đề nghị bỏ ra ngoài kế hoạch sử dụng đất năm 2023	184,206	
1	Khu đô thị mới Đông Nam 1	99,95	Kêu gọi đầu tư
2	Khu đô thị mới Đông Nam 2	41,41	Kêu gọi đầu tư
3	Khu Trung tâm hành chính phường Bảo An	2,7	Kêu gọi đầu tư
4	Khu dân cư chính trang Phước Mỹ	11,53	Kêu gọi đầu tư
5	Khu dân cư phường Phú Hà (phía Bắc đường Trần Phú)	17,92	Kêu gọi đầu tư
6	Khu dân cư Chợ Nông sản Phan Rang	5,796	Kêu gọi đầu tư
7	Khu dân cư Thành Hải 1	4,90	Kêu gọi đầu tư

Nguồn: Điều tra từ các chủ đầu tư và Phòng Tài nguyên và MT thành phố

Ngoài 02 Nghị quyết trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 25/3/2022 về danh mục công trình, danh mục phải thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận: Trên địa bàn thành phố không có dự án.



a.3. Đánh giá kết quả thực hiện theo công trình, dự án năm kế hoạch 2022 đã được thông qua các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

Công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/12/2021; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 22/7/2022.

* Danh mục công trình, danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn thành phố được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 114/NQ-HĐND gồm 14 công trình, dự án/112,16 ha (30,39 ha đất lúa) và thực hiện chuyển mục đích cho hộ gia đình, cá nhân là 5,13 ha.

- Đang thực hiện 8 công trình với diện tích 28,65 ha (5,318 ha đất lúa) (đạt 57,14 % về số lượng và 25,55% về diện tích, 17,5% diện tích đất lúa).

- Chưa thực hiện và chuyển sang năm 2023: 01 công trình với diện tích 5,86 ha (0,87 ha đất lúa) (chiếm 7,14% về số lượng và 5,22% về diện tích, 2,86% diện tích đất lúa).

- Đề nghị bỏ ra ngoài năm kế hoạch 2023: 05 công trình với diện tích 77,65 ha (24,20 ha đất lúa), (chiếm 35,71% về số lượng và 69,23% về diện tích, 79,63% diện tích đất lúa).

- Chuyển mục đích sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 3.790,8m².

Chi tiết qua biểu sau:

Biểu 7: Danh mục công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/12/2021.

Số TT	Danh mục công trình, dự án	DT dự án (ha)	DT đất lúa (ha)	Chủ đầu tư	Ghi chú
I	Công trình, dự án đang thực hiện	28,65	5,318		
1	Đường đôi phía Nam vào thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	3,37	0,24	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	Đã ban hành xong Quyết định thu hồi, bồi thường.
2	Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tháp Chàm công suất 52.000 m ³ /ngày đêm lên 120.000 m ³ /ngày đêm	0,66	0,66	Công ty CP cấp nước Ninh Thuận	Đã ban hành Thông báo thu hồi bồi thường, đang thực hiện thủ tục liên quan
3	Trạm bơm tăng áp cấp nước phục vụ sản xuất cho KCN Du Long	0,95	0,95	Công ty CP cấp nước Ninh Thuận	Đã ban hành quyết định thu hồi bồi thường, hiện còn 01 hộ đang thực hiện thủ tục kiểm đếm bắt buộc
4	Công trình phân pha dây	0,15	0,15	Tổng công ty	Đang thực hiện áp



Số TT	Danh mục công trình, dự án	DT dự án (ha)	DT đất lúa (ha)	Chủ đầu tư	Ghi chú
	dẫn đường dây 110KV 174 Tháp Chàm 2 - 171 Tháp Chàm			Điện lực miền Nam	giá để bồi thường
5	Khu dân cư tái định cư thành phố (Khu TĐC Bệnh viện) mở rộng	4,20	0,488	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	Đã thẩm định nguồn gốc đất, đang chờ hệ số giá đất để áp giá, bồi thường
6	Khu đô thị mới Phủ Hà	7,07	1,70	Kêu gọi đầu tư	Đã ban hành thông báo thu hồi đất, đang thực hiện các công việc liên quan
7	Khu dân cư Bắc đường 16 tháng 4 (từ trục D6 - D7)	2,00	0,26	BQLDA ĐTXD thành phố PRTC	Đã thẩm định nguồn gốc đất, đang chờ hệ số giá đất để áp giá, bồi thường
8	Khu đô thị mới Mỹ Phước	10,25	0,87	Kêu gọi đầu tư	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất
II	Công trình, dự án chưa thực hiện và chuyển sang năm 2023				
1	Khu đô thị mới Mỹ Phước 1	5,86	0,87	Kêu gọi đầu tư	
III	Công trình, dự án đề nghị bỏ ra ngoài kế hoạch sử dụng đất năm 2023	77,65	24,20		
1	Khu hành chính tập trung tỉnh Ninh Thuận	12,00	8,40	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	
2	Đường giao thông kết nối Đập hạ lưu sông Dinh đến đường Hải Thượng Lãn Ông (Đường nối đập hạ lưu sông Dinh)	4,50	3,50	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông	
3	Mở rộng Đường tỉnh 704	1,76	1,38	BQLDA ĐTXD các công trình giao thông	
4	Khu dân cư Kênh Chà Là	38,00	9,50	Kêu gọi đầu tư	
5	Khu đô thị mới Bắc Trần Phú 2	21,39	1,42	Kêu gọi đầu tư	

Nguồn: Điều tra từ các chủ đầu tư và Phòng Tài nguyên và MT thành phố



* Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn thành phố được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 41/NQ-HĐND gồm 05 công trình, dự án/15,156 ha (8,22ha đất lúa)

- Đang thực hiện : 01 dự án với diện tích 2,2 ha (0,7 ha đất lúa) (chiếm 20% về số lượng và 14,52% về diện tích, 8,5% diện tích đất lúa).

- Chưa thực hiện và chuyển sang năm 2023: 02 công trình với diện tích 2,26 ha (0,89 ha đất lúa) (chiếm 40,0% về số lượng và 14,91% về diện tích, 10,83% diện tích đất lúa).

- Đề nghị bỏ ra ngoài năm kế hoạch 2023: 02 công trình với diện tích 10,696 ha (6,63 ha đất lúa), (chiếm 40,0% về số lượng và 70,57% về diện tích, 80,66% diện tích đất lúa).

Chi tiết qua biểu sau:

Biểu 8: Danh mục công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 22/7/2022.

Số TT	Danh mục công trình, dự án	DT dự án (ha)	DT đất lúa (ha)	Chủ đầu tư
I	Công trình, dự án đang thực hiện	2,20	0,70	
1	Khu dân cư Chí Lành	2,20	0,70	CT TNHH MTV Chí Lành
II	Công trình, dự án chưa thực hiện và chuyển sang năm 2023	2,26	0,89	
1	Chợ đầu mối nông sản Phan Rang	2,00	0,63	Công ty TNHH Thương mại, dịch vụ, sửa chữa ô tô Lân Hà
2	Khu dịch vụ, văn hóa ẩm thực Blue	0,26	0,26	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hướng Dương
III	Công trình, dự án đề nghị bỏ ra ngoài kế hoạch sử dụng đất năm 2023	10,696	6,63	
1	Khu dân cư Chợ Nông sản Phan Rang	5,796	3,73	Kêu gọi đầu tư
2	Khu dân cư Thành Hải 1	4,90	2,90	Kêu gọi đầu tư

Nguồn: Điều tra từ các chủ đầu tư và Phòng Tài nguyên và MT thành phố

Ngoài 02 Nghị quyết trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 02/NQ-HĐND ngày 25/3/2022 về danh mục công trình, danh mục phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận: Trên địa bàn thành phố không có dự án.



a.4. Đánh giá công trình, dự án đã được thông qua Hội đồng nhân dân phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 03 (ba) năm chưa có quyết định thu hồi đất và chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Căn cứ danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2022 được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 và Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 22/7/2022; danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 và Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 22/7/2022

Qua rà soát danh mục các dự án, trên địa bàn thành phố còn 04 dự án đã quá 03 năm nhưng chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất. 04/4 dự án đề nghị bỏ ra ngoài năm kế hoạch 2023.

Chi tiết qua biểu sau:

Biểu 9: Danh mục công trình, dự án đã thông qua HĐND tỉnh 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất và chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Số TT	Dự án	Quy mô dự án (ha)			Địa điểm	Năm bắt đầu đưa vào Kế hoạch thu hồi đất	Ghi chú
		Tổng	Chia ra				
			Đất lúa	Đất khác			
1	Khu Công viên trung tâm thành phố	71,80	12,28	59,52	Mỹ Bình	Năm 2019 (19/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Dự án kêu gọi đầu tư
2	Khu đô thị mới Đông Nam 1	98,03	24,89	73,14	Mỹ Hải, Tấn Tài	Năm 2019 (19/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Dự án kêu gọi đầu tư
3	Khu đô thị mới Đông Nam 2	40,96	9,53	31,43	Mỹ Hải, Tấn Tài	Năm 2019 (19/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Dự án kêu gọi đầu tư
4	Dự án Sân tập golf T&T Ninh Thuận	1,80		1,80	Mỹ Bình	Năm 2019 (19/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Dự án kêu gọi đầu tư

Nguồn: Điều tra từ các chủ đầu tư và Phòng Tài nguyên và MT thành phố

b. Đánh giá kết quả thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất:

Việc đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022, chính là so sánh hiện trạng sử dụng đất năm 2022 với chỉ tiêu điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được phê duyệt. Hiện trạng sử dụng đất hàng năm được thống kê vào cuối năm (Năm 2022, lấy mốc thời gian thống kê vào ngày 31/12/2022). Theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, việc thống kê hiện trạng sử dụng đất hàng năm căn cứ vào quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Trên địa bàn thành phố đang triển khai nhiều dự án có quy mô diện tích lớn, phải thực hiện qua nhiều năm mới hoàn thành. Năm 2022, tuy đã triển khai thu hồi đất nhiều dự án, nhưng chưa hoàn thành,



chưa có quyết định giao đất, đang thực hiện bước thu hồi đất... cho nên chưa thống kê vào hiện trạng sử dụng đất, dẫn đến so sánh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đạt được thấp. Kết quả thực hiện qua biểu sau:

Biểu 10: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Số TT	Chỉ tiêu	Diện tích KH được duyệt năm 2022 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2022		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)*100
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	7.918,79	7.918,79		100,00
1	Đất nông nghiệp	2.786,54	3.173,13	386,59	113,87
1.1	Đất trồng lúa	1.154,71	1.304,11	149,40	112,94
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.154,23	1.303,63	149,40	112,94
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	726,31	868,94	142,63	119,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	833,46	918,96	85,50	110,26
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	62,89	71,95	9,06	114,41
1.5	Đất nông nghiệp khác	9,17	9,17		100,00
2	Đất phi nông nghiệp	5.094,25	4.686,23	-408,02	91,99
2.1	Đất quốc phòng	2.183,19	2.172,69	-10,50	99,52
2.2	Đất an ninh	25,00	20,3	-4,70	81,20
2.3	Đất khu công nghiệp	77,99	52,82	-25,17	67,73
2.4	Đất cụm công nghiệp	40,42	26,55	-13,87	65,69
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	93,00	80,01	-12,99	86,03
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	80,83	84,29	3,46	104,28
2.7	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	19,36	19,36	0,00	100,00
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1.030,49	941,72	-88,77	91,39
-	<i>Đất giao thông</i>	632,23	555,28	-76,95	87,83
-	<i>Đất thủy lợi</i>	135,82	134,03	-1,79	98,68
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	18,56	17,61	-0,95	94,88
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	22,07	18,5	-3,57	83,82
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	68,84	65,71	-3,13	95,45
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	21,17	13,4	-7,77	63,30
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	0,36	0,05	-0,31	13,89
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn, thông</i>	1,49	1,43	-0,06	95,97
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	4,00		-4,00	-
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	10,07	10,07	0,00	100,00
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	0,20	0,2	0,00	100,00
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	24,37	24,37	0,00	100,00
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ</i>	77,56	91,14	13,58	117,51
-	<i>Đất cơ sở nghiên cứu khoa học</i>	1,91	1,91	0,00	100,00
-	<i>Đất cơ sở dịch vụ về xã hội</i>	2,93	0,61	-2,32	20,82
-	<i>Đất chợ</i>	8,91	7,41	-1,50	83,16
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	2,40	2,23	-0,17	92,92
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	43,52	33,35	-10,17	76,63



Số TT	Chỉ tiêu	Diện tích KH được duyệt năm 2022 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2022		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)*100
2.11	Đất ở tại nông thôn	109,16	86,07	-23,09	78,85
2.12	Đất ở tại đô thị	1.065,18	857,74	-207,44	80,53
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	35,62	23,68	-11,94	66,48
2.14	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	4,39	6,72	2,33	153,08
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	8,67	8,69	0,02	100,23
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	241,37	241,37	0,00	100,00
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	25,45	20,43	-5,02	80,28
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	8,21	8,21	0,00	100,00
3	Đất chưa sử dụng	38,00	59,43	21,43	63,94

Nguồn: Diện tích năm 2022 tổng hợp từ thống kê đất đai năm 2021 và các công trình, dự án, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích trong năm 2022.

b.1. Đất nông nghiệp: 3.173,13 ha/2.786,54ha.

Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 386,59 ha. Diện tích đất nông nghiệp thực hiện cao hơn không phải do trong năm khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp mà do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp, tập trung ở một số dự án lớn như khu đô thị mới Đông Nam 1, 2, khu đô thị mới bờ sông Dinh, khu Công viên trung tâm thành phố, khu du lịch Bình Sơn - Ninh Chữ... Trong đó:

- Đất trồng lúa: 1.304,11 ha/1.154,71ha.

Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 149,40 ha. Do chưa xây dựng các Khu đô thị mới Đông Nam 1, Đông Nam 2, Khu dân cư Kênh Chà Là, Khu đô thị Mỹ Phước, khu công viên trung tâm thành phố, Khu hành chính tập trung tỉnh, Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Đường nối từ cao tốc Bắc Nam về thành phố Phan Rang - TC...; chưa chuyển sang đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (*nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng*) tại phường Văn Hải, Phước Mỹ, Phú Hà, Bảo An, Đô Vinh.

- Đất trồng cây hàng năm khác: 868,94 ha/726,31 ha.

Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 142,63 ha. Do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp tập trung chủ yếu thuộc dự án Khu đô thị mới Đông Nam 1, 2, Khu Công viên trung tâm thành phố, các công trình hạ tầng (trụ sở, giao thông, chợ...), các công trình thương mại dịch vụ.

- Đất trồng cây lâu năm: 918,96 ha/833,46 ha.

Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 85,50 ha. Do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp và *nhân dân chưa chuyển đổi cơ cấu cây trồng* từ đất trồng lúa có chân đất cao, phân bố xen cây trồng cạn tại phường Văn Hải, Phú Hà, Phước Mỹ, Bảo An, Đô Vinh theo như đăng ký (19,58 ha).

- Đất nuôi trồng thủy sản: 71,95 ha/62,89 ha.

Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 9,06 ha. Diện tích đạt cao hơn là do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp chủ yếu ở



phường Đông Hải do chưa xây dựng hồ điều hòa thuộc dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải-Tiêu dự án thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.

- Đất nông nghiệp khác: 9,17 ha/ 9,17 ha, đạt 100%.

Đánh giá chung: Phần lớn các chỉ tiêu đất nông nghiệp đều thực hiện cao hơn kế hoạch được phê duyệt, không phải do khai hoang mở rộng đất sản xuất nông nghiệp ngoài kế hoạch đã được phê duyệt, mà do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp thuộc các Khu đô thị mới Đông Nam 1, 2, khu đô thị mới bờ sông Dinh, khu Công viên trung tâm thành phố và nhân dân chưa chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (chủ yếu là đất ở)...

b.2. Đất phi nông nghiệp: 4.686,23 ha/5.094,25ha.

Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 408,02 ha. Chủ yếu là chưa thực hiện một số dự án cấp tỉnh trên địa bàn thành phố có quy mô lớn như: các Khu đô thị mới Đông Nam 1, 2, khu đô thị mới bờ sông Dinh, khu Công viên trung tâm thành phố, công trình quốc phòng... Trong đó:

- Đất quốc phòng: 2.172,69 ha/2.183,19 ha, thấp hơn chỉ tiêu được phê duyệt 10,50ha.

Năm 2021, trên địa bàn thành phố đã thực hiện thu hồi đất để thực hiện 02 dự án của ngành quốc phòng, bao gồm: Doanh trại cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Thuận/Quân khu 5: ha, tại phường Phước Mỹ và Đô Vinh 6,50 ha; Doanh trại Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Ninh Thuận 4,0 ha, tại phường Mỹ Bình. Chưa ban hành quyết định giao đất cho ngành quốc phòng quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, thực hiện thống kê đất đai năm 2021, đã thống kê vào mục đích sử dụng đất quốc phòng là chưa đúng với nguyên tắc thống kê đất đai được quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Cho nên điều chỉnh chỉ tiêu đất quốc phòng hiện trạng sử dụng đất năm 2022 giảm.

- Đất an ninh: 20,30 ha/25,00 ha.

Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 4,70ha. Do chưa xây dựng công trình Trụ sở công an xã Thành Hải và Trụ sở làm việc Cảnh sát Giao thông và Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Ninh Thuận.

- Đất khu công nghiệp: 52,82 ha/77,99 ha.

Do chưa mở rộng đất khu công nghiệp tại xã Thành Hải theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Đất thương mại, dịch vụ: Thực hiện 80,01 ha/93,00 ha, thấp hơn 12,99 ha so với kế hoạch được phê duyệt. Kế hoạch được phê duyệt, trong năm 2021 mở rộng diện tích tại các Khu đô thị mới Đông Nam 1, 2, chuyển Trung tâm Văn hóa tỉnh sang đất thương mại dịch vụ, chuyển Bệnh viện điều dưỡng sang đất thương mại dịch vụ ...

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Thực hiện 84,29 ha/80,83 ha, cao hơn 3,46 ha so với kế hoạch được phê duyệt. Do chưa chuyển sang đất khu công nghiệp (Mở rộng khu công nghiệp Thành Hải); chưa chuyển kho lạnh sang đất thương mại,



dịch vụ; chưa chuyển Công Ty cổ phần XD Ninh Thuận sang đất ở...

- Đất phát triển hạ tầng: Thực hiện 941,72 ha/1.030,49ha, thấp hơn 88,77 ha so với kế hoạch được phê duyệt. Do còn nhiều dự án trong năm kế hoạch 2022 chưa được triển khai xây dựng chủ yếu là do thiếu vốn đầu tư, thiếu vốn xây dựng các khu dân cư, khu đô thị (các tuyến đường trong khu đô thị mới), triển khai chậm hoặc thay đổi phương án giao đất cho nhà đầu tư...

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 2,23 ha/2,40 ha.

Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 0,17ha. Do chưa xây dựng nhà văn hóa khu phố 12, phường Văn Hải; nhà văn hóa khu phố 5 phường Đạo Long.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 33,35 ha/43,52 ha.

Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 10,17ha. Do chưa xây dựng khu Công viên trung tâm thành phố, công viên, cây xanh trong khu đô thị mới Đông Nam 1, Đông Nam 2....

- Đất ở tại nông thôn: Thực hiện 86,07 ha/109,16 ha, thấp hơn 23,09 ha so với kế hoạch được phê duyệt.

- Đất ở tại đô thị: Thực hiện 857,74 ha/1.065,18 ha, thấp hơn 207,44 ha so với kế hoạch được phê duyệt. Do một số khu đô thị đã có chủ trương đầu tư nhưng UBND tỉnh thay đổi phương án giao đất, cho thuê đất, cho nên tiến độ thực hiện các dự án chậm...

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Thực hiện 23,68 ha/35,62 ha, thấp hơn 11,94ha so với kế hoạch được phê duyệt. Do chưa xây dựng Khu hành chính tập trung tỉnh Ninh Thuận.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Thực hiện 6,72 ha/4,39 ha, cao hơn 2,33ha so với kế hoạch được phê duyệt. Do chưa chuyển giảm đất kho dự trữ lương thực sang loại đất kho dự trữ quốc gia (-2,8 ha), tại xã Thành Hải; chưa xây dựng Trung tâm lưu trữ Nhà nước, tại phường Mỹ Hải.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Thực hiện 20,43 ha/25,45 ha, thấp hơn 5,02ha so với kế hoạch được phê duyệt. Do chưa xây dựng hồ nước thuộc khu Công viên trung tâm thành phố và chứa nước Đông Hải.

* Năm 2022, trên địa bàn thành phố đã triển khai nhiều dự án. Một số dự án đã thu hồi đất đạt 100% diện tích như: Thay dây dẫn đường dây 110kv 174 Tháp Chàm-Ninh Phước đoạn qua phường Bảo An và Đô Vinh (Điện 1), Thay dây dẫn đường dây 110kv 174 Tháp Chàm 2 - 171 Tháp Chàm đoạn tuyến thuộc xã Thành Hải và phường Đô Vinh (Điện 2), Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kv Đa Nhím - Hạ Sông Dinh, Ninh Sơn - Tháp Chàm (phường Đô Vinh (Điện 3), Dự án xây dựng kè bờ Nam Sông Dinh, Dự án đầu tư xây dựng công trình đường vào khu tập thể trường Chính trị, Dự án xây dựng cầu Sông Quao, Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 27 các đoạn còn lại trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Dự án xây dựng mới trạm bơm tăng áp số 02 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển, phường Phước Mỹ, Dự án đường Lương Thế Vinh... Do chưa có quyết định giao đất, chưa thống kê vào hiện trạng sử dụng đất, dẫn đến tỷ lệ thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đạt thấp.



b.3. Đất chưa sử dụng: Thực hiện 59,43 ha/38,00ha, cao hơn 21,43ha so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt. Do chưa khai thác vào sử dụng thuộc các dự án xây dựng khu đô thị ở khu vực ven biển.

2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 của thành phố qua biểu sau:

a. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp thực hiện theo kế hoạch được duyệt: 2,66 ha/377,40 ha, chỉ đạt 0,70 % (thấp hơn 374,74 ha), diện tích thực hiện chủ yếu là các hộ gia đình, cá nhân chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở. Diện tích đạt thấp do nhiều dự án cấp tỉnh có quy mô lớn trên địa bàn thành phố chưa thực hiện thu hồi hết theo kế hoạch được duyệt như Khu đô thị mới Đông Nam 1, khu dân cư đô thị Đông Nam 2, khu công viên trung tâm chưa triển khai và chuyển sang năm 2023...

b. Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: Trong kế hoạch được duyệt chuyển 19,06 ha đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm, đến nay hộ gia đình, cá nhân chưa thực hiện.

c. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: Trong kế hoạch được duyệt chuyển 14,92 ha đất phi nông nghiệp không phải đất ở sang đất ở. Diện tích chưa thực hiện do chưa chuyển Công Ty cổ phần XD Ninh Thuận sang đất ở và nằm trong các khu đô thị có diện tích lớn.

2.1.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất

Tổng diện tích đất nông nghiệp và phi nông nghiệp thu hồi để thực hiện các công trình, dự án 49,57 ha/583,19 ha, (thấp hơn 320,54ha).

Diện tích thu hồi chủ yếu là các dự án: Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố PR-TC, Đường đôi phía Nam vào thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Khu đô thị biển Bình Sơn-Ninh Chữ (Khu K2), Tuyến đường Trần Nhân Tông (đoạn nối giữa tuyến đường Phan Bội Châu đến Trụ sở Công an tỉnh Ninh Thuận), Thay dây dẫn đường dây 110kv 174 Tháp Chàm-Ninh Phước đoạn qua phường Bảo An và Đô Vinh (Điện 1), Thay dây dẫn đường dây 110kv 174 Tháp Chàm 2 - 171 Tháp Chàm đoạn tuyến thuộc xã Thành Hải và phường Đô Vinh (Điện 2), Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kv Đa Nhim - Hạ Sông Dinh, Ninh Sơn - Tháp Chàm (phường Đô Vinh (Điện 3), Xây dựng kè bờ Nam Sông Dinh, Đầu tư xây dựng công trình đường vào khu tập thể trường Chính trị, Xây dựng cầu Sông Quao, Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 27 các đoạn còn lại trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Xây dựng mới trạm bơm tăng áp số 02 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển, phường Phước Mỹ, Dự án đường Lương Thế Vinh...

Biểu 11: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2022

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích thu hồi được duyệt năm 2022 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)
	Tổng cộng		370,11	49,57	-320,54	13,39
1	Đất nông nghiệp	NNP	315,89	33,79	-282,10	10,70
1.1	Đất trồng lúa	LUA	119,43	18,39	-101,04	15,40
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	119,43	18,39	-101,04	15,40
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	118,98	6,42	-112,56	5,40
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	70,30	4,19	-66,11	5,96
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	7,18	4,79	-2,39	66,71
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	54,22	15,78	-38,44	29,10
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,13	-	-0,13	-
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	5,83	0,04	-5,79	0,69
2.3	Đất phát triển hạ tầng	DHT	30,43	14,88	-15,55	48,90
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,54	-	-2,54	-
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	15,27	0,86	-14,41	5,63
2.6	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,02	-	-0,02	

Nguồn: - Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.

- Tổng hợp từ thống kê đất đai năm 2021 và các công trình, dự án, hộ gia đình, cá nhân thu hồi đất trong năm 2022.

Diện tích đất thu hồi đạt thấp do nhiều công trình, dự án chưa được triển khai hoặc đã triển khai nhưng thực hiện được một phần. Trong đó có một số dự án cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Khu đô thị mới Đông Nam 1 (98,03 ha), khu dân cư đô thị Đông Nam 2 (40,96 ha), khu công viên trung tâm (71,80 ha)... Năm 2022, chờ UBND tỉnh ban hành bảng giá đất, cho nên tiến độ thu hồi các dự án diện ra chậm.

2.1.4. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng

Theo kế hoạch được duyệt, tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng 21,40 ha. Năm 2022, đã khai thác vào sử dụng cho 02 dự án: Thực hiện dự án Thay dây dẫn đường dây 110kv 174 Tháp Chàm 2 - 171 Tháp Chàm đoạn tuyến thuộc xã Thành Hải và phường Đô Vinh (Điện 2) và Dự án xây dựng kè bờ Nam Sông Dinh 0,27 ha.

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch SD đất năm 2022

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn thành phố đã đạt được những thành quả nhất định, thể hiện ở các mặt như: Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai; Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất; Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm hợp lý, có



hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Nhìn chung, việc lập kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội thành phố và của tỉnh. Nhiều dự án đầu tư đã được thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng để xây dựng như: Các hạng mục thuộc dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, tăng nguồn thu từ đất, từng bước hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố. Bên cạnh những mặt đạt được, còn một số tồn tại như sau:

- Các công trình, dự án thực hiện năm 2022 đạt thấp so với Nghị quyết do thiếu vốn đầu tư (như mở rộng cụm công nghiệp Tháp Chàm...) và thời gian thực hiện thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng diễn ra khá chậm so với kế hoạch đề ra (như Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố PR-TC...).

- Một số dự án có quy mô lớn của cấp tỉnh trên địa bàn thành phố đã có vốn, nhưng UBND tỉnh thay đổi phương pháp giao đất cho doanh nghiệp đã làm cho tiến độ triển khai các dự án chậm.

- Theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các công trình, dự án đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch hoặc có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì mới đưa vào năm kế hoạch (năm 2022), nhưng một số dự án chưa xác định được nguồn vốn hoặc chưa có chủ đầu tư nhưng vẫn đề nghị HĐND thông qua để kêu gọi đầu tư, sau đó không kêu gọi được nhà đầu tư hoặc thiếu nguồn vốn.

- Một số công trình có một phần vốn từ trung ương, nên tỉnh không chủ động được nguồn vốn: Tuy công trình đã được ghi vốn, nhưng số vốn ít, không đủ để giải phóng mặt bằng, đền bù đất: Nguồn vốn được cấp chỉ đủ để quản lý công trình, dẫn đến việc thu hồi đất chậm tiến độ.

- Một số dự án đã được bố trí vốn, nhưng thực hiện chuyển đổi công nghệ số, cần đánh giá lại hiệu quả đầu tư như Trung Tâm lưu trữ tỉnh.

- Tỷ lệ các hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở đạt thấp.

- Năm 2022, các dự án phải chờ UBND tỉnh ban hành bảng giá đất mới, cho nên tiến độ thu hồi các dự án diễn ra chậm.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn thành phố ngoài những thành tựu đạt được còn có những tồn tại ảnh hưởng đến chất lượng cũng như hiệu quả thực hiện các kế hoạch sử dụng đất của thành phố đã đề ra. Cụ thể những nguyên nhân sau:

- Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất đưa vào KHSD đất còn nhiều bất cập, một số doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất chưa tiếp cận được thông tin để đăng ký, nhiều doanh nghiệp mới thống nhất ranh giới dự án để lập quy hoạch chi tiết và chưa có



chủ trương đầu tư nhưng đã đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 nên chưa thể làm các thủ tục thu hồi đất, thực hiện dự án.

- Thiếu vốn đầu tư, công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số dự án gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng... Chính vì vậy, nhiều công trình dự án, không thể triển khai.

- Khi triển khai bồi thường, giải phóng mặt bằng của một số dự án, do chủ sử dụng đất đã chuyển quyền sử dụng đất, không xác định được chủ sử dụng đất mới hoặc chủ sử dụng đất được thừa kế, nhưng không đủ cơ sở pháp lý chứng minh cho việc sử dụng đất hợp pháp, làm khó cho việc quy chủ sử dụng đất.

- Công tác phổ biến pháp luật đất đai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm còn nhiều hạn chế, chưa phổ biến rộng rãi vai trò, tầm quan trọng của việc lập KHSD đất hàng năm đến các chủ sử dụng đất, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức...

- Thủ tục đầu tư thực hiện dự án còn nhiều và mất nhiều thời gian, một số hạng mục công trình đã được thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh, nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa làm xong thủ tục nên phải lùi tiến độ thực hiện.

- Do ảnh hưởng dịch Covid-19, năng lực sản xuất và vốn của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng, dẫn đến triển khai các dự án chậm và không kêu gọi được nhà đầu tư.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất tỉnh 5 năm 2021-2025 cho các huyện, thành phố. Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 cấp tỉnh phân cho thành phố như sau:

Biểu 12: Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho thành phố đến năm 2025

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		7.919
I.	Loại đất		
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.630
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.052
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.052</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	788
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.251
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2.183
2.2	Đất an ninh	CAN	25
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	78
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	40
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	93
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	73



Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.030
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đất giao thông	DGT	671
-	Đất thủy lợi	DTL	79
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	25
-	Đất cơ sở y tế	DYT	24
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	77
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	21
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	4
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	10
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	24
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	58
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	75
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	1.182
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	32
2.11	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	7
3	Đất chưa sử dụng	CSD	38
II	KHU CHỨC NĂNG*		
1	Đất đô thị	KDT	6.996
2	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	1.052
3	Khu du lịch	KDL	83
4	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	118
5	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	1.644
6	Khu thương mại - dịch vụ		93
7	Khu dân cư nông thôn	DNT	919

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính diện tích tự nhiên

- Diện tích phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp xã xem phụ biểu 20.

* UBND tỉnh phân bổ cho thành phố: 37 chỉ tiêu gồm:

- Diện tích tự nhiên toàn thành phố (Không biến động).
- Nhóm đất nông nghiệp có 04 chỉ tiêu (Đất nông nghiệp, Đất trồng lúa, Đất chuyên trồng lúa nước, Đất trồng cây hàng năm).
- Nhóm đất phi nông nghiệp có 24 chỉ tiêu, bao gồm: Đất phi nông nghiệp, Đất quốc phòng, Đất an ninh, Đất khu công nghiệp, Đất cụm công nghiệp, Đất thương mại, dịch vụ, Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, Đất phát triển hạ tầng (Trong đó: Đất giao



thông, Đất thủy lợi, Đất cơ sở văn hóa, Đất cơ sở y tế, Đất cơ sở giáo dục - đào tạo, Đất cơ sở thể dục - thể thao, Đất công trình năng lượng, Đất công trình bưu chính viễn thông, Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia, Đất có di tích lịch sử - văn hóa, Đất cơ sở tôn giáo, Đất làm nghĩa trang-nhà tang lễ), Đất ở tại nông thôn, Đất ở tại đô thị, Đất xây dựng trụ sở cơ quan, Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp

- Đất chưa sử dụng có 01 chỉ tiêu.

- Khu chức năng (Không tính vào tổng diện tích tự nhiên của thành phố): 07 chỉ tiêu, bao gồm: Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm), Khu du lịch, Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp), Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới), Khu thương mại - dịch vụ, Khu dân cư nông thôn.

3.2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của thành phố

3.2.1. Mục tiêu phát triển:

Phát huy dân chủ, truyền thống đoàn kết, ý chí và khát vọng xây dựng, phát triển thành phố, nếp sống văn minh đô thị. Khai thác tiềm năng lợi thế, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn đô thị loại II; thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đột phá phát triển thương mại và dịch vụ, trong đó cốt lõi là phát triển đô thị du lịch; tạo môi trường thông thoáng, phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, sạch và thân thiện môi trường. Bảo đảm an sinh xã hội, phát triển văn hóa, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực có chất lượng cao. Cùng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là đô thị xanh, môi trường an toàn, thân thiện, từng bước trở thành đô thị thông minh.

3.2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu kinh tế - xã hội năm 2023:

*** Về Kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng ước đạt 20.984,5 tỷ đồng, tăng 11-12%. Trong đó:
 - + Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 8.504,9 tỷ đồng, tăng 11-12%;
 - + Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 10.964,5 tỷ đồng, tăng 11-12% (GTSX CN đạt 7.153,3 tỷ, tăng 11-12%, GTSX XD đạt 3.811,2 tỷ, tăng 10-11%);
 - + Giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản đạt 1.514,9 tỷ đồng, tăng 4-5% (GTSX nông nghiệp 657,5 tỷ, tăng 3-4%, GTSX thủy sản 857,4 tỷ, tăng 4-5%).
- Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch đúng hướng: Thương mại - dịch vụ đạt 61-62%; Công nghiệp - xây dựng đạt 31-32%; Nông nghiệp - thủy sản 6-7%;
- Giá trị tăng thêm (VA)/người/năm: đạt trên 112 triệu đồng/người/năm;
- Thu ngân sách trên địa bàn là 355 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách thành phố là 690,5 tỷ đồng, trong đó: Thu cân đối theo phân cấp là 281 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách thành phố là 690,5 tỷ đồng.



- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt trên 4.000 tỷ đồng. Giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp là 318 triệu/ha/năm.

*** Về văn hóa - xã hội:**

- Giảm, giữ ổn định mức tăng dân số tự nhiên dưới 0,7%;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,1% đến 0,15%/năm; hộ cận nghèo giảm từ 0,15% đến 0,20%/ năm;
- Tỷ lệ phường, xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm 0,3%.

*** Về môi trường:**

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 99,5%;
- Tỷ lệ rác thải đô thị được thu gom đạt trên 99%;
- Diện tích cây xanh đô thị đạt trên 9,7m²;

3.2.3. Định hướng phát triển kinh tế các ngành năm 2023:

a. Thương mại - dịch vụ: Triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết phát triển thương mại trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2026 phù hợp với chủ trương vừa bảo đảm phòng chống dịch vừa phát triển kinh tế. Phân đấu trong năm 2023 tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 18-19%, từng bước tiếp tục mở rộng và hiện đại hóa hệ thống bán lẻ và phát triển thương mại; tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chương trình “Đưa hàng Việt về nông thôn” đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng cho nhân dân; triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Triển khai kế hoạch về phát triển Thương mại dịch vụ trong đó tập trung phát triển du lịch, từng bước xây dựng hạ tầng du lịch và phát triển thành phố thành đô thị du lịch. Phân đấu giá trị xuất khẩu đạt 120-130 triệu USD, giá trị nhập khẩu đạt 70-80 triệu USD, tiếp tục duy trì thế mạnh chế biến thủy sản xuất khẩu hiện có và thúc đẩy tăng nhanh năng lực sản xuất mới, mở rộng xuất khẩu mặt hàng nông sản đặc thù, sản phẩm OCOP.

b. Công nghiệp - xây dựng: Tiếp tục đầu tư mở rộng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Thành Hải và cụm công nghiệp Tháp Chàm; xây dựng chỉ tiêu về phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố. Tăng cường công tác khuyến công, ưu tiên nguồn lực đào tạo lực lượng công nhân kỹ thuật có tay nghề, hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, đổi mới thiết bị công nghệ thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng. Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch xây dựng đô thị, đầu tư hạ tầng đô thị, thực hiện quy hoạch theo hướng nâng cao chất lượng theo tiêu chí đô thị văn minh hiện đại, bảo đảm đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu đô thị hóa và phát triển kinh tế của địa phương. Trong đó tập trung đầu tư hạ tầng dịch vụ, du lịch, du lịch biển và thương mại.

c. Nông nghiệp - thủy sản: Triển khai thực hiện và nhân rộng các dự án, mô hình hiệu quả trên địa bàn thành phố. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất, nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất trên một ha đất



canh tác, phân đầu giá trị sản phẩm đạt 318 triệu đồng/ha. Triển khai rà soát, xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và chủ động giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, kiểm soát vận chuyển, giết mổ kinh doanh gia súc, gia cầm. Thực hiện nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển đô thị và ứng phó biến đổi khí hậu; thực hiện kế hoạch ứng phó trong sản xuất, lưu thông và tiêu thụ nông sản và hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Khuyến khích đầu tư phát triển ngành nghề, nâng cấp tàu thuyền phục vụ khai thác thủy sản đạt hiệu quả, theo hướng đánh bắt xa bờ, triển khai các chính sách hỗ trợ ngư dân đầu tư đóng mới tàu thuyền công suất lớn để nâng cao hiệu quả nghề khai thác, phân đầu đạt sản lượng khai thác khoảng 15 ngàn tấn.

3.3. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2023.

3.3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất 2023

a. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chuyển sang năm 2023

Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố được phê duyệt, còn nhiều chỉ tiêu chưa thực hiện, chuyển sang năm 2023 qua biểu sau:

Biểu 13: Chỉ tiêu các loại đất trong năm kế hoạch 2022 chưa thực hiện chuyển sang năm 2023

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Đất trồng cây lâu năm	10,04	Văn Hải, Đô Vinh, Phước Mỹ
2.	Đất quốc phòng	10,50	Đô Vinh, Mỹ Bình
3.	Đất an ninh	5,19	Thành Hải, Đô Vinh
4.	Đất khu công nghiệp	25,17	Thành Hải, Văn Hải
5.	Đất thương mại, dịch vụ	10,79	Các xã, phường
6.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,56	Thành Hải
7.	Đất giao thông	57,88	Các xã, phường
8.	Đất thủy lợi	3,96	Các xã, phường
9.	Đất cơ trình năng lượng	0,31	Bảo An, Đô Vinh, Thành Hải, Phước Mỹ
10.	Đất bưu chính viễn thông	0,06	Thành Hải
11.	Đất cơ sở y tế	4,53	Văn Hải (và các xã, phường trong khu đô thị)
12.	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	6,05	Đông Hải, Tân Tài, Mỹ Bình, Văn Hải, Đô Vinh, Mỹ Đông, Phú Hà
13.	Đất cơ sở thể dục – thể thao	2,47	Đông Hải, Mỹ Bình, Tân Tài
14.	Đất chợ	2,79	Tân Tài, Mỹ Bình
15.	Đất ở tại nông thôn	1,38	Thành Hải
16.	Đất ở tại đô thị	103,81	Các phường
17.	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,07	Văn Hải, Đạo Long
18.	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	18,66	Mỹ Bình, Mỹ Hải, Tân Tài, Thành Hải, Phước Mỹ
19.	Đất có mặt nước chuyên dùng	5,02	Mỹ Bình, Đông Hải

Ghi chú: Tổng hợp từ công trình, dự án năm 2022 chuyển tiếp sang năm 2023.



b. Nhu cầu mở rộng các loại đất trong năm 2023 (Ngoài công trình năm 2022 chuyển sang):

Ngoài các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022 chuyển sang năm 2023, chỉ tiêu các loại đất đăng ký năm 2023 trên địa bàn thành phố qua biểu sau:

Biểu 14: Nhu cầu mở rộng các loại đất năm 2023

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Đất trồng cây hàng năm	0,60	Bảo An
2.	Đất thương mại, dịch vụ	0,30	Phước Mỹ, Mỹ Đông
3.	Đất giao thông	5,18	Phước Mỹ
4.	Đất ở tại đô thị	11,5	Phước Mỹ
5.	Đất cơ sở văn hóa	0,26	Tấn Tài, Bảo An
6.	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	0,32	Thành Hải
7.	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,07	Mỹ Bình, Bảo An

Ghi chú: Tổng hợp từ công trình, dự án đăng ký mới năm 2023.

3.3.2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

Sau khi UBND thành phố gửi văn bản đến UBND các phường, xã, các phòng, ban, các Sở, ban, ngành của tỉnh và thu thập nhu cầu sử dụng đất từ các chủ đầu tư... xác định các công trình, dự án thực hiện năm 2023 trên địa bàn thành phố (gồm công trình, dự án năm 2022 chuyển tiếp và công trình, dự án mới năm 2023). Qua thời gian điều tra, khảo sát thực địa tại các xã, phường và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2023 như sau:

Biểu 15: Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2023

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	0,60	Bảo An
2.	Đất trồng cây lâu năm	10,04	Văn Hải, Đô Vinh, Phước Mỹ
3.	Đất quốc phòng	10,50	Đô Vinh, Mỹ Bình
4.	Đất an ninh	5,19	Thành Hải
5.	Đất khu công nghiệp	25,17	Thành Hải, Văn Hải
6.	Đất thương mại, dịch vụ	11,09	Các xã, phường
7.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,56	Thành Hải
8.	Đất giao thông	63,06	Tấn Tài, Bảo An
9.	Đất thủy lợi	3,96	Các xã, phường
10.	Đất cơ trình năng lượng	0,31	Bảo An, Đô Vinh, Thành Hải, Phước Mỹ



Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
(1)	(2)	(3)	(4)
11.	Đất bưu chính viễn thông	0,06	Thành Hải
12.	Đất cơ sở văn hóa	0,26	Bảo An, Đô Vinh, Thành Hải, Phước Mỹ
13.	Đất cơ sở y tế	4,53	Văn Hải (và các xã, phường trong khu đô thị)
14.	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	6,37	Đông Hải, Tấn Tài, Mỹ Bình, Văn Hải, Đô Vinh, Mỹ Đông, Phú Hà, Thành Hải
15.	Đất cơ sở thể dục – thể thao	2,47	Đông Hải, Mỹ Bình, Tấn Tài
16.	Đất chợ	2,79	Tấn Tài, Mỹ Bình
17.	Đất ở tại nông thôn	1,38	Thành Hải
18.	Đất ở tại đô thị	115,31	Các phường
19.	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,14	Văn Hải, Đạo Long, Bảo An, Mỹ Bình
20.	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	18,66	Mỹ Bình, Mỹ Hải, Tấn Tài, Thành Hải, Phước Mỹ
21.	Đất có mặt nước chuyên dùng	5,02	Mỹ Bình, Đông Hải

3.4. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng các loại đất năm 2023 của thành phố như sau.

Biểu 16: Diện tích, cơ cấu kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Số TT	Chỉ tiêu	DT hiện trạng năm 2022	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)				
			DT cấp Tỉnh phân bổ đến năm 2025	DT thành phố xác định	Tổng cộng 2023		
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-) so với 2022
1	2	3	4	5=6-4	6	7	8=6-3
	TỔNG DT TỰ NHIÊN	7.918,79	7.919		7.918,79	100,00	
1	Đất nông nghiệp	3.173,13	2.630,00	296,56	2.926,56	36,96	-246,57
1.1	Đất trồng lúa	1.304,11	1.052	197,96	1.249,96	15,78	-54,15
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.303,63	1.052	197,48	1.249,48	15,78	-54,15
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	868,94		728,04	728,04	9,19	-140,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	918,96	788	85,80	873,80	11,03	-45,16
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	71,95		65,62	65,62	0,83	-6,33
1.5	Đất nông nghiệp khác	9,17			9,14	0,12	-0,03
2	Đất phi nông nghiệp	4.686,23	5.251,00	-309,77	4.941,23	62,40	255,00
2.1	Đất quốc phòng	2.172,69	2.183	0,19	2.183,19	27,57	10,50
2.2	Đất an ninh	20,30	25	0,49	25,49	0,32	5,19
2.3	Đất khu công nghiệp	52,82	78	-0,01	77,99	0,98	25,17
2.4	Đất cụm công nghiệp	26,55	40	-13,45	26,55	0,34	



Số TT	Chỉ tiêu	DT hiện trạng năm 2022	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)				
			DT cấp Tỉnh phân bổ đến năm 2025	DT thành phố xác định	Tổng cộng 2023		
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-) so với 2022
1	2	3	4	5=6-4	6	7	8=6-3
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	80,01	93	-2,38	90,62	1,14	10,61
2.6	Đất cơ sở SX phi nông nghiệp	84,29	73	5,11	78,11	0,99	-6,18
2.7	Đất SX vật liệu xây dựng	19,36		19,36	19,36	0,24	
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	941,72	1.030	-12,10	1.017,90	12,85	76,18
-	Đất giao thông	555,28	671	-53,06	617,94	7,80	62,66
-	Đất thủy lợi	134,03	79	58,39	137,39	1,73	3,36
-	Đất cơ sở văn hóa	17,61	25	-8,55	16,45	0,21	-1,16
-	Đất cơ sở y tế	18,50	24	-1,79	22,21	0,28	3,71
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	65,71	77	-8,01	68,99	0,87	3,28
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	13,40	21	-5,13	15,87	0,20	2,47
-	Đất công trình năng lượng	0,05	2	-1,64	0,36	0,00	0,31
-	Đất CT bưu chính viễn, thông	1,43	1	0,49	1,49	0,02	0,06
-	Đất XD kho dự trữ quốc gia		4	-4,00			
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	10,07	10	0,07	10,07	0,13	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,20		0,20	0,20	0,00	
-	Đất cơ sở tôn giáo	24,37	24	0,37	24,37	0,31	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	91,14	58	31,84	89,84	1,13	-1,30
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	1,91		1,91	1,91	0,02	
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	0,61		0,61	0,61	0,01	
-	Đất chợ	7,41		10,20	10,20	0,13	2,79
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	2,23		2,37	2,37	0,03	0,14
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	33,35		51,01	51,01	0,64	17,66
2.11	Đất ở tại nông thôn	86,07	75	12,24	87,24	1,10	1,17
2.12	Đất ở tại đô thị	857,74	1.182	-214,61	967,39	12,22	109,65
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	23,68	32	-8,38	23,62	0,30	-0,06
2.14	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	6,72	7	-0,33	6,67	0,08	-0,05
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	8,69		8,69	8,69	0,11	
2.16	Đất sông, kênh, rạch, suối	241,37		241,37	241,37	3,05	
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	20,43		25,45	25,45	0,32	5,02
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	8,21		8,21	8,21	0,10	
3	Đất chưa sử dụng	59,43	38	13,00	51,00	0,64	-8,43

Ghi chú: - Chi tiết chia theo các đơn vị xã, phường xem biểu 03/CH.

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất tỉnh 5 năm 2021-2025 cho các huyện, thành phố).



3.4.1. Đất nông nghiệp

- Diện tích năm 2022: 3.173,13 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2.926,56 ha, giảm 246,57 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp (*xem biểu 13/CH*).

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 2.926,56 ha, giảm 246,57 ha so với năm 2022. Do chuyển sang đất phi nông nghiệp. Trong đó: Đất trồng lúa giảm 43,79 ha, đất trồng cây hàng năm khác 141,22 ha, đất trồng cây lâu năm 55,20 ha và đất nuôi trồng thủy sản 6,33 ha. Diện tích giảm tập trung ở phường Mỹ Bình, Văn Hải, Phước Mỹ, Bảo An và xã Thành Hải, do xây dựng các Khu đô thị mới Đông Văn Sơn-Bắc Bình Sơn, Khu đô thị mới bờ bắc Sông Dinh, Khu đô thị mới Phú Hà, Khu dân cư Bắc đường 16 tháng 4 (từ trục D6 - D7), Khu đô thị mới Tây Bắc, Khu đô thị mới Bờ Sông Dinh, Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K3), Khu đô thị Mỹ Phước, Khu đô thị mới Mỹ Phước 1, Khu đô thị biển Bình Sơn-Ninh Chữ (Khu K2)... mở rộng khu công nghiệp Thành Hải. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 2.630,00 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Cao hơn 296,56ha. Do cấp tỉnh phân bổ cho thành phố đến năm 2025, nhiều công trình, dự án chưa triển khai trong năm 2023, cho nên đất nông nghiệp chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Diện tích đất nông nghiệp tập trung nhiều ở các xã Thành Hải, Đô Vinh, Bảo An... (*chi tiết xem biểu 06/CH*)

Trong đó:

a. Đất trồng lúa (Thành phố chủ yếu là đất chuyên trồng lúa nước)

- Diện tích năm 2022: 1.304,11 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.249,96 ha; giảm 54,15 ha. Do chuyển sang đất phi nông nghiệp; phát triển đô thị và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật-xã hội.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 1.249,96 ha, giảm 54,15 so với năm 2022. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 1.052 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Cao hơn 197,96 ha. Do cấp tỉnh phân bổ cho thành phố đến năm 2025, nhiều công trình, dự án chưa triển khai trong năm 2023, cho nên đất trồng lúa chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Nguyên nhân đất trồng lúa năm 2023 giảm: Do chuyển sang đất phi nông nghiệp 43,79 ha, do xây dựng các Khu đô thị mới phía Nam đường Phan Đăng Lưu, Khu đô thị mới Phú Hà, Khu dân cư Bắc đường 16 tháng 4 (từ trục D6 - D7), Khu đô thị mới Tây Bắc, Khu đô thị Mỹ Phước, Khu đô thị mới Mỹ Phước 1, Trụ sở làm việc Cảnh sát Giao thông và Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Ninh Thuận, mở rộng khu công nghiệp Thành Hải...; chuyển sang đất trồng cây lâu năm 9,76 ha (*nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo quy hoạch sử dụng đất*), tại các phường: Văn Hải, Đô Vinh, Phước Mỹ, Đạo Long, Đài Sơn, Mỹ Hải.

- Năm 2023, thành phố không mở rộng diện tích đất trồng lúa.



b. Đất trồng cây hàng năm khác

- Diện tích năm 2022: 868,94 ha.

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 727,44 ha, giảm 141,50 ha. Do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng cây hàng năm: 0,60 ha, từ đất trồng lúa có chân đất cao, phân bố xen cây trồng cạn tại phường Bảo An.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 728,04 ha, giảm 140,90 ha so với năm 2022.

Diện tích giảm chủ yếu ở phường Mỹ Bình, Văn Hải, Phước Mỹ, Phủ Hà... do xây dựng các khu đô thị, khu dân cư...

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác tập trung ở các phường Văn Hải, Phước Mỹ (*chi tiết xem biểu 06/CH*)

c. Đất trồng cây lâu năm

- Diện tích năm 2022: 918,96 ha.

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 863,76 ha, giảm 55,20 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 10,04 ha, từ đất trồng lúa có chân đất cao (9,76 ha) và đất trồng cây hàng năm (0,28 ha), phân bố xen cây trồng cạn tại phường Văn Hải, Đài Sơn, Đô Vinh, Bảo An và Đạo Long.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 873,80 ha, giảm 45,16 ha so với năm 2022.

Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 788 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Cao hơn 85,80ha. Do cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025, nhiều công trình, dự án chưa triển khai trong năm 2023, cho nên đất trồng cây lâu năm chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Diện tích giảm chủ yếu ở phường Phủ Hà, Phước Mỹ, Mỹ Bình, Văn Hải, ... do xây dựng các khu đô thị, khu dân cư và mở rộng, làm mới đường giao thông....

Diện tích đất trồng cây lâu năm tập trung ở các phường Văn Hải, Đô Vinh, Phước Mỹ, ... (*chi tiết xem biểu 06/CH*).

d. Đất nuôi trồng thủy sản

- Diện tích năm 2022: 71,95 ha.

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 65,62 ha, giảm 6,33 ha, do chuyển sang nội bộ đất nông nghiệp.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 65,62 ha, giảm 6,33ha so với năm 2022. Diện tích giảm chủ yếu ở phường Đông Hải do xây dựng hồ điều hòa thuộc dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải-Tiểu dự án thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản phân bố ở các phường Mỹ Đông, Đông Hải, Văn Hải.



e. Đất nông nghiệp khác

- Diện tích năm 2022: 9,17 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2023: 9,14 ha, giảm 0,03 ha so với năm 2022 (*chuyển sang đất ở tại phường Phú Hà*).

3.4.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2022: 4.686,23 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4.724,45 ha (*giữ nguyên diện tích hiện trạng*).
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất phi nông nghiệp 255,00 ha; chuyển từ đất trồng lúa 43,79 ha; từ đất trồng cây hàng năm 141,22 ha; từ đất trồng cây lâu năm 55,20 ha; từ đất nuôi trồng thủy sản 6,33 ha; từ đất chưa sử dụng 8,43 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 4.941,23 ha, tăng 255,00 ha so với năm 2022. Trong đó:

- + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 5.251,00 ha.
- + Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 309,77ha. Do cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025, nhiều công trình, dự án chưa triển khai trong năm 2023, cho nên thành phố xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ.

Diện tích đất phi nông nghiệp mở rộng trong năm tập trung chủ yếu ở các phường Mỹ Bình (*xây dựng khu đô thị biển Bình Sơn-Ninh Chữ, khu Khu đô thị Mỹ Phước, Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K3), Văn Hải (Khu đô thị mới Đông Văn Sơn - Bắc Bình Sơn), Phước Mỹ (Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Khu đô thị mới phía Nam đường Phan Đăng Lưu...), Phú Hà (Khu đô thị mới Phú Hà, Khu đô thị mới bờ sông Dinh)*... Trong đó:

a. Đất quốc phòng

- Diện tích năm 2022: 2.172,69 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2023: 2.183,19 ha, tăng 10,50 ha so với năm 2022. Do xây dựng Doanh trại cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Thuận/Quân khu 5: ha, tại phường Phước Mỹ và Đô Vinh 6,50 ha; Doanh trại Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Ninh Thuận 4,0 ha, tại phường Mỹ Bình.

Hiện nay, 02 dự án trên đã hoàn thành công tác thu hồi đất, năm 2023 làm các thủ tục còn lại để ban hành quyết định giao đất cho ngành quốc phòng quản lý, sử dụng.

Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 2.183 ha, thành phố không xác định bổ sung (*Cao hơn 0,19 ha là do cấp tỉnh cộng quy tròn số*).

- Diện tích đất quốc phòng tập trung chủ yếu ở các phường Đô Vinh, Mỹ Bình.

b. Đất an ninh

- Diện tích năm 2022: 20,30 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 20,30 ha (*Giữ nguyên diện tích hiện trạng*).
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất an ninh: 5,19 ha; chuyển



từ đất nông nghiệp chuyển sang. Diện tích đất an ninh tăng, do xây dựng trụ sở công an xã Thành Hải, Trụ sở làm việc Cảnh sát Giao thông và Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Ninh Thuận.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 25,49 ha, tăng 5,19 ha so với năm 2022. Trong đó: Diện tích thành phố xác định, thành phố không xác định bổ sung (*Cao hơn 0,49 ha là do cấp tỉnh cộng quy tròn số*).

- Diện tích đất an ninh tập trung nhiều ở phường Mỹ Bình, Đô Vinh.

c. Đất khu công nghiệp

- Diện tích năm 2022: 52,82 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 52,82 ha (*Giữ nguyên diện tích hiện trạng*).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất khu công nghiệp: 25,17 ha (*do mở rộng Khu Công nghiệp Thành Hải*).

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 77,99 ha, tăng 25,17 ha so với năm 2022. Trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 78 ha. Thành phố không xác định bổ sung.

d. Đất cụm công nghiệp

- Diện tích năm 2022: 26,55 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 26,55 ha. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 40 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 13,45 ha. Do cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025, Năm 2023, chưa mở rộng Cụm Công nghiệp Tháp Chàm.

e. Đất thương mại, dịch vụ

- Diện tích năm 2022: 80,01 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 79,53 ha giảm 0,48 ha, do chuyển sang đất giao thông, chuyển sang đất ở tại đô thị (phường Thanh Sơn) và chuyển khách sạn sang đất cơ sở y tế.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 11,09 ha ha (Chủ yếu là chuyển từ đất nông nghiệp sang).

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 90,62 ha, tăng 10,61 ha so với năm 2022. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ 93 ha

+ Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 2,38 ha. Do cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025, nhiều công trình, dự án chưa triển khai trong năm 2023, cho nên thành phố xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ.

Một số công trình xây dựng năm kế hoạch 2023 như: Trung tâm thương mại Tháp Chàm, phường Đô Vinh, Dự án Khu dịch vụ, văn hóa ẩm thực Blue... Đất thương mại dịch vụ trong Khu đô thị mới (*Tính theo cơ cấu đất của quy hoạch xây dựng được phê duyệt*) (chi tiết xem biểu 10/CH).

Đất thương mại, dịch vụ tập trung ở các phường Mỹ Bình, Mỹ Hải, Văn Hải.

f. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2022: 84,29 ha.



- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 77,55 ha giảm 6,74 ha, do chuyển sang đất thương mại dịch vụ, chuyển kho lạnh công ty xuất khẩu nông sản và công ty phát triển kinh doanh nhà Ninh Thuận sang đất thương mại dịch vụ, chuyển khu đất công ty Hòa Việt thuê ở phường Đô Vinh sang đất thương mại dịch vụ....

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang 0,56 ha (chuyển từ đất nông nghiệp sang).

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 78,11 ha, giảm 6,18 ha so với năm 2022.

Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ 73 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Cao hơn 5,11 ha. Diện tích năm 2022, thành phố có 84,29 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Năm 2023, diện tích giảm do chuyển kho lạnh công ty xuất khẩu nông sản và công ty phát triển kinh doanh nhà Ninh Thuận sang đất thương mại dịch vụ, chuyển khu đất công ty Hòa Việt thuê ở phường Đô Vinh sang đất thương mại dịch vụ và chuyển sang đất khu công nghiệp. Diện tích mở rộng năm 2023, trên địa bàn thành phố chỉ mở rộng 0,56 ha tại xã Thành Hải (*Nhân dân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030*) và xây dựng Cụm xử lý nước sạch Đông Mỹ Hải, tại phường Mỹ Đông và Tấn Tài. Cho nên, thành phố xác định cao hơn cấp tỉnh phân bổ.

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tập trung ở các phường Đô Vinh, Mỹ Bình, Mỹ Hải.

g. Đất sản xuất vật liệu xây dựng

- Diện tích năm 2022: 19,36 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 19,36 ha (*Không biến động so với năm 2022*).

h. Đất phát triển hạ tầng

- Diện tích năm 2022: 941,72 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 935,43 ha, 6,29 ha do chuyển sang nội bộ đất phi nông nghiệp.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 82,47 ha; chuyển từ đất chưa sử dụng sang 4,42 ha, từ đất nông nghiệp sang 72,17 ha và diện tích tăng còn lại từ nội bộ các loại đất phi nông nghiệp.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 1.017,90 ha, tăng 76,18 ha so với năm 2022.

Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 1.030,00 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 12,10 ha.

Diện tích đất phát triển hạ tầng năm 2023, gồm có:

h.1. Đất giao thông

- Diện tích năm 2022: 555,28 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 554,88 ha, giảm 0,40 ha do chuyển sang nội bộ đất phi nông nghiệp.



- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất giao thông: 63,06 ha; chuyển từ đất chưa sử dụng sang 4,42 ha, từ đất nông nghiệp sang 52,65 ha và diện tích tăng còn lại từ đất nội bộ đất phi nông nghiệp sang.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 617,94 ha; tăng 62,66 ha so với năm 2022.

Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ 671 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 53,06 ha. Do cấp tỉnh phân bổ cho thành phố đến năm 2025, nhiều khu đô thị, khu dân cư nông thôn chưa triển khai trong năm 2023 (*Trong đó: Có đất giao thông trong các khu đô thị, khu dân cư nông thôn*), cho nên thành phố xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ là phù hợp.

h.2. Đất thủy lợi

- Diện tích năm 2022: 134,03 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 133,43 ha, giảm 0,60 ha do chuyển sang nội bộ đất phi nông nghiệp.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thủy lợi: 3,96 ha; (*Chuyển từ đất nông nghiệp sang*).

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 137,39 ha, tăng 3,36 ha so với năm 2022.

Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ 79 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Cao hơn 58,39 ha. Diện tích năm 2022, thành phố có 134,03 ha đất thủy lợi. Năm 2023, trên địa bàn thành phố thực hiện các hợp phần thuộc dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Phan-Tháp Chàm (*Trong đó, có các tuyến kênh, mương*); cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tháp Chàm công suất 52.000 m³/ngđ lên 120.000 m³/ngđ; Trạm bơm tăng áp cấp nước phục vụ sản xuất cho KCN Du Long (*Đã thu hồi đất năm 2022*).... Cho nên, thành phố xác định cao hơn cấp tỉnh phân bổ.

h.3. Đất cơ sở văn hoá

- Diện tích năm 2022: 17,61 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 16,19 ha, giảm 1,42 ha, do chuyển đổi mục đích sử dụng đất Trung tâm văn hóa tỉnh tại phường Thanh Sơn.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất cơ sở văn hoá: 0,26 ha (*Xây dựng Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ phường Tấn Tài và Bảo An*).

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 16,45 ha, giảm 1,16 ha so với năm 2022. Do chuyển Trung tâm văn hóa tỉnh sang sử dụng cho mục đích khác. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 25 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 8,55ha. Năm 2023, trên địa bàn thành phố tập trung xây dựng Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ phường Tấn Tài, Bảo An. Đồng thời, chuyển đổi mục đích sử dụng đất Trung tâm văn hóa tỉnh. Không có công trình văn hóa chuẩn bị đầu tư trên địa bàn thành phố, cho nên thành phố xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ.



h.4. Đất cơ sở y tế

- Diện tích năm 2022: 18,50 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 17,68 ha, giảm 0,82 ha. Do bán đấu giá quyền sử dụng đất Bệnh viện phục hồi chức năng cũ, Trung tâm sốt rét, Trung tâm Dân số KHHGD, Trung tâm Pháp Y và Trạm y tế phường Đô Vinh.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất cơ sở y tế: 4,53 ha (Chuyển từ đất thương mại dịch vụ, đất ở, đất trụ sở sang).

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 22,21 ha, tăng 3,71 ha so với năm 2022. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 24 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 1,79ha. Do cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025. Năm 2023, trên địa bàn thành phố chỉ chuyển đổi từ khách sạn sang Bệnh viện mắt Việt Phan Rang, tại phường Mỹ Hải, mở rộng Bệnh viện mắt từ trụ sở Hội chữ thập đỏ tỉnh tại phường Tấn Tài, xây dựng bệnh viện Đa khoa Thái Hòa và Cơ sở y tế trong khu đô thị biển Bình Sơn-Ninh Chữ (Khu K2). Cho nên, thành phố xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ.

- Đất cơ sở y tế phân bổ ở tất cả các phường, xã (*chi tiết xem biểu 06/CT*).

h.5. Đất cơ sở giáo dục-đào tạo

- Diện tích năm 2022: 65,71 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 62,62 ha, giảm 3,09 ha, do chuyển mục đích sử dụng đất trường THCS Trần Hưng Đạo; chuyển đất trường học sang đất ở tại xã Thành Hải; chuyển trường tiểu học Tấn Tài cũ sang xây dựng Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ phường Tấn Tài; chuyển trường học cơ sở 05 (cơ sở Tân Xuân) sang Trụ sở BQL khu phố 4, phường Đông Hải; chuyển trường học cơ sở 03 (cơ sở Hải Chữ) sang Trụ sở BQL khu phố 6, phường Đông Hải; chuyển trường tiểu học Bảo An sang Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ phường Bảo An; chuyển trường Mẫu giáo Phước Mỹ (cơ sở 2) sang xây dựng Trụ sở BQL khu phố 6 của phường Bảo An.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất cơ sở giáo dục-đào tạo: 6,37 ha (Chuyển từ đất nông nghiệp 6,16 ha, diện tích tăng còn lại chuyển từ nội bộ các loại đất phi nông nghiệp).

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 68,99 ha, tăng 3,28ha so với năm 2022. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 77 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 8,01ha. Do cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025, nhiều công trình đất cơ sở giáo dục chưa triển khai thực hiện, cho nên thành phố xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ.

Công công trình, dự án xây dựng mới năm 2023 chủ yếu là trường mầm non, trường tiểu học trong các khu đô thị và xây dựng mới phòng học Trường Tiểu học Thành Hải 1 (*Hạng mục Khối lớp học 13 phòng*).



- Đất cơ sở giáo dục-đào tạo phân bố ở tất cả các xã, phường; tập trung chủ yếu ở các phường.

h.6. Đất cơ sở thể dục-thể thao

- Diện tích năm 2022: 13,40 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 13,40 ha (*Giữ nguyên diện tích hiện trạng*).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất cơ sở thể dục-thể thao: 2,47 ha (*Chuyển từ đất nông nghiệp*).

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 15,87 ha, tăng 2,47 ha so với năm 2022. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 21 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 5,13 ha. Do cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025, nhiều công trình, dự án chưa triển khai trong năm 2023, cho nên thành phố xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ.

Năm 2023, đất cơ sở thể dục thể thao tăng trong các khu đô thị (*theo cơ cấu đất quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt*).

- Đất cơ sở thể dục-thể thao phân bố ở hầu hết các phường, xã (*chi tiết xem biểu 06/CH*)

h.7. Đất công trình năng lượng

- Diện tích năm 2022: 0,05 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 0,05 ha (*giữ nguyên diện tích hiện trạng*).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,31 ha. Chuyển từ đất nông nghiệp.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 0,36 ha, tăng 0,31 ha so với năm 2022. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 2 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 1,64 ha. Do cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025, nhiều công trình ngành điện chưa triển khai thực hiện, cho nên thành phố xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ.

Năm 2023, trên địa bàn thành phố xây dựng các đường dây tải điện, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của ngành điện.

h.8. Đất công trình bưu chính viễn thông

- Diện tích năm 2022: 1,43 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1,43 ha (*giữ nguyên diện tích hiện trạng*).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất bưu chính viễn thông: 0,06 ha. Do xây dựng Bưu điện Văn hóa xã Thành Hải....

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 1,49 ha; tăng 0,06 ha so với năm 2022. Trong đó:



+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 1 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Cao hơn 0,49 ha. Cấp tỉnh phân bổ bằng hiện trạng sử dụng đất năm 2022 (*Năm 2023, diện tích đất công trình bưu chính viễn thông không tăng*). Năm 2023, trên địa bàn thành phố có nhu cầu xây dựng Bưu điện Văn hóa xã Thành Hải, cho nên thành phố xác định cao hơn cấp tỉnh phân bổ.

h.9. Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ 4,0 ha.

- Diện tích hành phố xác định: Thấp hơn 4,0 ha.

Năm 2022 (*Kể từ kiểm kê đất đai năm 2019, thống kê đất đai năm 2020 và các năm trước năm 2019*), trên địa bàn thành phố có công trình Kho dự trữ quốc gia, được xây dựng trên địa bàn xã Thành Hải và đã thống kê vào đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp. Theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công trình Kho dự trữ quốc gia thuộc phân loại đất xây dựng Kho dự trữ quốc gia. Năm 2023, chưa thực hiện chuyển đổi loại đất, cho nên thành phố xác định thấp hơn chỉ tiêu của tỉnh phân bổ. Như vậy, năm 2023, thành phố chưa xác định chỉ tiêu đất xây dựng Kho dự trữ quốc gia.

h.10. Đất di tích lịch sử văn hóa

- Diện tích năm 2022: 10,07 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 10,07 ha (*Không biến động so với năm 2022*).

Trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 10 ha, thành phố không xác định bổ sung (*Cao hơn 0,07 ha là do cấp tỉnh cộng quy tròn số*).

h.11. Đất bãi thải, xử lý chất thải

- Diện tích năm 2022: 0,20 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 0,20 ha (*Không biến động so với năm 2022*).

h.12. Đất cơ sở tôn giáo

- Diện tích năm 2022: 24,37 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 24,37 ha (*Không biến động so với năm 2022*).

Trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 24 ha, thành phố không xác định bổ sung (*Cao hơn 0,37 ha là do cấp tỉnh cộng quy tròn số*).

h.13. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa

- Diện tích năm 2022: 91,14 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 89,84 ha, giảm 1,30 ha, do chuyển sang các loại đất khác trong nhóm đất phi nông nghiệp (*Chủ yếu do XD các khu đô thị*).

- Năm 2023, trên địa bàn thành phố không mở rộng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 89,84 ha, giảm 1,30ha so với năm 2022.

Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 58 ha.



+ Diện tích thành phố xác định: Cao hơn 31,84 ha. Trong năm, chủ yếu là chuyển đất nghĩa trang, nghĩa địa chuyên sang các loại đất khác trong nội bộ đất phi nông nghiệp khi thực hiện các dự án xây dựng khu đô thị, hạ tầng cơ sở... Cấp tỉnh phân bổ giảm từ 91,14 ha năm 2022 xuống còn 58 ha đến năm 2025 (giảm 33,15 ha). Đến năm 2023, do một số công trình, dự án, khu đô thị chưa triển khai xây dựng, đất nghĩa trang, nghĩa địa chưa chuyên sang các loại đất khác trong nhóm đất phi nông nghiệp, cho nên thành phố xác định giảm ít hơn so với cấp tỉnh phân bổ.

h.14. Đất cơ sở nghiên cứu khoa học

- Diện tích năm 2022: 1,91 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 1,91 ha (*Không biến động so với năm 2022*).

h.15. Đất cơ sở dịch vụ về xã hội

- Diện tích năm 2022: 0,61 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 0,61 ha (*Không biến động so với năm 2022*).

h.16. Đất chợ

- Diện tích năm 2022: 7,41 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 7,41 ha (*Giữ nguyên diện tích hiện trạng*).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất chợ: 2,79 ha, (*Chuyển từ đất nông nghiệp sang*). Năm kế hoạch 2023, mở rộng Chợ đầu mối nông sản Phan Rang, phường Tấn Tài; đất chợ trong các khu đô thị (*theo cơ cấu đất quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt*).

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 10,20 ha; tăng 2,79 ha so với năm 2022.

i. Đất sinh hoạt cộng đồng

- Diện tích năm 2022: 2,23 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,23 ha (*Giữ nguyên diện tích hiện trạng*).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng: 0,14 ha (*chuyển từ đất nông nghiệp sang*)....

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 2,37 ha; tăng 0,14 ha so với năm 2022.

Năm kế hoạch 2023, xây dựng nhà văn hóa khu phố 5 phường Đạo Long; nhà văn hóa khu phố 6 phường Mỹ Bình; Trụ sở BQL khu phố 4 và Trụ sở BQL khu phố 6 phường Đông Hải...

Ngoài ra, để hoàn thành thủ tục giao đất, trong phương án kế hoạch sử dụng đất đưa vào 11 công trình đã xây dựng để làm căn cứ giao đất mà không tính diện tích tăng thêm thuộc các phường Mỹ Hải, Mỹ Đông và xã Thành Hải, Trụ sở BQL khu phố 6, phường Bảo An (chi tiết xem biểu 10/CH).

- Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng phân bố ở tất cả các xã, phường (*chi tiết xem biểu 06/CH*).

j. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

- Diện tích năm 2022: 33,35 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 32,35 ha, giảm 01 ha. Do thay đổi cơ cấu sử dụng đất theo khu chức năng trong quy hoạch chi



tiết xây dựng.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 18,66 ha (*Chuyển từ đất nông nghiệp sang*).

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 51,01 ha, tăng 17,66 ha so với năm 2022.

Năm kế hoạch 2023, đất khu vui chơi giải trí tăng do xây dựng các vườn hoa, công viên trong các khu đô thị mới, khu đô thị biển Bình Sơn-Ninh Chữ, khu đô thị mới phường Phú Hà... Ngoài ra, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trong công viên biển Bình Sơn (phần còn lại).

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng chủ yếu là các vườn hoa, công viên cây xanh trên địa bàn các xã, phường.

k. Đất ở tại nông thôn

- Diện tích năm 2022: 86,07 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 85,86 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại nông thôn: 1,38 ha. chuyển từ đất trồng lúa, cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 87,24 ha, tăng 1,17 ha so với năm 2022.

Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 75 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Cao hơn 12,24 ha. Diện tích năm 2022, thành phố có 86,07 ha đất ở tại nông thôn, cấp tỉnh phân bổ 75 ha, thấp hơn diện tích hiện trạng sử dụng đất của thành phố. Bên cạnh đó, năm 2023, thành phố mở rộng đất ở do xây dựng khu dân cư và các hộ gia đình chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở, Khu dân cư Chí Lành... Do đó, thành phố xác định cao hơn cấp tỉnh phân bổ.

l. Đất ở tại đô thị

- Diện tích năm 2022: 857,74 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 852,08 ha, giảm 5,66 ha, do chuyển sang các loại đất khác trong nhóm đất phi nông nghiệp (*Trong đó, chủ yếu là chuyển sang đất giao thông do xây dựng các tuyến đường trong các khu đô thị*).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại đô thị: 115,31 ha. chuyển từ đất nông nghiệp sang 99,04 ha, từ đất chưa sử dụng sang 2,0 ha và diện tích tăng còn lại chuyển từ nội bộ đất phi nông nghiệp sang.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 967,39 ha, tăng 109,65 ha so với năm 2022.

Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 1.182 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 214,61 ha.... Do cấp tỉnh phân bổ cho thành phố đến năm 2025, nhiều khu đô thị chưa triển khai xây dựng trong năm 2023, cho nên thành phố xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ.

Năm kế hoạch 2023, trên địa bàn thành phố tập trung xây dựng các khu đô thị



mới Mỹ Phước, khu đô thị mới bờ sông Dinh, Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K3), khu đô thị mới Phú Hà, Khu dân cư Bắc đường 16 tháng 4 (trục D6 - D7) phường Mỹ Bình, khu dân cư tái định cư thành phố (Khu TĐC Bệnh viện mở rộng), Khu đô thị Đông Văn Sơn - Bắc Bình Sơn, Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Phan Rang-Tháp Chàm... và diện tích các hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở, khép kín các khu đô thị.

m. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

- Diện tích năm 2022: 23,68 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 23,62 ha, giảm 0,06 ha do bán đấu giá quyền sử dụng đất trụ sở các trụ sở: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Trụ ở Kho Bạc tỉnh, khu đất trụ sở đã giao cho BQL Khu công nghiệp tỉnh.
- Diện tích kế hoạch năm 2023: 23,62 ha, giảm 0,06ha so với năm 2022.

Trong đó:

- + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 32 ha.
- + Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 8,38 ha. Cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025, nhiều công trình năm 2023 chưa triển khai xây dựng như: Khu hành chính tập trung tỉnh (12,0 ha), cho nên thành phố xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ.
- Năm 2023, trên địa bàn thành phố không mở rộng đất xây dựng trụ sở cơ quan.

n. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

- Diện tích năm 2022: 6,72 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 6,67 ha, giảm 0,05 ha, do chuyển trụ sở Hội chữ thập đỏ tỉnh tại phường Tấn Tài sang Bệnh viện mắt.
- Diện tích kế hoạch năm 2023: 6,67 ha, giảm 0,05 ha so với năm 2022. Trong đó:

- + Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 7 ha.
- + Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 0,33 ha. Do cấp tỉnh phân bổ cho thành phố đến năm 2025, các trụ sở chưa triển khai trong năm 2023, cho nên thành phố xác định thấp hơn cấp tỉnh phân bổ.
- Năm 2023, trên địa bàn thành phố không mở rộng đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp.

o. Đất cơ sở tín ngưỡng

- Diện tích năm 2022: 8,69 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2023: 8,69 ha (*Không biến động so với năm 2022*).

p. Đất sông, ngòi, suối

- Diện tích năm 2022: 241,37 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2023: 241,37 ha (*Không biến động so với năm 2022*).

q. Đất có mặt nước chuyên dùng.

- Diện tích năm 2022: 20,43 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 20,43 ha (*Gửi nguyên diện tích hiện trạng*).



- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng: 5,02 ha (Xây dựng hồ Đông Hải).

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023: 25,45 ha, tăng 5,02ha so với năm 2022, do xây dựng hồ điều hòa, phường Đông Hải thuộc dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.

r. Đất phi nông nghiệp khác.

- Diện tích năm 2022: 8,21 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 8,21 ha (Không biến động so với năm 2022).

3.4.3. Đất chưa sử dụng

- Diện tích năm 2022: 59,43 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023: 51,00 ha, giảm 8,43 ha so với năm 2022. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 38,0 ha.

+ Thành phố xác định: Cao hơn 13,00 ha. Do cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025, nhiều công trình, dự án chưa triển khai trong năm 2023, chưa khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng, cho nên thành phố xác định cao hơn.

3.5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích năm 2023

Để thực hiện được các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng thì ngoài khai thác quỹ đất chưa sử dụng, phải lấy thêm từ các loại đất đang sử dụng. Năm 2023, sẽ chuyển 246,57 ha đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp và đất phi nông nghiệp không phải đất ở 3,16 ha, cụ thể như sau:

Biểu 17: Diện tích các loại đất chuyển mục đích năm 2023

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	246,57
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	43,79
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	43,79
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	141,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	55,20
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	6,33
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,03
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		9,76
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	9,76
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,16

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp phường, xã xem biểu 07/CH.

3.6. Diện tích đất cần thu hồi năm 2023

Ngoài diện tích đất cho nhân dân tự chuyên mục đích sử dụng đất, để thực hiện các công trình, dự án thì diện tích đất cần phải thu hồi 199,37 ha, cụ thể như sau:

Biểu 18: Diện tích đất cần thu hồi năm 2023

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
	Tổng cộng		199,37
1	Đất nông nghiệp	NNP	192,05
1.1	Đất trồng lúa	LUA	29,51
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>29,51</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	118,13
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	44,07
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,31
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7,32
2.3	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1,99
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,21
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	5,12

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 08/CH.

3.7. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2023

Để khai thác triệt để và có hiệu quả tiềm năng đất đai, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất các ngành; trong năm kế hoạch sẽ khai thác diện tích đất chưa sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp 8,43 ha, đưa vào sử dụng cho các mục đích qua bảng sau:

Biểu 19: Diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023

Số TT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)
	Tổng cộng (1+2)		8,43
1	Đất nông nghiệp	NNP	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8,43
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,03
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,98
2.3	Đất phát triển hạ tầng	DHT	4,42
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	2,00

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 09/CH.

3.8. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

Căn cứ phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và bản đồ KHSD đất toàn thành phố năm 2023, tỷ lệ 1/25.000; tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất theo các khu chức năng như sau: (Chi tiết xem biểu 11/CH).

a. Đất đô thị (KDT):

Năm 2023, đất đô thị của thành phố có 6.995,87 ha, chiếm 88,35% diện tích tự nhiên của thành phố, là diện tích tự nhiên của 15 phường. Trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 6.996,00 ha, thành phố không xác định bổ sung (Thấp hơn 0,13 ha, do cấp tỉnh cộng quy tròn số).

b. Khu sản xuất nông nghiệp-KNN:

Tổng diện tích khu vực sản xuất nông nghiệp toàn thành phố năm 2023 có 1.052,00 ha, chiếm 13,28% tổng DTTN toàn thành phố, phân bổ ở các phường Văn Hải, Đô Vinh, Bảo An và xã Thành Hải. Trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 1.052,00 ha, thành phố không xác định bổ sung.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của năm 2023 ở các phường Mỹ Bình, Tấn Tài, Đài Sơn, Mỹ Đông, Phú Hà sẽ chuyển sang đất phi nông nghiệp, phát triển đô thị, các khu đô thị mới, thương mại dịch vụ.

c. Khu du lịch-KDL: Phát triển tập trung ở khu vực ven biển chủ yếu là du lịch nghỉ dưỡng ở trục đường Yên Ninh đi ra biển, ven sông Dinh và kết hợp di tích lịch sử tại phường Đô Vinh. Kết hợp với phát triển các sản phẩm đặc thù của địa phương như nho, vang nho, thịt dê, cừu, các điểm khu vui chơi giải trí.

- Tổng diện tích khu du lịch toàn thành phố năm 2023 có 83,00 ha, chiếm 1,05% tổng DTTN toàn thành phố. Trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 83,00 ha, thành phố không xác định bổ sung.

Khu du lịch phân bổ ở các phường Văn Hải, Mỹ Bình, Mỹ Hải và Đô Vinh.

d. Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)-KKN: Bao gồm khu công nghiệp và cụm công nghiệp, phân bổ ở xã Thành Hải, phường Văn Hải và phường Đô Vinh. Khu phát triển công nghiệp của thành phố bố trí thành các khu sản xuất tập trung.

Kế hoạch năm 2023, tổng diện tích khu phát triển công nghiệp có 104,54 ha, chiếm 1,5% tổng DTTN toàn thành phố. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 118,00 ha.

+ Diện tích thành phố xác định: Thấp hơn 13,46 ha. Do cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025, năm 2023, chưa mở rộng Cụm Công nghiệp Tháp Chàm.

e. Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)-DTC: Phát triển các khu đô thị kết hợp với thương mại, dịch vụ như khu đô thị Tây Bắc, khu đô thị hai bên bờ sông Dinh, khu đô thị K1, K2, Đông Nam, Bình Sơn Ninh Chữ... thu hút đầu tư, đáp ứng được nhu cầu đất ở, tái định cư và đất ở thương mại...

Tổng diện tích khu đô thị toàn thành phố năm 2023 có 1.644,00 ha, chiếm



20,76% tổng DTTN toàn thành phố. Trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 1.644,00 ha, thành phố không xác định bổ sung.

Khu đô thị phân bố ở tất cả các phường, xã trên địa bàn thành phố. Các khu đô thị mới sẽ xây dựng trong những năm tới gồm có:

- Khu đô thị biên Bình Sơn-Ninh Chữ.
- Khu đô thị Mỹ Phước.
- Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K3)
- Khu đô thị mới Đông Văn Sơn - Bắc Bình Sơn.
- Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.
- Khu đô thị mới phía Nam đường Phan Đăng Lưu.
- Khu đô thị mới Phủ Hà.
- Khu đô thị mới bờ sông Dinh.
- Và các khu đô thị khác (*Chi tiết các khu đô thị xem biểu 10/CH*).

e. Khu thương mại - dịch vụ-KTM:

Tổng diện tích khu đô thị toàn thành phố năm 2023 có 93,00 ha, chiếm 1,17% tổng DTTN toàn thành phố. Trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 93,00 ha, thành phố không xác định bổ sung.

f. Khu dân cư nông thôn:

Tổng diện tích khu dân cư nông thôn toàn thành phố năm 2023 có 919,00 ha, chiếm 1,61% tổng DTTN toàn thành phố. Trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 919,00 ha, thành phố không xác định bổ sung. Khu dân cư nông thôn phân bố ở xã Thành Hải.

3.9. Danh mục các công trình, dự án và số lượng hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất năm kế hoạch 2023

a. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023

Căn cứ các danh mục dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được phê duyệt, các Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua công trình, dự án thu hồi đất văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; các dự án đã có chủ trương đầu tư; các dự án có khả năng thực hiện. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, thành phố có 104 công trình, dự án. Để khai thác từ nguồn lực đất đai, năm kế hoạch 2023 còn có 107 vị trí lô, thửa đất để khai thác, huy động nguồn lực; đưa ra đấu giá quyền sử dụng đất; đưa ra đấu giá cho thuê đất; giao đất và 21 (*Chuyển từ năm 2022 sang 14 công trình và đăng ký mới 7 công trình*) công trình đã xây dựng để hoàn thành thủ tục đất đai. Tổng hợp danh mục công trình, dự án như sau:



Biểu 20: Tổng hợp danh mục công trình, dự án năm 2023

Số TT	Nội dung	Công trình, DA năm 2022	CT, dự án năm 2023	Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Công trình, dự án quốc phòng, an ninh	5		5
2.	CT Chính phủ chấp thuận đầu tư (đang triển khai)	1		1
3.	Công trình thu hồi đất đã thông qua HĐND tỉnh về thu hồi đất năm 2023 (NQ 58)	24	3	27
4.	Công trình, dự án đưa vào kế hoạch SD đất năm 2023 để làm các thủ tục về đất đai... để thực hiện	21	10	31
5.	Công trình, dự án chuyển mục đích SD đất. Trong đó: Có 02 công trình đã được thông qua HĐND tỉnh (NQ 59)	38	2	40
	Cộng	89	15	104

Chi tiết Công trình, dự án và căn cứ pháp lý xem biểu 10/CH kèm theo báo cáo thuyết minh.

b. Tổng hợp số lượng hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất năm kế hoạch 2023

Căn cứ vào công văn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân năm 2023 của UBND cấp xã. Tổng hợp số lượng hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất năm kế hoạch 2023 như sau:

* Tổng số hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất: 547 thửa, với diện tích 25,60 ha. Trong đó:

- UBND cấp xã đăng ký: 507 thửa, với diện tích 24,98 ha.

- Các thửa đất nhỏ hẹp, xen kẽ khu dân cư chuyển mục đích sử dụng đất: 40 thửa, với diện tích 0,62 ha.

* Thống kê đất công ích vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá quyền cho thuê đất, thực hiện hợp đồng cho thuê đất:

- Tổng số thửa: 875 thửa.

- Diện tích: 91,57 ha.

Chi tiết chia theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:



Biểu 21: Tổng hợp số lượng hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất năm kế hoạch 2023

Số TT	Xã, phường	Tổng số thửa	Diện tích (m ²)	Đất công ích	
				Tổng số thửa	Diện tích (m ²)
1	Phường Kinh Dinh	5	572,7		
2	Phường Đạo Long	16	13.706,30	87	71.663,0
3	Phường Tấn Tài	23	3.457,10	18	15.212,0
4	Phường Phủ Hà	7	1.111,00	20	13.668,6
5	Phường Thanh Sơn	23	3.389,0		
6	Phường Phước Mỹ	32	9.761,60	126	156.531,6
7	Phường Bảo An. Trong đó:	18	6.555,00	30	43.961,2
	- Chuyển đất nông nghiệp sang đất PNN	10	1.410,00		
	- Chuyển đổi nội bộ đất nông nghiệp	8	5.145,00		
8	Phường Đô Vinh	40	3.958,90	282	215.111,5
9	Phường Đài Sơn	57	15.693,00		
10	Phường Mỹ Đông	33	7.729,90	43	44.668,3
11	Phường Đông Hải	21	8.018,30		
12	Phường Văn Hải. Trong đó:	145	149.520,1	118	209.399,0
	- Chuyển đất nông nghiệp sang đất PNN	20	4.934,10		
	- Chuyển đổi nội bộ đất nông nghiệp	125	144.586,00		
13	Phường Mỹ Hải	17	5.472,8	36	36.761,9
14	Phường Mỹ Bình	17	2.471,60	6	7.851,9
15	Xã Thành Hải	53	18.338,00	109	100.900,5
16	Phường Mỹ Hương	0			
I.	CỘNG	507	249.755,30	875	915.729,50
II.	Các thửa đất nhỏ hẹp, xen kẽ khu dân cư chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 (Các phường, xã-Phụ biểu 17,18)	40	6.228,75		
	TỔNG CỘNG	547	255.984,05	875	915.729,50

Chi tiết danh sách các hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất xem phụ biểu 1 đến phụ biểu 15 và phụ biểu 17,18, 21.

3.10. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

a. Cơ sở tính toán

- Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP; Thông tư 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP.

- Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Ninh Thuận về quy định giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Về Bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; về quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Phan Rang-Tháp Chàm.

- Căn cứ bảng giá bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây cối, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh khi nhà nước thu hồi đất; căn cứ những chính sách ưu đãi của nhà nước, của tỉnh đối với những doanh nghiệp thuê đất để đầu tư sản xuất kinh doanh,...

- Căn cứ diện tích các loại đất chuyển đổi mục đích sử dụng đất và diện tích đất sẽ thu hồi trong năm 2023.

Theo đó dự kiến nguồn thu, chi từ đất như sau:

b. Dự tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai năm 2023 gồm có:

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 620 tỷ đồng (Tạm tính theo nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá các vị trí theo kế hoạch sử dụng đất).

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư,...: 386 tỷ đồng (Tạm tính, chi tiết theo từng dự án khi ở bước triển khai thực hiện).

- Cân đối: 234 tỷ đồng;

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân canh, đầu tư cân đối các loại phân bón, trong đó chú trọng bón các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải tạo độ phì nhiêu đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Khu, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường; cần phải thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể về xây dựng cụm công nghiệp, các nhà máy, các cơ sở sản xuất công nghiệp,... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với các ngành của tỉnh xây dựng và tăng cường năng lực dự báo thời tiết và cảnh báo thiên tai trên địa bàn thành phố, thường xuyên cập nhập, hoàn thiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của thành phố.

- Tập trung đầu tư xây dựng các dự án chống sạt lở, ngăn mặn như khu neo đậu tránh trú bão cửa sông Cái, đập ngăn mặn, gắn với bảo vệ không gian thoát lũ trên lưu vực sông Dinh.

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất trong đó chú trọng phát triển các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thích ứng với biến động thời tiết và khả năng kháng dịch bệnh cao; thích ứng với nước biển dâng và xâm nhập mặn. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác mới, quan tâm nhiều hơn đến môi trường và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; hướng đến nền nông nghiệp hàng hóa, sạch, đa dạng, phát triển bền vững.

- Tăng cường các biện pháp điều tiết nguồn nước bảo đảm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; áp dụng công nghệ và phương pháp sản xuất tiết kiệm nước; chủ động phòng chống và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; thực hiện nền nếp công tác cấp phép khai thác tài nguyên nước và cấp phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng tránh thiên tai cho cộng đồng; xây dựng cơ chế, chính sách bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai, đặc biệt là vùng ven biển của thành phố.

- Xây dựng phương án cụ thể di dời, bố trí quỹ đất tái định cư để sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, lụt và những khu vực ven biển bị xâm thực do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Chú trọng đến các cụm dân cư vùng khu vực bờ sông, bờ biển bị sạt lở

- Cần xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo sớm lưu vực sông Dinh và tác động của xâm nhập mặn vùng hạ lưu sông Dinh để giảm thiểu ảnh hưởng đến sản xuất.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai, đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở các vị trí có lợi thế, khu vực các trục giao thông... để tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ...

- Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, các khu vui chơi giải trí nông thôn...

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh để thu hút đầu tư.

- Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện nhanh và đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp cũng như các đối tượng bị thu hồi đất đối với dự án sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thực hiện cơ chế doanh nghiệp tự thỏa thuận với người sử dụng đất để thực hiện dự án của mình.



- Việc quản lý và khai thác đai đai ven các tuyến đường mới được đầu tư: thu hồi đất để cải tạo chỉnh trang đô thị, gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội và khu đô thị mới, đáp ứng nhu cầu phát triển công cộng. Khai thác những vị trí thuận lợi cho kinh doanh để tạo nguồn thu từ đất...

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Phổ biến, giáo dục và nâng cao nhận thức chính sách pháp luật đất đai cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư toàn thành phố; tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng tại các khu dân cư, tổ dân phố. Đặc biệt là tuyên truyền về đăng ký chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở của các hộ gia đình, cá nhân phải nằm trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt và phù hợp với các quy hoạch ngành thì mới được thực hiện quyền chuyển mục đích sử dụng đất.

- Thực hiện việc công bố công khai kế hoạch sử dụng đất toàn thành phố sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- UBND thành phố phối hợp tốt và thường xuyên với các cấp, ngành, tham gia xây dựng kế hoạch sử dụng đất để tổng hợp đầy đủ nhu cầu sử dụng đất các dự án của các cấp, các ngành trong năm kế hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; kế hoạch của các ngành, địa phương có sử dụng đất phải dựa trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất toàn thành phố được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp; đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nhà đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển khu, cụm công nghiệp; phát triển du lịch, dịch vụ.

- Thực hiện việc quản lý đất đai theo kế hoạch: Bao gồm việc thẩm định dự án, xét duyệt dự án, thu hồi đất và giao đất phải theo đúng kế hoạch.

- Kiểm soát chặt chẽ và giảm diện tích đất lúa sang sử dụng vào các mục đích khác phù hợp theo kế hoạch; tiết kiệm cao nhất diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đã thu hồi đất.

- Khuyến khích nhân dân được chuyển mục đích sử dụng đất những thửa đất đan xen, có diện tích nhỏ phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt để thuận lợi trong quản lý và có nguồn thu ngân sách.

- Phát huy chính sách liên kết đầu tư giữa các doanh nghiệp và nhân dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

- UBND các xã, phường căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của thành phố đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính cấp mình, thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy



định pháp luật.

- Hàng năm, phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho UBND thành phố biết để làm cơ sở điều chỉnh cho năm sau.

4.4. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Ứng dụng các giống chịu hạn, tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp.
- Trong sản xuất công nghiệp - TTCN; chế biến nông nghiệp, thủy sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh.
- Ưu tiên đầu tư công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải, rác thải; tái chế rác thải cho khu, cụm công nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Dự án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố được xây dựng trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội toàn thành phố và các ngành năm 2023. Dự án đã đánh giá khái quát về điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội toàn thành phố, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và xác định những tồn tại, nguyên nhân để làm cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cho các ngành để đạt được mục tiêu đề ra và có tính khả thi cao hơn.

Kết quả lập kế hoạch sử dụng đất đã xác định được ranh giới sử dụng các loại đất: Đất nông nghiệp (*Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, ...*); đất phi nông nghiệp (đất trụ sở cơ quan, đất quốc phòng, an ninh, đất khu, cụm công nghiệp, đất ở tại đô thị, đất phát triển hạ tầng; xác định quỹ đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất phát triển các ngành kinh tế- xã hội toàn thành phố, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Thực hiện dự án kế hoạch sử dụng đất sẽ góp phần đạt được các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội toàn thành phố.

II. KIẾN NGHỊ

Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm phụ thuộc vào nguồn vốn thực hiện các công trình, dự án. Vì vậy, hàng năm các Sở, Ngành, các doanh nghiệp,... cần sớm đăng ký danh mục các công trình, dự án thực hiện trên địa bàn để việc lập kế hoạch sử dụng đất được đầy đủ, chính xác.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố có một số diện tích đất vườn, ao liền kề và đất nông nghiệp xen trong khu dân cư. Khi lập kế hoạch sử dụng đất nhân dân chưa đăng ký chuyển mục đích, nhưng lại có nhu cầu chuyển sang đất ở và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch chi tiết xây dựng, không thuộc khu vực phải thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt. Căn cứ vào tổng diện tích chuyển mục đích của phương án kế hoạch sử dụng đất, đề nghị cho phép nhân dân được chuyển mục đích sử dụng đất những thửa đất đan xen trong khu dân cư phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất để thuận lợi trong quản lý đất đai và tăng nguồn thu ngân sách của địa phương.

Các quy hoạch xây dựng chính trang đã phê duyệt từ nhiều năm trước như khu phố 6, 7 và đường kênh G2 phường Đô Vinh hoặc một số vùng thuộc diện thu hồi đất nhưng nằm tiếp giáp khu dân cư hiện hữu và hiện nay đã khép kín dân cư như khu phố 1, 2 phường Đài Sơn... cần được điều chỉnh quy hoạch hoặc thực hiện quy hoạch mới để nhân dân chuyển mục đích sử dụng đất và tăng nguồn thu từ đất.

Khi lập quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) cho khu dân cư, khu đô thị ở một số khu phố, không dành quỹ đất xây dựng nhà văn hóa khu phố. Dẫn đến một số địa phương đã được bố trí vốn để xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố, nhưng không có quỹ đất xây dựng. Đề nghị khi lập quy hoạch chi tiết xây dựng cần dành một quỹ đất để xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố, với vị trí thuận lợi cho nhân dân sinh hoạt.

Theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố được được phê



duyet tại quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Trung tâm phòng chống sốt rét, Kí sinh trùng - côn trùng (cũ) và trạm y tế cũ của phường Đô Vinh là đất thương mại dịch vụ. Ngày 14/3/2023, Sở Xây dựng đã ban hành văn bản số 731/SXD-QLQHKT&NƠ về việc giải quyết các vấn đề liên quan đấu giá các cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp lại theo kiến nghị của UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, 02 công trình trên có diện tích nhỏ, không phù hợp với tình hình, điều kiện xung quanh vị trí khu đất... Sở Xây dựng đã thống nhất theo đề nghị của UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm chuyển 02 vị trí đất trên sang đất ở tại đô thị và đề nghị UBND tỉnh chấp thuận theo đề nghị của UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố được phê duyệt, trước khi triển khai đấu giá đất, đề nghị trình Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận xem xét, quyết định.